

FECON

ĐẦU TƯ
HẠ TẦNG NĂNG LƯỢNG



ĐẦU TƯ & THI CÔNG
HẠ TẦNG GIAO THÔNG



XÂY DỰNG
DÂN DỤNG & CÔNG NGHIỆP



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÓ THỊ



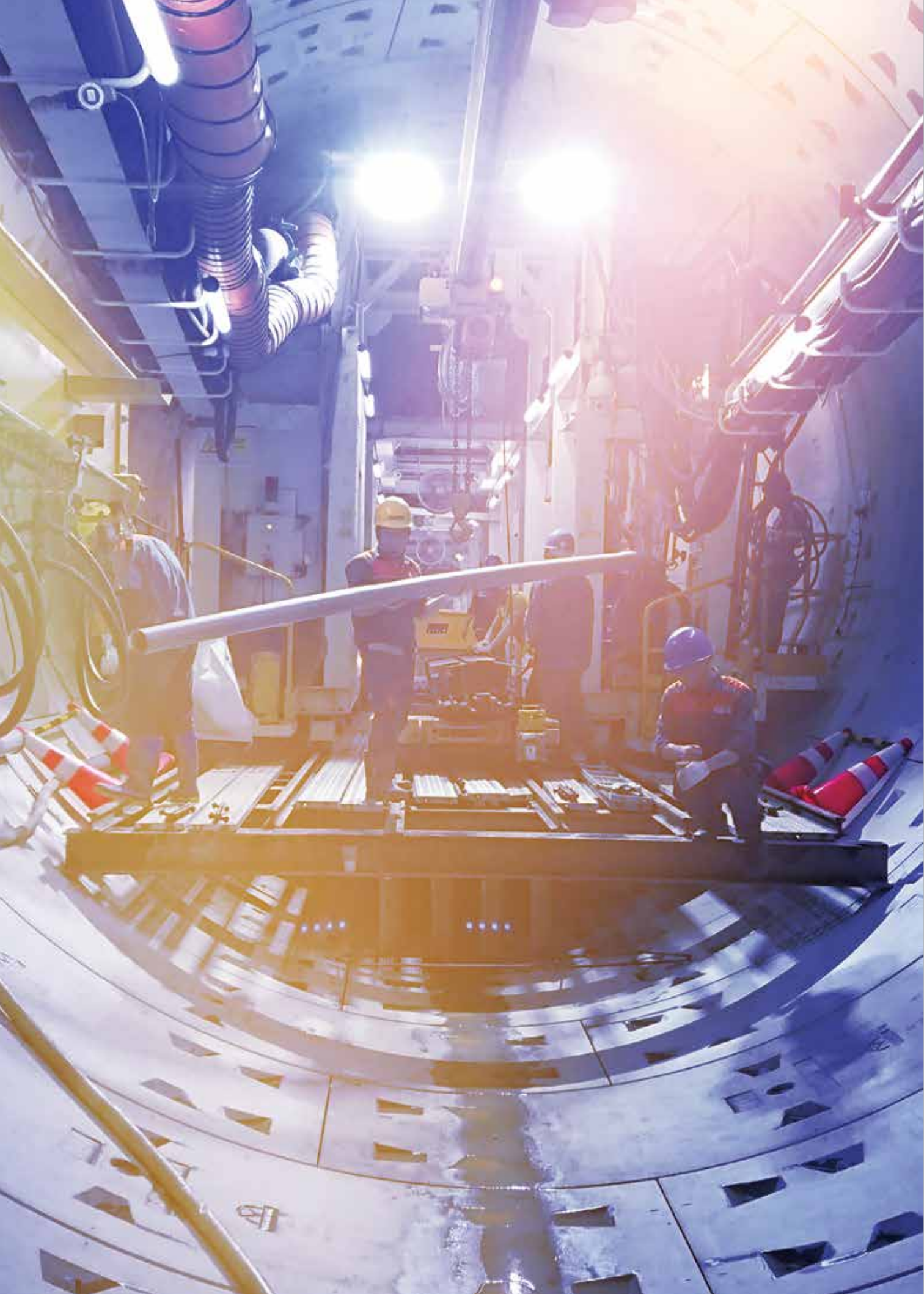
THI CÔNG
CÔNG TRÌNH NGẦM



THI CÔNG NỀN MÓNG



www.fecon.com.vn



FECON

Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tên tiếng Anh: FECON CORPORATION

Tên viết tắt: FECON

Giấy đăng ký kinh doanh:

Số 0101502599 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/6/2004

Địa chỉ: Tầng 15, Tháp CEO, Lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 024 62690481

Email: info@fecon.com.vn | Website: www.fecon.com.vn



Thông điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kính gửi Quý Cổ đông và toàn thể CBCNV Công ty FECON

Quý vị đang cầm trên tay cuốn Báo cáo thường niên 2018 của công ty cổ phần FECON và chắc hẳn đã nhìn thấy những con số ấn tượng mà công ty đã đạt được trong năm qua.

Năm 2018, FECON đã có những bước tăng trưởng lớn khi doanh thu hợp nhất toàn tập đoàn đạt 2.846 tỷ, tăng 23% so với năm 2017 (2.320 tỷ) hoàn thành 81% kế hoạch (3.500 tỷ), lợi nhuận sau thuế đạt 249 tỷ, tăng 40% so với năm 2017, hoàn thành 92% kế hoạch (272 tỷ). Trong bối cảnh thị trường xây dựng nhiều cạnh tranh, FECON không chỉ giữ vững được mối quan hệ với các khách hàng cũ, nhiều công trình được chủ đầu tư tin nhiệm giao thi công giai đoạn tiếp theo mà còn phát triển thêm khách hàng mới, thi công hàng loạt dự án lớn như: Metro Line 1 Hồ Chí Minh, Metro Line 3 Hà Nội, Dự án Nhà máy sản xuất Thép Hòa Phát, Dự án Hóa dầu Long Sơn, Dự án Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn 2 v.v... giúp cho các mảng kinh doanh cốt lõi tiếp tục tăng trưởng. Cộng với đó, những lĩnh vực mới như xây dựng kết cấu ngầm, xây dựng công nghiệp, đầu tư năng lượng... cũng có những đóng góp khả quan trong cơ cấu doanh thu và lợi nhuận.

Điều này khẳng định sự đúng đắn của việc điều chỉnh định hướng kinh doanh theo hướng giảm dần sự phụ thuộc vào thị trường kinh doanh truyền thống vốn đã và đang bị cạnh tranh khốc liệt.

Năm 2019, ngành xây dựng được dự đoán sẽ tăng trưởng khoảng 7,23% do nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng ở Việt Nam vẫn còn rất lớn, chủ yếu do tăng trưởng kinh tế cao và xu hướng đô thị hóa. Cũng theo dự báo, mảng xây dựng công nghiệp sẽ có mức tăng trưởng cao nhất do Việt Nam có tiềm năng trở thành trung tâm công nghiệp mới tại Đông Nam Á. FECON tận dụng những lợi thế riêng của mình để duy trì tốt các hoạt động kinh doanh trong năm qua nhằm đảm bảo lợi ích của cổ đông và người lao động. Bên cạnh đó, với định hướng trở thành Tập đoàn xây dựng và phát triển hạ tầng hàng đầu Việt Nam, những mảng kinh doanh mới như năng lượng, xây dựng hạ tầng công nghiệp, hạ tầng đô thị được kỳ vọng sẽ đóng góp đáng kể vào lợi nhuận của Tập đoàn trong giai đoạn tiếp theo.

Những tháng đầu năm 2019, chúng ta đã liên tiếp đón tin vui khi FECON trúng những gói thầu quan trọng từ Myanmar, gói thầu thi công tại khách sạn 5* Pullman (Vân Đồn, Quảng Ninh), Tổ hợp Hóa dầu Long Sơn, Dự án nhà máy Jotun Bình Dương, Cao tốc Lộ Tê_Rạch Sỏi... đưa tổng giá trị hợp đồng đã ký cho năm 2019 lên 1500 tỷ đồng. Song song với đó, tháng 2/2019, FECON đã công bố nghị quyết về việc góp vốn thành lập thêm 03 công ty mới, bao gồm Công ty CP thi công cọc FECON số 1, Công ty CP cọc khoan và kết cấu ngầm FECON, và Công ty TNHH Xây dựng FECON Trung Chính Myanmar (Myanmar). Mới đây nhất, ngay đầu tháng 4.2019 FECON đã kịp hoàn tất việc chuyển nhượng 19% cổ phần và cổ phiếu chuyển đổi do trái chủ DBJ nắm giữ cho đối tác Raito – một công ty hàng đầu Nhật Bản trong lĩnh vực xử lý nền đất yếu, công trình ngầm và bảo vệ mái dốc. Tất cả là những hoạt động nằm trong chiến lược phát triển công ty theo mô hình tập đoàn cũng như thể hiện mạnh mẽ tham vọng chinh phục sâu rộng lĩnh vực kinh doanh trong mảng hạ tầng ngầm, xử lý sạt trượt và mở rộng sang thị trường xây dựng đầy tiềm năng tại Đông Nam Á.

Năm 2019, FECON đặt mục tiêu tăng trưởng mạnh về doanh thu với 4.200 tỷ đồng – tăng 47%, LNST đạt 356 tỷ đồng – tăng 43%. Đây tiếp tục là những mục tiêu lớn, đòi hỏi sự nỗ lực của cán bộ công nhân viên công ty và sự đồng lòng của các cổ đông FECON.

Với khát khao chinh phục những tầm cao mới, với sức trẻ của tuổi 15, sự đồng lòng ủng hộ của đông đảo cổ đông công ty, tôi tin tưởng chắc chắn rằng FECON sẽ bứt phá thành công trong nhiệm kỳ mới!

Trân trọng cảm ơn các Cổ đông và toàn thể anh chị em cán bộ, nhân viên FECON.

T/M Hội đồng quản trị
Chủ tịch HĐQT



PHẠM VIỆT KHOA

Mục lục

DẤU ẤN CỦA NĂM

- 10. Những con số ấn tượng năm 2018
- 14. 10 thành tựu tiêu biểu năm 2018

SẴN SÀNG NGUỒN LỰC

- 20. Thông tin chung về công ty
- 22. Lịch sử phát triển của công ty
- 28. Mô hình tổ chức & nhân sự
- 38. Con người là nguồn lực quan trọng nhất

BỨT TỐC THÀNH CÔNG

- 44. Báo cáo hoạt động kinh doanh
- 56. Báo cáo của Ban Kiểm soát về 2018 & tổng kết nhiệm kỳ 2014-2018
- 59. Báo cáo quản trị rủi ro
- 62. Báo cáo phát triển bền vững

NHỮNG MỤC TIÊU MỚI

- 70. 10 hành động chiến lược năm 2019

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- 86. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
- 89. Báo cáo kiểm toán độc lập
- 90. Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 92. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 93. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 94. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

**PHẦN
01 ▶**

DẤU ẤN CỦA NĂM

10.

Những con số ấn tượng năm 2018

14.

10 thành tựu tiêu biểu năm 2018



NHỮNG CON SỐ ẤN TƯỢNG NĂM 2018



CHỈ SỐ KINH DOANH TIÊU BIỂU

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

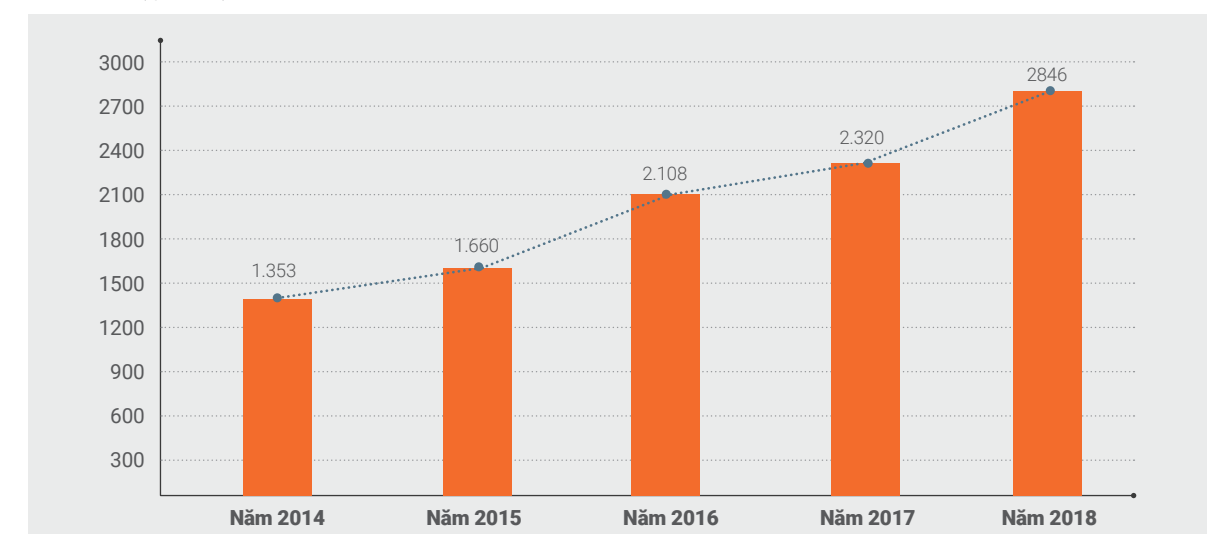
KẾT QUẢ HĐKD	2014	2015	2016	2017	2018	TĂNG TRƯỞNG BÌNH QUÂN (%)
Doanh thu	1.353	1.660	2.108	2.320	2.846	20%
Lợi nhuận gộp	256	289	333	337	428	14%
Lợi nhuận trước thuế	169	188	210	222	306	16%
LN sau thuế	135	154	176	178	249	17%
LN thuộc về cổ đông công ty mẹ	130	141	155	166	246	17%

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

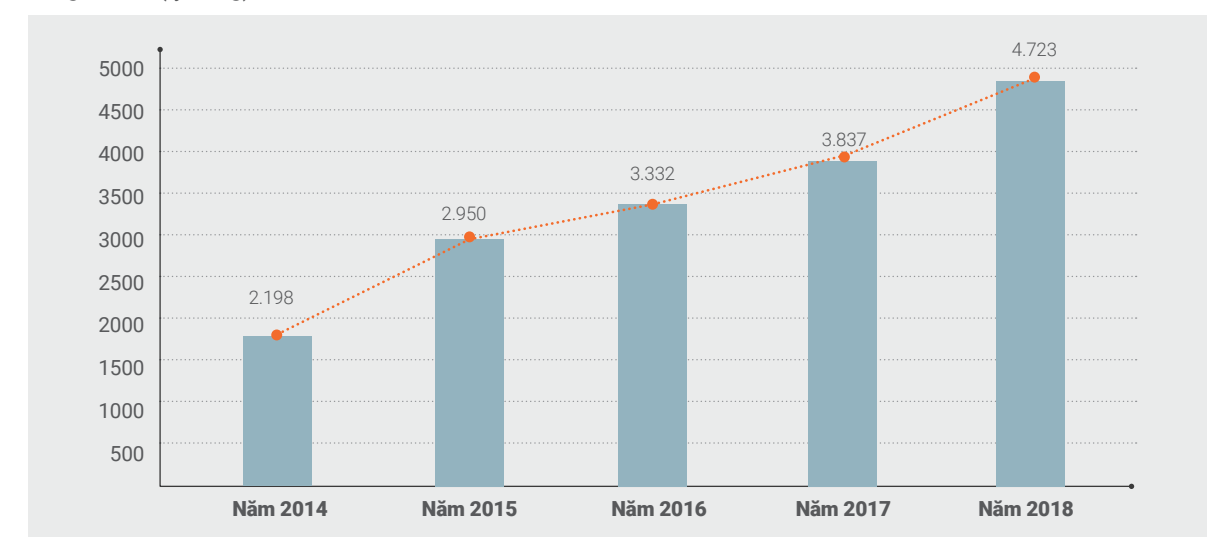
CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2014	2015	2016	2017	2018	TĂNG TRƯỞNG BÌNH QUÂN (%)
Tổng tài sản	2.198	2.950	3.332	3.837	4.723	21%
Tài sản ngắn hạn	1.411	1.957	2.246	2.857	3.651	27%
Tài sản dài hạn	787	992	1.086	981	1.072	8%
Nợ ngắn hạn	1.032	1.295	1.283	1.798	2.172	20%
Nợ dài hạn	369	658	815	652	617	14%
Vốn chủ sở hữu	797	995	1.234	1.387	1.934	25%

CÁC CHỈ SỐ CHÍNH	2014	2015	2016	2017	2018
Tỷ lệ lợi nhuận					
Doanh thu/Tổng tài sản	62%	56%	63%	60%	60%
Tỷ lệ lãi gộp/ Doanh thu	19%	17%	16%	15%	15%
EBIT/ Doanh thu	10%	15%	14%	10%	14%
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu	13%	11%	10%	10%	11%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	10%	9%	8%	8%	9%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	17%	16%	18%	13%	15%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	6%	5%	5%	5%	6%
Thanh khoản					
Tỷ lệ thanh toán hiện hành (lần)	1,37	1,51	1,75	1,59	1,68
Tỷ lệ thanh toán nhanh (lần)	1,22	1,21	1,50	1,36	1,44
Đòn bẩy tài chính					
Nợ/ VCSH (lần)	1,76	1,95	1,69	1,77	1,44
Tổng tài sản/VCSH (lần)	2,76	2,95	2,70	2,77	2,44
Vốn điều lệ					
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	457	457	477	543	943

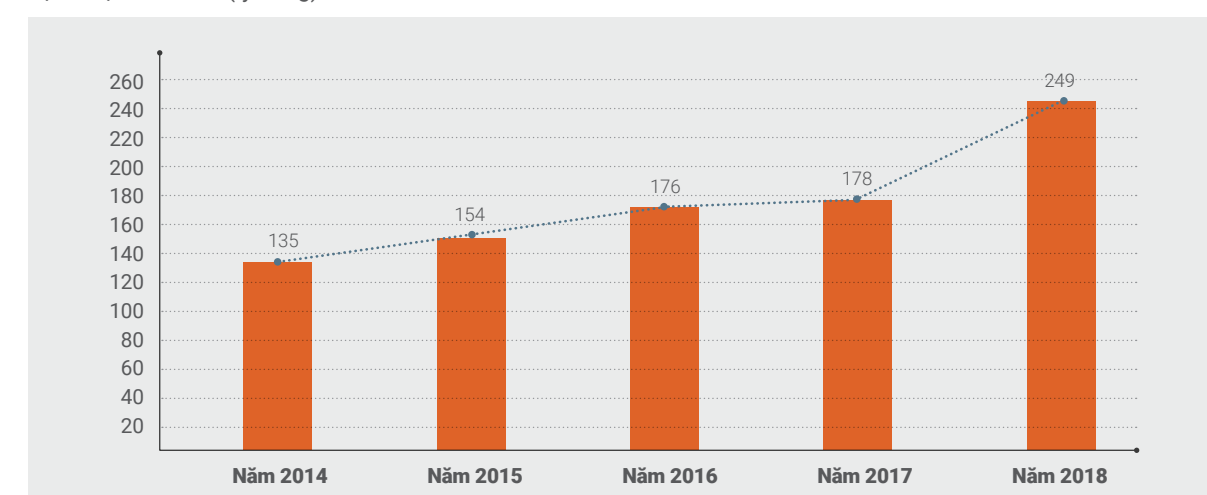
Doanh thu (tỷ đồng)



Tổng tài sản (tỷ đồng)



Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)



10 THÀNH TỰU NỔI BẬT CỦA FECON

năm 2018

01



TĂNG TRƯỞNG VƯỢT BẬC VỀ DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN

Có thể nói, FECON đã có một bước chuyển mình ngoạn mục sau một năm 2017 nhiều khó khăn. Kết thúc năm 2018, FECON đã ghi nhận tổng doanh số Hợp đồng gần 4000 tỷ đồng, doanh thu hợp nhất đạt 2.846 tỷ, tăng 23% so với năm 2017, hoàn thành 81% kế hoạch (3.500 tỷ); lợi nhuận sau thuế đạt 249 tỷ, tăng 40% so với năm 2017, hoàn thành 92% kế hoạch. Kết quả này đạt được là do năm 2018, nhiều dự án

lớn được triển khai và bắt đầu mang về doanh thu, trong đó tiêu biểu nhất là dự án Nhà máy sản xuất Thép Hòa Phát cùng các dự án lớn khác như Empire City HCM, Hóa dầu Long Sơn BRVT, Nhiệt điện Nghi Sơn 2 Thanh Hóa, Nhà máy ô tô Vinfast Hải Phòng, Vincity Tây Hồ Đại Mỹ, Nhà máy nước thải Yên Xá Hà Nội... năm nay, FECON Cũng đã thể hiện thành công vai trò Nhà thầu chính ở 1 loạt dự án như Nhà máy Logistic Thăng Long, Nhà máy Critobalite, Trường Đại học Phenikaa Hà Nội, Gamuda HCM & Empire city HCM.

TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ THÀNH CÔNG QUẢ 02 ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

Năm 2018, FECON đã thành công trong việc phát hành thêm 33 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với sự bảo lãnh của Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank (VCBS) và 2,5 triệu cổ phiếu ESOP cũng đã được phát hành thành công sau đó. Với việc thực hiện thành công 02 đợt phát hành cổ phiếu, vốn điều lệ của FECON trong năm 2018 đã tăng lên hơn 943 tỷ đồng. Thực hiện kế hoạch sử dụng vốn, FECON đã tăng vốn cho Công ty cổ phần FECON South, tăng vốn cho Công

ty cổ phần Công trình ngầm FECON (FCU) để mở rộng sản xuất kinh doanh, phục vụ nhu cầu đầu tư máy móc thiết bị cho mảng công trình ngầm. Bên cạnh đó Công ty đã góp vốn cho dự án Đầu tư Điện mặt trời Vĩnh Hảo 6 tại Bình Thuận và bổ sung vốn lưu động cho doanh nghiệp, đảm bảo nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh. Những ngày cuối năm 2018, FECON đang tiến hành đàm phán các vòng cuối cùng với nhà đầu tư để có thể tiến hành phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư chiến lược. Nếu không có biến động lớn các giao dịch này sẽ được hoàn thành trong quý II hoặc đầu quý III/2019

02



03



Tiếp tục khẳng định Năng lực trong lĩnh vực Công trình Ngầm

Tháng 6/2018, nhánh hầm thứ hai của gói thầu khoan hầm bằng robot TBM dự án Metro Line 1 TP. HCM đoạn Bến Thành – Suối Tiên đã hoàn thành - đánh dấu một cột mốc đáng nhớ trong lĩnh vực công trình ngầm của FECON. Bên cạnh đó, dự án thoát nước ngầm đô thị TP HCM, FECON đóng vai trò là Nhà thầu địa phương cho Tổng thầu Yasuda Nhật Bản với nhiều công việc liên quan tới khoan kích đẩy ống ngầm & các hạng mục

ngầm của dự án. Tại dự án Metro Line 3 Hà Nội, FECON hiện là nhà thầu tham gia các hạng mục khảo sát địa chất, thi công cọc cừ thép, cọc khoan nhồi, tường vây cho khu Dốc hạ ngầm (RAM), ga S9 và ga S10, và đang tiếp tục đàm phán để ký hợp đồng các hạng mục công việc quan trọng tiếp theo. Với việc vận hành trơn tru thiết bị đào hầm TBM và đảm nhận thi công các hạng mục công việc khó như Jet-grouting đường kính lớn, tường vây ga ngầm Metro, khoan kích đẩy cho đường ống thoát nước ngầm đô thị, FECON đang bước đi vững chắc trong mảng công trình chiến lược này.

NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI VĨNH HẢO 6 GIÚP FECON CHÍNH THỨC BƯỚC CHÂN VÀO LĨNH VỰC ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

Năm 2018 ghi nhận những bước tiến mới của FECON trong chiến lược mở rộng đầu tư vào hạ tầng năng lượng khi Nhà máy điện mặt trời Vĩnh Hảo 6 hoàn thiện các thủ tục pháp lý để thi công. EVN đã chấp thuận mua điện của Vĩnh Hảo 6 với giá 2.086 đồng/kWh, áp dụng 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại. Nhà máy điện mặt trời Vĩnh Hảo 6 dự kiến sẽ đi vào hoạt động, hòa lưới điện trước

30/06/2019. Với tổng vốn đầu tư dự kiến 1.361 tỷ đồng, công suất thiết kế 50 MWp, sản lượng điện dự kiến 83 triệu KWh/năm, Vĩnh Hảo 6 sẽ mang lại lợi nhuận lâu dài và bền vững cho công ty. Song song với đó, FECON cũng đang tiếp tục nghiên cứu các dự án đầu tư năng lượng tái tạo khác như Vĩnh Hảo 6 (giai đoạn 2), các dự án điện gió ở Gia Lai, Kon Tum, Bến Tre, dự án điện mặt trời tại Bình Phước. Để sẵn sàng nguồn lực cho các dự án năng lượng tái tạo, công ty đã cho ra đời Công ty cổ phần năng lượng FECON (FECON Power), vốn điều lệ ban đầu là 150 tỷ, đi vào hoạt động từ tháng 7/2018.

04



TÁI CƠ CẤU TỔ CHỨC ĐỂ Củng cố ngành nghề Cốt lõi, Nâng tầm FECON thành một tổng thầu Xây dựng hạ tầng hàng Đầu Việt Nam

2018 đánh dấu sự thay đổi mạnh mẽ trong đội ngũ quản lý dự án và thi công tại FECON. Các Đội thi công và các Ban dự án được tái cơ cấu để tinh giản, chuyên nghiệp hóa đội ngũ hướng tới mục tiêu cải thiện mạnh mẽ hiệu quả kinh doanh & năng suất lao động. Lực lượng lao động trực tiếp đang được đưa dần về các công ty thành viên để đảm nhiệm các công việc mang tính chuyên sâu. Lực lượng quản lý dự án chuyên nghiệp được phát triển mạnh mẽ tại công mẹ với mục tiêu đưa công ty trở thành nhà thầu chính & tổng thầu trong các dự án hạ tầng

đô thị, hạ tầng giao thông, xây dựng dân dụng & công nghiệp bên cạnh việc tiếp tục củng cố, phát huy và phát triển mảng thế mạnh nền móng & công trình ngầm. Đến cuối năm 2018 công ty đã thành lập thêm 01 Ban dự án Xây dựng công nghiệp và 02 Ban dự án Xây dựng đô thị, cùng với Công ty con chuyên trách về quản lý vận hành thiết bị và sắp cho ra đời 2 công ty chuyên sâu về thi công nền móng. Trong đội ngũ lãnh đạo cấp cao, công ty cũng có những thay đổi đáng kể, Ông Nguyễn Văn Thanh chính thức được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc, ông Nguyễn Quốc Bảo được bổ nhiệm là Phó Tổng giám đốc công ty. Việc bổ nhiệm hai vị trí lãnh đạo cấp cao thế hệ 8X, cho thấy quyết tâm của HĐQT công ty trong việc trẻ hóa đội ngũ, tạo nền tảng sức mạnh để sẵn sàng bứt phá.

05



06

TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH TRONG TÂM PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG QUẢN LÝ DỰ ÁN (PMP)

Năm 2018, chương trình Phát triển lực lượng Quản lý dự án của FECON (PMP) đã được triển khai mạnh mẽ trên toàn hệ thống. Các hoạt động của PMO trong năm 2018 đã được tổ chức một cách bài bản, hiệu quả, bao gồm đánh giá và phân cấp đội ngũ; chương trình bảo vệ vòng tiềm năng và khóa đào tạo PMI dành cho các kỹ sư Quản lý dự án. Kết quả, có 83 kỹ sư được xếp hạng “sĩ quan” quản lý dự án từ PMO 1 đến PMO 12, trong đó có 22 người đạt trình độ giám đốc dự án (PM) và giám đốc dự án tiềm năng, 48 người đạt cấp chỉ huy trưởng (SM) và chỉ

huy trưởng tiềm năng. Trong năm 2019, chương trình sẽ tiếp tục triển khai theo chiều sâu với việc xây dựng lộ trình đào tạo cho từng vị trí và triển khai huấn luyện đào tạo liên tục trên lớp và trải nghiệm thực tế. Cùng với chương trình PMP, trong năm 2018, các hoạt động đào tạo của FECON cũng có những dấu ấn đáng kể, với nhiều khóa học chất lượng như Lãnh đạo đột phá, Kỹ năng giao tiếp cho Lãnh đạo, Giảng viên nội bộ, Quản trị rủi ro, Quản lý chuỗi cung ứng, Tiếng Anh giao tiếp cho lái xe... đã thực sự tạo nên một không khí học tập không ngừng trên toàn hệ thống nhằm nâng cao năng lực, thích nghi với thay đổi & đáp ứng những đòi hỏi ngày càng khắt khe của thị trường.



07

TRIỂN KHAI XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2019-2024

Tháng 10/2018, công ty bắt đầu triển khai xây dựng chiến lược cho giai đoạn 2019-2024 tầm nhìn 2030, với định hướng đưa FECON trở thành Tập đoàn hàng đầu về phát triển hạ tầng tại Việt Nam. Cùng với việc thành lập nhóm xây dựng chiến lược, Công ty đã bắt tay với KPMG thông qua một hợp đồng tư vấn xây dựng chiến

lược để cùng nhau khảo sát đánh giá thị trường, phân tích các cơ hội thách thức, điểm mạnh điểm yếu của doanh nghiệp, trên cơ sở đó lựa chọn chiến lược và thiết kế lộ trình thực hiện chiến lược bao gồm cả tái cơ cấu & phát triển tổ chức, phát triển nguồn lực và phát triển các hoạt động kinh doanh, đặc biệt thúc đẩy mạnh mẽ vận hành tối ưu để nâng cao hiệu quả tài chính cho doanh nghiệp.



TÁI CẤU TRÚC DANH MỤC ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON THEO HƯỚNG TẬP TRUNG HƠN, HIỆU QUẢ HƠN

Trong năm 2018, HĐQT đã thông qua chuyển nhượng vốn tại nhiều công ty con để tái cấu trúc các khoản đầu tư theo hướng tập trung và hiệu quả. Cụ thể, HĐQT đã quyết định chuyển nhượng cổ phần tại CTCP FECON Miltec cho CTCP Xử lý nền và Xây dựng FECON (FECON S&C) để tập trung vốn mua sáp nhập CTCP Khoáng sản FECON Hải Đăng. Cùng với đó, công ty cũng tái cơ cấu toàn bộ phần vốn góp, quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu tại Viện Nền móng và Công trình ngầm FECON để góp phần quan trọng chuyển đổi

hoạt động của Viện thành một công ty tư vấn có năng lực vượt trội. Đặc biệt Công ty đã mạnh dạn tái cơ cấu 2 danh mục đầu tư quan trọng tại Tổng CTCP Tư vấn thiết kế giao thông (TEDI) và CTCP Khoáng sản FECON (FCM) để tập trung nguồn lực cho phát triển dự án thi công, đồng thời chuyển đổi hình thức hợp tác với 2 đơn vị này từ hình thức đối tác đầu tư sang hình thức đối tác phát triển kinh doanh. Đáng chú ý trong năm 2018, FECON đã bắt tay với Nippon Concrete (Nhật Bản) và Công ty CP Vật liệu xây dựng Sông Đáy để góp vốn chuẩn bị thành lập công ty về bê tông vữa hầm tại Việt Nam. Đồng thời tại Myanmar công ty đã bắt tay với Công ty Trung Chính để thành lập Công ty FECON Trung Chính nhằm phát triển mảng thi công hạ tầng tại thị trường Myanmar

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ & SÁNG KIẾN CẢI TIẾN ĐƯỢC TỔ CHỨC BÀI BÀN

Mạng lưới kỹ sư R&D FECON được thành lập với các hoạt động bài bản hơn, gắn kết hơn đã giúp các kỹ sư yêu khoa học, kỹ thuật & công nghệ của Công ty có thêm một sân chơi thú vị để trải nghiệm đam mê, chia sẻ những kinh nghiệm, hiểu biết, sáng kiến, cải tiến của mình trong công tác thiết kế, thi công & quản lý dự án. Các công nghệ mới mà FECON áp dụng thông qua các hội nghị thường kỳ 6 tháng đã kịp thời được chia sẻ rộng rãi trên toàn hệ thống như thi công cọc khoan nhồi shaft grouting, cọc khoan nhồi full-casing, thi công khoan hạ cọc trong đất xi măng, giải pháp giảm độ lệch cọc ép khi thi công trong khu vực có nền đất yếu, các công nghệ công trình ngầm như jet grouting, pipe jacking & TBM... đã được

đem ra mổ xẻ tại các hội nghị với nhiều ý kiến thiết thực, có giá trị thực hành cao. Bên cạnh các hoạt động R&D công nghệ mới, phong trào cải tiến của FECON vẫn được phát huy mạnh mẽ nhiều năm qua, năm 2018 với 29 đề tài cải tiến được đăng ký đã có 15 đề tài được trao giải và một số đề tài đã được đưa vào sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng suất chất lượng và đảm bảo an toàn lao động. Cuối năm 2018, Hội nghị địa kỹ thuật vì sự phát triển bền vững GEOTEC HANOI 2019 chính thức khởi động, hứa hẹn sẽ trở thành sự kiện quan trọng nhất trong năm tới của FECON trong việc hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu. GEOTEC HANOI 2019 sẽ được tổ chức từ ngày 28-29/11/2019, với 06 chủ đề là Móng sâu, Hầm và công trình ngầm, Gia cố nền đất, Mô hình số và Quan trắc địa kỹ thuật, Trượt lở và Xói mòn, và Kỹ thuật nền móng bờ biển.

09



10

BƯỚC CÙNG THẾ GIỚI TRONG CUỘC CMCN 4.0 ĐỂ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP NĂNG ĐỘNG, BỀN VỮNG

Cuộc cách mạng 4.0 đang bùng lên mạnh mẽ trên toàn thế giới, len lỏi vào mọi ngõ ngách của đời sống xã hội. FECON cũng quyết tâm xây dựng cho mình một doanh nghiệp THÔNG MINH dựa trên nền tảng công nghệ số. Sau khi vận hành trọn vẹn hệ thống ERP, hệ thống văn phòng điện tử E-office cũng đã được đưa vào vận hành nhằm số hóa toàn bộ hệ thống tài liệu trong công ty với việc phân quyền chặt chẽ và chia sẻ

linh hoạt, thuận tiện, an toàn. Cùng với E-office, không gian làm việc số (Digital Workplace) với Office 365 cũng đã chính thức đưa vào sử dụng. Với nhiều ứng dụng thông minh, Office 365 sẽ là công cụ hữu hiệu giúp FECON khai thác kiến thức và sức mạnh trí tuệ của tập thể, cho phép mọi người trong tổ chức cùng phối hợp nhịp nhàng, chia sẻ kịp thời những ý tưởng có giá trị. Không chỉ dừng lại ở đó, FECON vẫn tiếp tục đầu tư vào các phần mềm mạnh trong tính toán kết cấu như SAP, ETABS cho đội ngũ kỹ thuật để chuẩn bị cho việc trở thành Tổng thầu thiết kế thi công chuyên nghiệp trong giai đoạn tới.



PHẦN 02 ▶

SẴN SÀNG NGUỒN LỰC

20.

Thông tin chung về công ty

22.

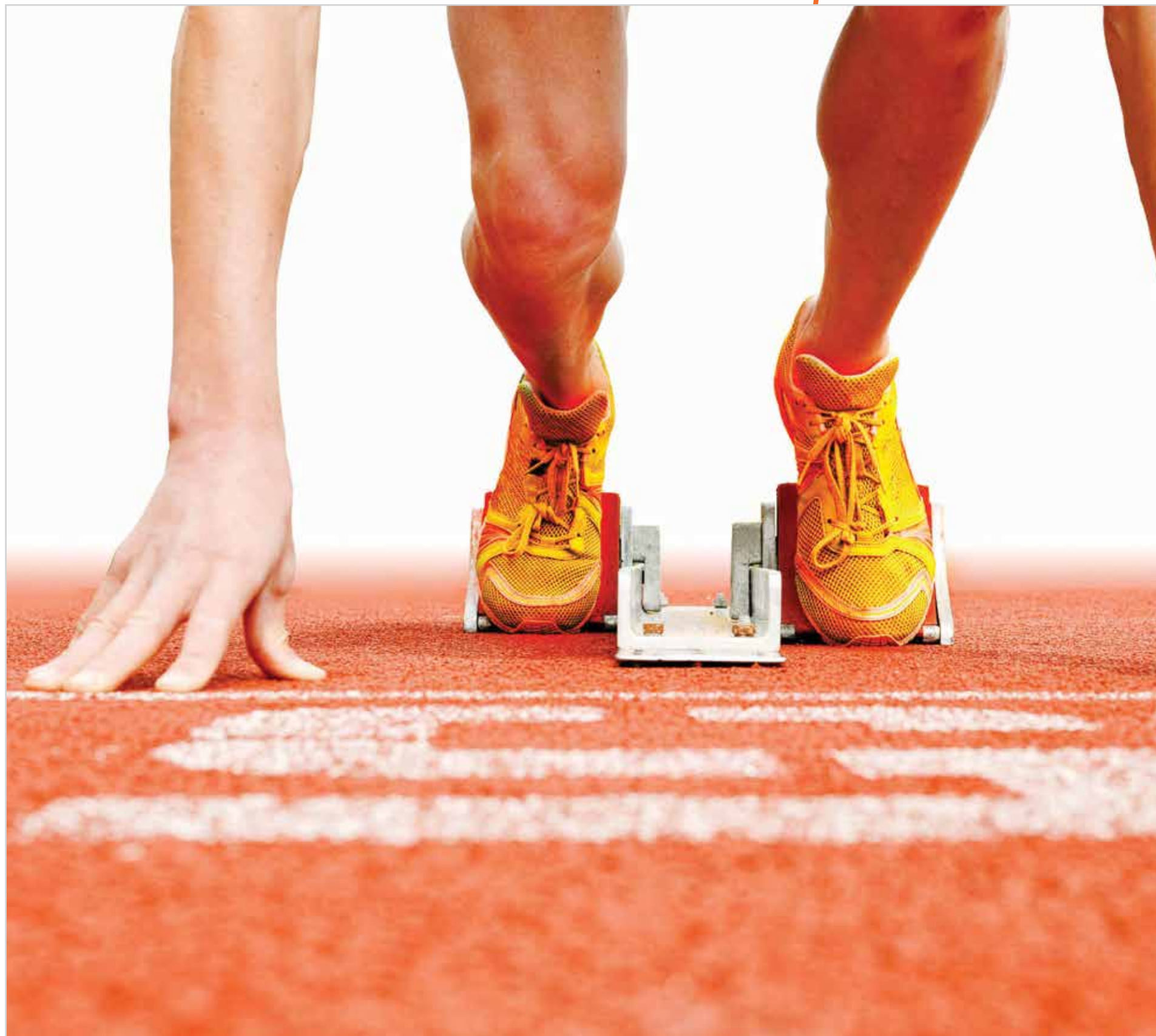
Lịch sử phát triển của công ty

28.

Mô hình tổ chức & nhân sự

39.

Chính sách nhân sự & phát triển đội ngũ



THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty cổ phần FECON là công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng công trình, trong đó tập trung vào chuyên ngành sâu là nền móng và công trình ngầm.

Thành lập ngày 18/6/2004 từ một nhóm các kỹ sư và chuyên gia đầu ngành về xử lý và thi công nền móng công

trình, có tâm huyết với nghề, với sự năng động sáng tạo và kết hợp với đội ngũ công nhân lành nghề, hệ thống thiết bị đồng bộ với những công nghệ hiện đại, đến nay FECON đã trở thành một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực nền móng công trình tại Việt Nam. Tới năm 2020, FECON đặt mục tiêu sẽ trở thành nhóm doanh nghiệp hàng đầu về hạ tầng tại Việt Nam.

TẦM NHÌN- SỨ MỆNH

Tầm nhìn 2020

Công ty cổ phần FECON trở thành nhóm doanh nghiệp hàng đầu về Hạ tầng tại Việt Nam

Sứ mệnh FECON

Sứ mệnh của Công ty cổ phần FECON là phát triển các hoạt động nghiên cứu và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong kỹ thuật nền móng, công trình ngầm và phát triển hạ tầng nhằm mang lại giải pháp tối ưu cả về kỹ thuật và kinh tế cho các công trình hạ tầng, tối đa hóa lợi ích cho khách hàng, đối tác đóng góp thiết thực cho phát triển bền vững nền kinh tế nước nhà.

TRIẾT LÝ KINH DOANH FECON

- 1 Mọi hoạt động của Công ty đều hướng tới mục tiêu dài hạn là: ích nước - lợi nhà;
- 2 Mọi sản phẩm và dịch vụ dù là lớn hay nhỏ luôn làm thỏa mãn khách hàng;
- 3 Chất lượng, hiệu quả, đúng hạn để khắc ghi ấn tượng “Chuyên nghiệp” trong tâm thức của khách hàng;
- 4 Tài sản quan trọng nhất của Công ty là con người, lòng nhiệt tình và quyết tâm cùng tạo lập;
- 5 Văn hoá doanh nghiệp là niềm tự hào của nhân viên và niềm tin của cộng đồng;
- 6 Học tập, rèn luyện không ngừng để đổi mới và thích nghi là trách nhiệm của Công ty và của mỗi thành viên FECON.

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CÔNG TY

Vốn điều lệ
5 TỶ VNĐ
Tháng 6
2004

- FECON được thành lập bởi nhóm các kỹ sư và chuyên gia đầu ngành

Vốn điều lệ
88 TỶ VNĐ
2009

- Thành lập Công ty CP Xử lý nền FECON - Shanghai Harbor

Vốn điều lệ
128 TỶ VNĐ
2011

- Đưa dây chuyền 02 nhà máy cọc FECON Hà Nam công suất 5.000 m dài cọc/ngày vào hoạt động
- Thành lập Công ty Cổ phần FECON Miltec

Vốn điều lệ
397 TỶ VNĐ
2013

- Thành lập FECON Nghi Sơn đáp ứng thị trường miền Trung
- Mua mỏ đá Hải Đăng - Thanh Hóa

Vốn điều lệ
457 TỶ VNĐ
2015

- Nâng tỷ lệ sở hữu lên 51% và hợp nhất Công ty CP Hạ tầng FECON
- Thành lập 4 công ty mới:
 - + Công ty CP FECON - BMT
 - + Công ty CP cho thuê thiết bị xây dựng Kanamoto - FECON - Hassyu
 - + Công ty CP xây dựng nền móng FECON - Rainbow (Myanmar)

Vốn điều lệ
543.5 TỶ VNĐ
2017

- Trở thành nhà thầu Việt Nam đầu tiên vận hành robot khoan hầm (TBM) tại dự án Metro Line 1 TP. Hồ Chí Minh.
- Hợp tác với NEXCO-JEXWAY (Nhật Bản) phát triển các dự án hạ tầng giao thông tại Việt Nam và chuyển nhượng 20% cổ phần tại dự án BOT Phú Lý.
- Khởi động DA đầu tư Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Hảo 6 (Bình Thuận)

Vốn điều lệ
943 TỶ VNĐ
Quý I
2019

- Thành lập 3 công ty con: Công ty TNHH Xây dựng FECON Trung Chính Myanmar, Công ty CP thi công nền móng số 1, Công ty CP Cọc khoan và kết cấu ngầm FECON.

- Đưa dây chuyền 01 nhà máy cọc FECON Hà Nam công suất 3.000 m dài cọc/ngày vào hoạt động

2008
Vốn điều lệ
50 TỶ VNĐ

- Thành lập Viện Nền móng và Công trình ngầm FECON

2010
Vốn điều lệ
107 TỶ VNĐ

- Niêm yết trên Sở GDCK HCM. Mã CK: FCN
- Là thành viên Hiệp hội Hầm và Không gian ngầm thế giới

2012
Vốn điều lệ
138 TỶ VNĐ

- Đầu tư chiến lược vào các công ty hàng đầu về hạ tầng là TEDI, CIENCO1
- Góp vốn triển khai dự án BOT Quốc lộ 1 - Đoạn tránh TP Phú Lý
- Triển khai hệ thống Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp SAP - ERP
- Nhận được đầu tư chiến lược của DBJ, tạo đà mở rộng cho sự hợp tác Quốc tế trên thị trường vốn

2014
Vốn điều lệ
457 TỶ VNĐ

- Đổi tên thành Công ty Cổ phần FECON
- Thành lập 2 công ty mới:
 - + Công ty cổ phần FECON South
 - + Công ty cổ phần địa kỹ thuật tiên tiến Raito FECON (RFI)
- Dự án đầu tư - thi công hạ tầng đầu tiên - BOT Phú Lý đi vào khai thác và thu phí

2016
Vốn điều lệ
457 TỶ VNĐ

- Khởi công nhà máy điện mặt trời Vĩnh Hảo 6
- Nâng tầm FECON thành tổng thầu xây dựng với nhiều dự án: Empire City, Đại học Phenikaa, Logistic Thăng Long, ...
- Thành lập FECON Power, Công ty CP Thiết bị FECON
- Dự án tiêu biểu: Thép Hòa Phát Dung Quất, Metro Line 3...

2018
Vốn điều lệ
943 TỶ VNĐ

► HỆ THỐNG CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

STT	TÊN ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN
1	CÔNG TY CP FECON SOUTH
2	CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH NGẦM FECON
2A	Công ty cổ phần địa kỹ thuật tiên tiến RAITO FECON (RFI)
3	CÔNG TY CP HẠ TẦNG FECON
3A	Công ty TNHH Thi công đường bộ FCI (FCI Road)
3B	Công ty CP Đầu tư hạ tầng FCC
4	CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ NÉN VÀ XÂY DỰNG FECON (FECON S&C)
4A	Công ty Cổ phần FECON Miltec
5	CÔNG TY CP XÂY DỰNG NỀN MÓNG FECON - RAINBOW (YANGON, MYANMAR)
6	CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN FECON HẢI ĐĂNG
7	CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG FECON (FECON POWER)
7A	Công ty CP Năng lượng Vĩnh Hảo 6
8	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ FECON (FMS)
9	CÔNG TY CỔ PHẦN CHO THUÊ THIẾT BỊ XÂY DỰNG KANAMOTO FECON HASSYU (KFH)
10	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON (FECON MINING)
10A	Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn
11	TRƯỜNG THPT Ý YÊN
12	CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ ĐÔNG KHÊ



► GIỚI THIỆU ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

1 CÔNG TY CỔ PHẦN FECON SOUTH
 Công ty Cổ phần FECON South được thành lập vào tháng 6/2016 với lĩnh vực hoạt động chủ yếu là thiết kế và thi công các giải pháp nền, móng và hạ tầng. Việc thành lập FECON South khẳng định quyết tâm của ban lãnh đạo công ty trong việc tìm kiếm cơ hội đầu tư và mở rộng thị trường phía Nam. FECON South đã từng bước khẳng định thương hiệu FECON ở thị trường miền Nam với doanh thu hơn 638 tỷ trong năm thứ 3 hoạt động.

2 CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH NGẦM FECON (FCU)
 Công ty cổ phần công trình ngầm FECON (FCU) thành lập ngày 24/12/2014 với sự tham gia của các đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam và Nhật Bản, là công ty chuyên về thi công xây dựng công trình ngầm tại khu vực đô thị như thi công công trình hầm Metro, thi công hệ thống hạ tầng kỹ thuật, xử lý nền đất yếu trong thi công công trình ngầm bằng các công nghệ đặc biệt như Jet Grouting, Chemical Grouting, TAM Grouting.

2A CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA KỸ THUẬT TIÊN TIẾN RAITO FECON
 Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật tiên tiến RAITO -

FECON (RFI) được thành lập vào tháng 9/2017, dựa trên thỏa thuận hợp tác giữa Công ty cổ phần FECON và Công ty Raito Kogyo (Nhật Bản). Công ty RFI hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thi công xử lý nền bằng phương pháp khoan phụt vữa áp lực cao đường kính lớn và khoan phụt hoá chất, gia cố chống thấm cho công trình.

3 CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG FECON (FCI)
 Công ty Cổ phần Hạ tầng FECON được thành lập vào tháng 12/2013 với mục đích nắm bắt và đón đầu các cơ hội đầu tư về hạ tầng. FCI hoạt động trong lĩnh vực chính là: Phát triển dự án đầu tư hạ tầng; Thi công các dự án hạ tầng; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật...

3A CÔNG TY TNHH THI CÔNG XÂY DỰNG ĐƯỜNG BỘ FCI (FCI ROAD)
 Tiền thân là Công ty Cổ phần FECON- BMT được thành lập ngày 05/05/2015, với công việc chính là phục vụ thi công các công trình hạ tầng giao thông bằng công nghệ tiên tiến nhất, đặc biệt là các sản phẩm kết cấu áo đường và bê tông Asphalt. Ngày 11/12/2017, FCI đã chính thức hoàn tất việc nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của BMT và sở hữu 100% vốn, đồng thời đổi tên Công ty Cổ phần FECON - BMT thành Công ty TNHH MTV Thi công Đường bộ FCI.





3^B CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG (FCC)
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC được thành lập trên cơ sở liên kết vốn giữa 3 công ty: Công ty Cổ phần FECON, Công ty cổ phần xây dựng Cotec (COTECCONS) và Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 1 (CIENCO1) nhằm tận dụng thế mạnh, năng lực cũng như kinh nghiệm của 3 đơn vị trong việc triển khai xây dựng các dự án về hạ tầng để thực hiện đầu tư các dự án hạ tầng theo hình thức PPP, BOT, BT...

4 CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ NỀN VÀ XÂY DỰNG FECON (FECON S&C)
Tiền thân của FECON S&C là Công ty Cổ phần Xử Lý Nền FECON SHANGHAI HARBOUR (FECON GH) được thành lập tháng 9/2009 là kết quả của sự hợp tác quốc tế, sự kế thừa và phát huy kinh nghiệm và năng lực đã được khẳng định về nghiên cứu ứng dụng mới trong xử lý nền đất yếu của FECON, Việt Nam và Công ty TNHH tập đoàn xây dựng Shanghai GeoHarbour, Trung Quốc. Tháng 1/2018 FECON mua lại toàn bộ cổ phần từ Shanghai GeoHarbour và đổi tên thành Công ty cổ phần xử lý nền và xây dựng FECON (FECON S&C).

4^A CÔNG TY CỔ PHẦN FECON MILTEC
Công ty cổ phần FECON Miltec được thành lập vào tháng 11/2011 trên cơ sở hợp tác giữa Công ty Cổ phần FECON (Việt Nam) và Công ty Chikami Miltec Inc. (Nhật Bản). Với dây chuyền sản xuất bậc nhất có công suất 3,5 triệu m³/tháng. FECON Mitec cung cấp các sản phẩm bậc nhất theo tiêu chuẩn Nhật Bản và quốc tế phục vụ cho hoạt động xử lý nền đất yếu của FECON cũng như cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

5 CÔNG TY CP XÂY DỰNG NỀN MÓNG FECON – RAINBOW (YANGON, MYANMAR)
Công ty Cổ phần Xây dựng Nền móng FECON Rainbow được thành lập trên cơ sở liên doanh giữa 2 công ty: Công ty Cổ phần FECON và Công ty TNHH Xây dựng Super Rainbow (Myanmar) để thực hiện các công việc liên quan đến khảo sát địa chất, xử lý nền móng, thi công cọc & dịch vụ thiết kế, đón đầu các cơ hội trong lĩnh vực xây dựng tại thị trường Myanmar.

6 CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON HẢI ĐĂNG
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng trụ sở tại huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Công ty Khoáng sản FECON Hải Đăng sở hữu và khai thác các mỏ đá chất lượng cao tại Hà Nam, Thanh Hóa, Nghệ An và mỏ cát tại Hà Nội, Hà Nam để cung cấp nguyên vật liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất cọc bê tông dự ứng lực và cung cấp nguyên vật liệu xây dựng ra thị trường.

7 CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG FECON (FECON POWER)
Công ty Cổ phần Năng lượng FECON (FECON Power) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư hạ tầng FECON (FII). FECON Power đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý và thực hiện các dự án đầu tư của FECON trong lĩnh vực hạ tầng năng lượng, đặc biệt là năng lượng tái tạo.

7^A CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VĨNH HẢO 6
Được thành lập từ tháng 3/2018, Công ty Cổ phần

Năng lượng Vĩnh Hảo 6 là đơn vị trực tiếp thực hiện, quản lý và vận hành Dự án Nhà máy Điện mặt trời Vĩnh Hảo 6.

8 CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ FECON (FMS)
Công ty cổ phần thiết bị FECON được thành lập vào tháng 12/2018 với nguồn nhân lực chất lượng cao và máy móc thiết bị hiện đại. Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ quản lý, khai thác, tư vấn định hướng đầu tư thiết bị. Mục tiêu của FMS là trở thành một trong những công ty quản lý & khai thác thiết bị kiểu mẫu đứng trong top đầu thị trường Việt Nam.

9 CÔNG TY CỔ PHẦN CHO THUÊ THIẾT BỊ XÂY DỰNG KANAMOTO FECON HASSYU (KFH)
Công ty cổ phần cho thuê thiết bị xây dựng Kanamoto FECON Hassyu (KFH) là công ty hoạt động trong lĩnh vực cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng, được thành lập vào tháng 6/2015 trên cơ sở hợp tác của ba doanh nghiệp: Tập đoàn Kanamoto (Nhật Bản), Công ty Cổ phần FECON và Công ty Cổ phần Hassyu Việt Nam. Sở hữu hệ thống thiết bị đa dạng, hiện đại cùng đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên gia kĩ thuật trình độ cao, chuyên nghiệp, công ty KFH phấn đấu trở thành đơn vị hàng đầu, là lựa chọn số 1 cho các nhà thầu tại Việt Nam.

10 CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON (FECON MINING)
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON được thành lập năm 2007 với lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất sản phẩm cọc bê tông dự ứng lực mang thương hiệu FECON Pile, các sản phẩm bê tông chất lượng cao và khai thác

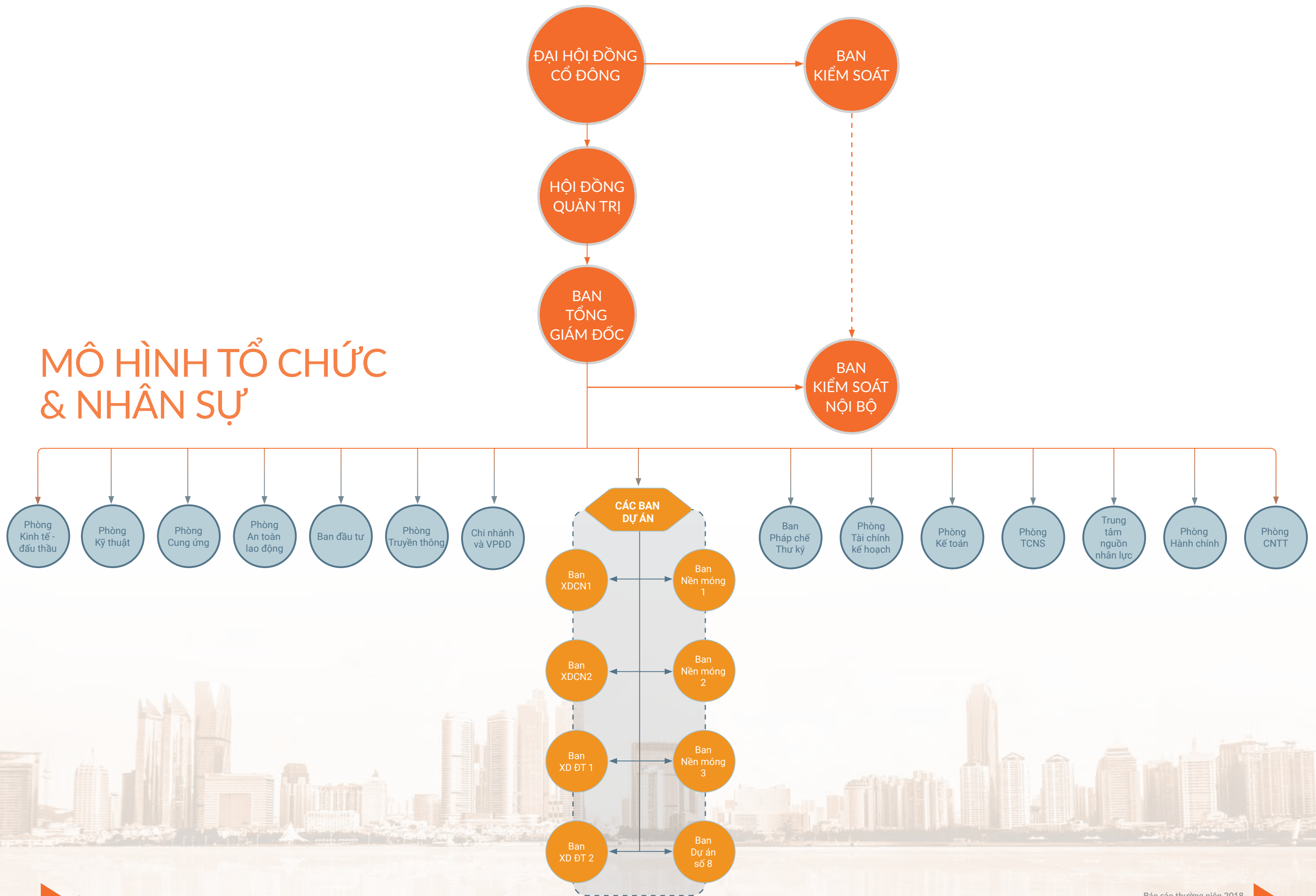
khoáng sản cung cấp nguyên vật liệu xây dựng. Đến nay, FECON Mining đã trở thành nhóm các công ty hàng đầu về sản xuất các sản phẩm bê tông dự ứng lực và khai khoáng tại khu vực phía Bắc. Công ty FECON Mining bao gồm công ty mẹ trụ sở tại Kim Bảng, Hà Nam và đơn vị thành viên là Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn.

10^A CÔNG TY CP FECON NGHI SƠN
Công ty CP FECON Nghi Sơn là đơn vị thành viên của FECON Mining, được thành lập tháng 5/2013 tại khu kinh tế Nghi Sơn, Tĩnh Gia, Thanh Hóa. Với dây chuyền sản xuất sản phẩm cọc bê tông dự ứng lực D500 – D8000 có công suất 4000m/ngày, mục tiêu của FECON Nghi Sơn là cung cấp sản phẩm cọc bê tông dự ứng lực cho khu vực miền Trung, Tây Nguyên và thị trường Lào.

11 TRƯỜNG PTTH Ý YÊN
Trường PTTH Ý Yên Chuyển đổi từ Trường phổ thông dân lập (thành lập theo Quyết định số 995/1998/QĐ – UB ngày 28 tháng 07 năm 1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định) thành Trường Trung học phổ thông tư thục theo Quyết định số 266/QĐ – UBND ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định. Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần FECON.

12 CÔNG TY CP NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ ĐÔNG KHÊ
Công ty CP Nông nghiệp hữu cơ Đông Khê (trước đây Công ty CP Nông nghiệp thông minh FECON), được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107254215 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/12/2015. Công ty hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp chất lượng cao, với định hướng xuất khẩu.

MÔ HÌNH TỔ CHỨC & NHÂN SỰ



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHẠM VIỆT KHOA

Chủ tịch HĐQT

Sinh năm 1973. Quốc tịch Việt Nam.

Thạc sĩ ngành Cơ học đất, nền móng và Công trình ngầm; Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

1994 - 1998: Công tác tại Công ty xây dựng số 20 (LICOGI 20).

1999 - 2003: Công tác tại Công ty tư vấn và thiết kế cầu lớn hầm (TEDI).

2003 - 2004: Giám đốc công ty CP kỹ thuật nền móng FECON.

2004 - 2015: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc (sau là Tổng giám đốc) Công ty CP kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON.

2015 đến nay: Chủ tịch HĐQT công ty Cổ phần FECON.

Ông được vinh danh trong Top 10 doanh nhân tiêu biểu của Việt Nam (giải thưởng Sao Đỏ) năm 2014.



HÀ THẾ PHƯƠNG

P. Chủ tịch HĐQT

Sinh năm 1954. Quốc tịch Việt Nam.

Kỹ sư Công nghệ thông tin - Đại học Bách khoa HN.

1977 - 1987: Giảng viên Khoa Toán, Lý Trường Cao đẳng sư phạm Nam Định.

1987 - 1995: Quản lý lao động tại Nhà máy Dệt Donhet thuộc Liên Xô cũ.

2000 - 2004: Giảng viên Trường trung cấp Công nghệ Hà Nội.

2004 - 2008: Giám đốc Trung tâm thí nghiệm FECON.

2008 - 2009: Giám đốc sản xuất Công ty TNHH cọc bê tông dự ứng lực FECON.

2009 - 2010: Phó Giám đốc Công ty TNHH cọc bê tông dự ứng lực FECON.

2010 - 2014: UV HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Khoáng sản FECON.

2015 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP FECON, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Khoáng sản FECON.



TRẦN TRỌNG THẮNG

P. Chủ tịch Thường trực HĐQT

Sinh năm 1972. Quốc tịch Việt Nam.

Kỹ sư Địa chất công trình - Địa kỹ thuật.

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Trường Đại học Khoa học Ứng dụng Northwestern (Thụy Sĩ).

1994 - 2002: Công tác tại Công ty Xây dựng 20 - LICOGI 20.

2002 - 2004: Công tác tại Công ty Tư vấn Thiết kế Công nghiệp & Đô thị VCC - Bộ xây dựng.

2004 - 2014: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON.

2015: Tổng Giám đốc Công ty CP FECON.

2017 đến nay: Phó Chủ tịch thường trực HĐQT Công ty CP FECON.



HÀ THẾ LỘNG

Ủy viên HĐQT

Sinh năm 1953. Quốc tịch Việt Nam.

Tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm kỹ thuật - Điện Xí nghiệp.

1983 - 1987: Quản đốc phân xưởng mạ Công ty Điện cơ thống nhất.

1987 - 1991: Quản lý lao động tại Nhà máy dệt Cherocatsu thuộc Liên Xô (cũ).

2004 - 2007: Giám đốc sản xuất Công ty CP Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON.

2007 - 2010: Giám đốc Công ty TNHH Cọc bê tông dự ứng lực FECON.

2010 - 2014: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Khoáng sản FECON.

2015 - 2018: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Khoáng sản FECON.

Hiện nay ông là Ủy viên HĐQT Công ty CP FECON, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thiết bị FECON.



HÀ CỬU LONG

Ủy viên HĐQT

Sinh năm 1972, Quốc tịch Việt Nam.

Tốt nghiệp cử nhân Dược Đại học Dược Hà Nội.

2003 - 2009: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP thương mại dược phẩm Nam An.

2009 - 2013: Chủ tịch HĐQT Công ty CP thương mại dược phẩm Nam An; Giám đốc Công ty CP Vinh Nguyên.

2004 - 2012: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON;

2013 - nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON/ Công ty CP FECON.

Hiện nay, Ông là Ủy viên HĐQT Công ty CP FECON và Chủ tịch HĐQT Công ty CP Khoáng sản FECON Hải Đăng.



PHẠM QUỐC HÙNG

Ủy viên HĐQT - P. Tổng giám đốc

Sinh năm 1975. Quốc tịch Việt Nam. Thạc sĩ xây dựng

1997 - 2002: Công tác tại Ban quản lý dự án thuộc Tổng công ty xây dựng & phát triển hạ tầng (LICOGI).

2002 - 2003: Làm việc tại Công ty Penta-Ocean - Dự án thi công mở rộng cảng Cái Lân - Quảng Ninh.

2003 - 2005: Làm việc tại Công ty Obayashi - Dự án thi công Cầu Thanh Trì Hà Nội.

2006 - 2007: Trưởng phòng kỹ thuật - Công ty CP kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON.

2007 - 2010: Giám đốc kỹ thuật và quản lý thi công - Công ty CP kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON.

2010 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP FECON.

Hiện nay ông là Ủy viên HĐQT Công ty CP FECON

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)



SATOSHI TAKANO

Ủy viên HĐQT

Sinh năm 1971. Quốc tịch Nhật Bản. Cử nhân kinh tế học.

2007 - 2013: Trưởng đại diện Japan Asia Investment Co., Ltd.

Hiện nay, ông là Trưởng đại diện World Link Japan, Inc và Ủy viên HĐQT Công ty CP FECON.



PHÙNG TIẾN TRUNG

Ủy viên HĐQT

Sinh năm 1973. Quốc tịch Việt Nam. Thạc sĩ xây dựng.

1995 - 2010: Công tác tại Công ty tư vấn xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam (VCC) - Bộ Xây dựng.

2010 đến nay: Giám đốc Trung tâm tư vấn thiết kế hạ tầng/ Giám đốc Trung tâm kết cấu 2/ Phó Tổng giám đốc - Công ty CP tư vấn xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam (VCC).

Từ 2004 - 2013: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON

Hiện nay, ông là Ủy viên HĐQT Công ty CP FECON và Ủy viên HĐQT Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải (TEDI).



NGUYỄN QUANG HẢI

Ủy viên HĐQT

Sinh năm 1972. Quốc tịch Việt Nam. Cử nhân Kinh tế.

1996 - 2005: Công tác tại Công ty TNHH thiết bị công nghệ tự động hóa Việt Nam.

2005 - 2014: Giám đốc Công ty TNHH Phát triển Hoàng Tùng

2015 đến nay: Giám đốc Công ty CP Cho thuê thiết bị xây dựng Kanamoto FECON Hassyu.

Hiện nay ông là Ủy viên HĐQT Công ty CP FECON



NGUYỄN VĂN THANH

Tổng Giám đốc

Sinh năm 1980. Quốc tịch Việt Nam.

Thạc sĩ xây dựng tại Đại học Quốc gia Singapore (NUS).

2003 - 2005: Công tác tại Tổng công ty đầu tư phát triển nhà Hà Nội.

2005 - 2006: Công tác tại Tổng công ty lắp máy Việt Nam Lilama.

2006 - 2009: Trợ lý Giám đốc dự án - Tập đoàn kỹ thuật và xây dựng Kim Seng Heng - Singapore.

2009 - 2011: Tư vấn trưởng dự án - Công ty Tư vấn QLDA CDG - Singapore.

2011 - 2017: Giám đốc kinh doanh - Công ty cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON.

2017: Tổng Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần FECON.

2018 đến nay: Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần FECON.



PHẠM QUỐC HÙNG

Ủy viên HĐQT - P. Tổng giám đốc

Sinh năm 1975. Quốc tịch Việt Nam. Thạc sĩ xây dựng

1997 - 2002: Công tác tại Ban quản lý dự án thuộc Tổng công ty xây dựng & phát triển hạ tầng (LICOGL).

2002 - 2003: Làm việc tại Công ty Penta-Ocean - Dự án thi công mở rộng cảng Cái Lân - Quảng Ninh.

2003 - 2005: Làm việc tại Công ty Obayashi - Dự án thi công Cầu Thanh Trì Hà Nội.

2006 - 2007: Trưởng phòng kỹ thuật - Công ty CP kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON.

2007 - 2010: Giám đốc kỹ thuật và quản lý thi công - Công ty CP kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON.

2010 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP FECON.

Hiện nay ông là Ủy viên HĐQT Công ty CP FECON



MUÔN VĂN CHIẾN

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm 1972. Quốc tịch Việt Nam.

Kỹ sư Cầu hầm Đại học Giao thông Vận tải Hà Nội.

1994 - 2011: Công tác tại Tổng công ty Xây dựng Thăng Long.

2011 - 2014: Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Phát triển Bắc Đô thị HN.

2014 đến nay: Giám đốc Công ty CP đầu tư hạ tầng FCC

2016 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP FECON, Giám đốc Công ty CP hạ tầng FECON.



LÊ QUANG HANH

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm 1978. Quốc tịch Việt Nam.
Phó Giáo sư ngành Giao thông vận tải, Tiến sĩ kỹ thuật Trường ĐH Kỹ thuật Tổng hợp Darmstadt (CHLB Đức).
2000-2003: Công tác tại Công ty tư vấn Thăng Long - TCT XD Thăng Long..
2003 - 2010: Giảng viên - Trường ĐH GTVT.
2006 - 2009: Trợ lý nghiên cứu - ĐH Technische Universitaet Darmstadt (CHLB Đức)
2011 - 2014: Viện Trưởng Viện Nền móng và Công trình ngầm FECON
2015 đến nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON.
Hiện nay, ông là Phó Tổng Giám đốc Công ty CP FECON, Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON.



NGUYỄN HỒNG LUYỆN

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm 1976. Quốc tịch Việt Nam.
Thạc sỹ Quản lý dự án tại Đại học Salford, Vương quốc Anh.
2001 - 2008: Làm việc tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng HUD1.
2008 - 2009: Làm việc tại Huawei Technologies, Vietnam.
2012 - 2015: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON
2015 - 2016: Giám đốc Kế hoạch Công ty CP FECON
2016 đến nay: Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng Ban Dự án Xây dựng Công nghiệp 1 - Công ty Cổ phần FECON.



TẠ CÔNG THANH VINH

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm 1985. Quốc tịch Việt Nam.
Thạc sỹ kỹ thuật
2010-2013: Quản lý Kỹ thuật tại Menard SNC.
2013 - 2014: Trưởng văn phòng Đại diện phía Nam, Chỉ huy trưởng/ GĐDA - Công ty CP Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON.
2014 - 2016: Giám đốc kỹ thuật - Công ty CP FECON.
2016 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP FECON kiêm Giám đốc Công ty cổ phần FECON South.



NGUYỄN QUỐC BẢO

Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm 1985. Quốc tịch Việt Nam.
Thạc sỹ xây dựng dân dụng và công nghiệp tại Liên bang Nga.
2011-2012: Kỹ sư thiết kế - Công ty VSL Việt Nam.
2012 - 2013: Phó Giám đốc kế hoạch - Công ty Forio JSC.
2013 - 2018: Chỉ huy trưởng, Đội trưởng Đội QLDA, Trưởng Ban Dự án - Công ty CP FECON.
2018 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP FECON, Giám đốc Công ty Cổ phần Cọc khoan và Kết cấu ngầm FECON.



NGUYỄN ANH TUẤN

Giám đốc Tài chính

Sinh năm 1972. Quốc tịch Việt Nam.
Thạc sỹ Tài chính ngân hàng - ĐH Monash Australia.
1994 - 2001: Công tác tại Vinaconex Taisei .
2003 - 2004: Kế toán trưởng - Công ty Champion Wireless Solution.
2004 - 2010: Trưởng phòng Tài chính - Nui Phao Mining JVC.
2010 - 2015: Quyền Giám đốc tài chính Tập đoàn Sun Group.
2015 - 2016: Giám đốc Tài chính Tập đoàn TNG Holdings Việt Nam
2017 đến nay: Giám đốc tài chính - Công ty CP FECON và hội viên hiệp hội kế toán công chứng Anh Quốc ACCA.



HURUO ISHIGURO

Giám đốc Marketing

Sinh năm 1954. Quốc tịch Nhật Bản. Kỹ sư - Học viện Công nghệ Aichi, Nhật Bản.
1976 - 1993: Kỹ sư thiết kế/ Chuyên gia, quản lý dự án - Nippon Telephone and Telegraph, tại Nhật Bản, Kenya, Somalia, Indonesia.
1994 - 2004: Kỹ sư trưởng - Marubeni Viễn thông Indonesia/ Marubeni Viễn thông Sri Lanka.
2004 - 2008: Tổng Giám đốc - Marubeni Viễn thông Việt Nam.
2009 - 2011: Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP xây dựng bưu điện và Viễn thông, Việt Nam.
2011 đến nay: Giám đốc Marketing - Công ty CP FECON và Giám đốc Công ty CP FECON Rainbow (Myanmar).



NGUYỄN THỊ NGỌC LINH

GĐ Truyền Thông

Sinh năm 1981. Quốc tịch Việt Nam.
Thạc sỹ Quản lý Truyền thông Doanh nghiệp tại ĐH IAE - Aix en Provence - Pháp.
2002 - 2004: Công tác tại Công ty cổ phần truyền thông Việt Nam.
2004 - 2012: Thư ký tòa soạn - Báo Tiền phong.
2012 - 2014: Thư ký tòa soạn - Báo Phụ nữ Thủ đô.
2014 - 2015: Trưởng dự án Afamily.vn - VC Corp.
2015 đến nay: Giám đốc Truyền thông - Công ty CP FECON.



NGUYỄN HOÀNG LONG

Giám đốc Đầu tư

Sinh năm 1977. Quốc tịch Việt Nam.
Thạc sỹ Kinh tế tài chính quốc tế tại Australia.
2001 - 2002: Công tác tại Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam (BIDV).
2002 - 2008: Công tác tại Bộ Thương mại, Vụ Châu Á Thái Bình Dương.
2008 - 2012: Giám đốc khối - Công ty Chứng khoán An Bình.
2013 - 2014: Làm việc tại Công ty TNHH MTV Đầu tư SCIC.
2014 - 2015: Giám đốc Tài chính - Công ty Cổ phần Hạ tầng FECON/ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC.
2015 đến nay: Trưởng ban Phát triển Dự án/ Giám đốc Đầu tư - Công ty CP FECON
Hiện nay ông là Giám đốc Công ty CP Năng lượng FECON, Giám đốc Công ty CP Năng lượng Vĩnh Hảo 6.

BAN KIỂM SOÁT



PHẠM THỊ HỒNG NHUNG

Trưởng ban

Sinh năm 1980. Quốc tịch Việt Nam.

Thạc sỹ Kinh tế tài chính ngân hàng của CFVG do trường Quản lý Châu Âu ESCP Europe và Đại học Paris Dauphine (Pháp) đồng cấp.

2002 - 2004: Kế toán tổng hợp tại Tổng công ty hợp tác kinh tế Việt Lào.

2004 - 2007: Kế toán trưởng Công ty liên doanh Tce Vina Denim.

2007 - 2010: Giám đốc tài chính – Tập đoàn Hà Thanh Bình, Công ty liên doanh Vinastone.

2011 - 2014: Giám đốc Công ty liên doanh Vinastone, Tp. Hồ Chí Minh.

2015 đến nay: Trưởng ban Kiểm soát, Công ty Cổ phần FECON



BÙI THANH TÙNG

Thành viên BKS

Sinh năm 1971. Quốc tịch Việt Nam.

Thạc sỹ địa chất công trình.

1995 - 2014: Công tác tại Công ty Tư vấn Địa kỹ thuật.

2015 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP FECON, Ủy viên HĐQT, Phó

Giám đốc Công ty CP Công trình ngầm FECON.



NGUYỄN CHÍ CÔNG

Thành viên BKS

Sinh năm 1972. Quốc tịch Việt Nam.

Kỹ sư đường bộ - Đại học Giao thông Vận Tải Hà Nội.

1994 - 1995: Công tác tại Công ty Công trình giao thông 610.

1995 - 1999: Phó Giám đốc Công ty Xây dựng giao thông Nhị Hiệp.

1999 - 2004: Đội trưởng thi công Công ty Xây dựng công trình giao thông 889.

2004 - 2013: Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON.

2015 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP FECON, Giám đốc Công ty CP Xử lý nền và xây dựng FECON.

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2018



SỐ LƯỢNG
NHÂN SỰ CỦA FECON
NĂM 2018 LÀ
1.860 NGƯỜI.
TỔNG SỐ LAO ĐỘNG CÓ
BẰNG CẤP CHUYÊN MÔN VÀ
TAY NGHỀ CAO
CỦA FECON CHIẾM
82.02%.

Chính sách nhân sự & PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Hệ thống Chính sách nhân sự mới chính thức đi vào vận hành trong năm 2018 sau thời gian thử nghiệm và điều chỉnh đã góp phần gia tăng mức độ hài lòng của người lao động, giúp tạo dựng một môi trường làm việc hiệu suất cao và gắn bó.

Đây là năm đánh dấu những nỗ lực và quyết tâm nhằm chuẩn hóa chất lượng nguồn nhân lực bằng việc tổ chức đánh giá, phân cấp hàm PMO theo tiêu chuẩn của FECON, trên cơ sở đó thực hiện rà soát, điều chỉnh thu nhập phù hợp với năng lực đội ngũ kỹ sư khối quản lý dự án. Đồng thời, cơ chế lương sản phẩm đảm bảo chi trả xứng đáng với khối lượng, chất lượng công việc hàng tháng, tiếp tục là đòn bẩy thúc đẩy năng suất tích cực, đặc biệt với các Ban dự án có sản lượng và hiệu quả vượt trội.

Bên cạnh đó, Chính sách khuyến khích kinh doanh tiếp tục tạo đà khuyến khích mạnh mẽ đối với các đối tượng thuộc nhóm bán hàng trực tiếp, nhóm hỗ trợ kinh doanh và các dự án có hiệu quả. Cơ chế lương thưởng minh bạch này đã thúc đẩy việc gia tăng thu nhập của cán bộ nhân viên thông qua ghi nhận những đóng góp thuyết phục, công khai, tác động trực tiếp tới kết quả tăng nhanh doanh thu và lợi nhuận của tổ chức.

Cũng theo Chính sách nhân sự 2018, Hệ thống đánh giá và quản trị thành tích của FECON từng bước được hoàn thiện. Thông qua cơ chế giao mục tiêu KPIs đối với các Công ty, từng bộ phận và cá nhân, cùng với phương pháp đánh giá khách quan, đa chiều, từ đó đưa ra chính sách đãi ngộ phù hợp, xây dựng lộ trình công danh rõ ràng, tạo động lực phát triển cho mỗi cán bộ công nhân viên.

ƯU TIÊN PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ THÔNG QUA ĐÀO TẠO VÀ HỢP TÁC ĐÀO TẠO

Với mục tiêu xây dựng FECON trở thành một "tổ chức học tập", năm 2018 chứng kiến sự thay đổi mạnh mẽ trong hoạt động đào tạo với hơn 9.000 giờ đào tạo cho cán bộ nhân viên của hệ thống FECON. Các khóa học nâng cao năng lực chuyên môn được tổ chức kịp thời nhằm trang bị và cập nhật các kiến thức mới nhất, phục vụ công việc hàng ngày. Cũng trong năm 2018, chương trình đào tạo giảng viên nội bộ "Great Leaders, Great Trainer" khóa 2 cho 19 nhân sự tiềm năng đã được tổ chức. Như vậy, sau 2 khóa học năm 2017 – 2018, đội ngũ hơn 40 giảng viên nội bộ ở các lĩnh vực chuyên môn, vị trí khác nhau đã được trang bị những kiến thức và kỹ năng huấn luyện nền tảng sẵn sàng cho các chương trình đào tạo nội bộ thường xuyên của Công ty.

Nhận thức rõ vai trò quan trọng của các lãnh đạo/quản

lý trong việc hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược, mỗi năm FECON đều dành một ngân sách ưu tiên cho công tác đào tạo phát triển lãnh đạo/quản lý theo khung năng lực đã xây dựng, tiêu biểu: Lãnh đạo tạo đột phá, Quản trị rủi ro, Giải quyết vấn đề và ra quyết định, Quản lý chuỗi cung ứng, Nghi thức ngoại giao trong kinh doanh... Bên cạnh đó, một chương trình nội bộ được tổ chức thường niên, bắt buộc đối với toàn bộ đội ngũ Lãnh đạo/quản lý trên toàn hệ thống - Hội nghị nhà quản lý (Manager Summit 2018) đã được tổ chức tại Hòa Bình. Mỗi năm, hội nghị đi thẳng vào những vấn đề cụ thể, nóng, cần huy động nguồn lực tập thể để giải quyết tối ưu. Năm 2018, với chủ đề "Quản trị tập đoàn – Cộng hưởng để bứt phá", Hội nghị đã thu hút sự góp mặt và thảo luận sôi nổi của 150 lãnh đạo/quản lý toàn hệ thống. Những trao đổi sâu sắc, tâm huyết, cởi mở mang tính xây dựng đã để lại những dấu ấn và thành công lớn của mỗi kỳ Hội nghị. Ngoài việc trang bị những kiến thức chuyên môn, kỹ năng phù hợp với vị trí, thông qua các chương trình đào tạo, hội nghị tập trung, các lãnh đạo/quản lý đã dần nhận thức rõ vai trò của mình trong việc chung tay giải quyết các vấn đề của tổ chức, sẵn sàng tâm thế cho sự bứt phá.

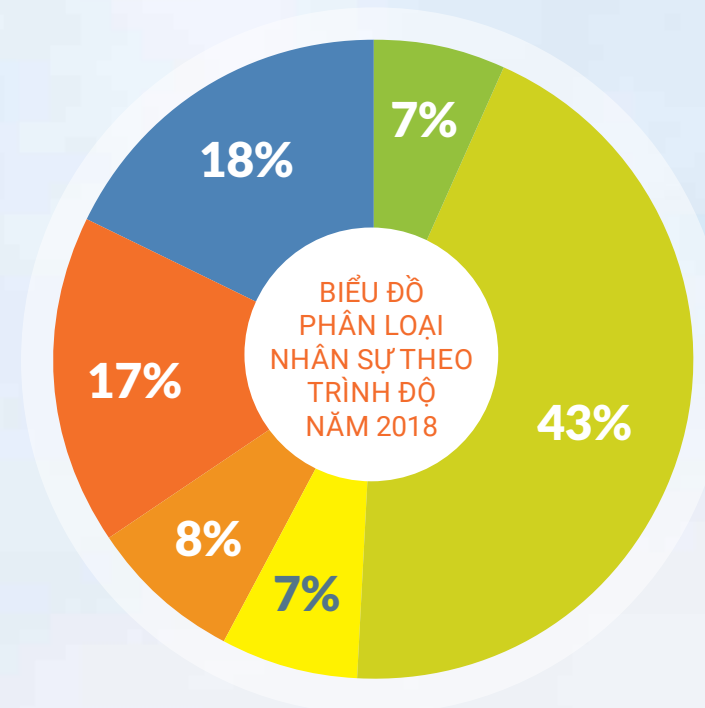
Luôn hướng tới sự thỏa mãn khách hàng trong mỗi sản phẩm và dịch vụ là một trong những triết lý kinh doanh của FECON, đầu tư công nghệ hiện đại để mang đến những sản phẩm chất lượng, bền vững đã định hình hướng đi cho FECON từ ngày đầu thành lập. Xuất phát từ mong muốn đó, Hội nghị Công nghệ xây dựng FECON là hoạt động thường niên cho các cán bộ làm công tác kỹ thuật. Năm 2018 ghi nhận sự tăng lên về số lượng tổ chức các Hội nghị/seminar lớn nhỏ về Công nghệ, tiêu biểu Hội nghị Công nghệ xây dựng FECON lần 2 và lần 3. Ngoài các nhân sự nội bộ là ban lãnh đạo công ty cùng đồng đạo các kỹ sư trong hệ thống như các kỳ Hội nghị trước, Hội nghị 2018 còn có sự góp mặt của các chuyên gia cố vấn hàng đầu trong lĩnh vực nền móng và địa chất của Việt Nam. Trên tinh thần hiểu rõ hơn về chính các công nghệ mà FECON đang thi công tại các dự án, Hội nghị cũng là cơ hội để đội ngũ kỹ thuật có thể thỏa sức trao đổi, bày tỏ ý kiến, đưa ra các giải pháp cho những vấn đề nóng mà dự án FECON đang phải đối mặt.

Năm 2018, FECON tiếp tục duy trì và phát triển hợp tác với các trường Đại học và Cao đẳng uy tín như Đại học Công nghệ GTVT, Đại học Thủy Lợi, Đại học Việt Nhật (VJU), Cao đẳng Việt Xô... trong đào tạo đội ngũ kỹ sư theo yêu cầu và tiêu chuẩn của FECON, hiện thực hóa các ý tưởng đề tài khoa học và nghiên cứu, chuyển giao công nghệ thi công công trình ngầm, năng lượng tái tạo... sẵn sàng đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm thực hiện những mục tiêu chiến lược thách thức trong tương lai.



FECON - PHÁT TRIỂN CÙNG NĂM THÁNG

Quy mô nhân sự



CHÚ THÍCH

- Trên đại học
- Đại học
- Cao đẳng
- Trung cấp
- Công nhân
- Lao động phổ thông

FECON tự hào có đội ngũ nhân sự có chuyên môn và tay nghề cao, có đủ khả năng đáp ứng yêu cầu thực hiện mục tiêu chiến lược của Công ty.

**PHẦN
03 ▶**

BỨT TỐC THÀNH CÔNG

44.

Báo cáo hoạt động
kinh doanh

56.

Báo cáo của Ban Kiểm soát
về hoạt động 2018 & tổng
kết nhiệm kỳ 2014-2018

59.

Báo cáo quản trị rủi ro

62.

Báo cáo phát triển
bền vững



**TĂNG TRƯỞNG TỐT
VỀ LỢI NHUẬN CỦA NĂM 2018
LÀ THÀNH QUẢ CỦA
VIỆC ĐIỀU CHỈNH ĐỊNH
HƯỚNG KINH DOANH
THEO HƯỚNG GIẢM DẪN SỰ
PHỤ THUỘC VÀO THỊ TRƯỜNG
KINH DOANH TRUYỀN THÔNG
VÒN ĐÃ VÀ ĐANG BỊ
CẠNH TRANH KHỐC LIỆT.**



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

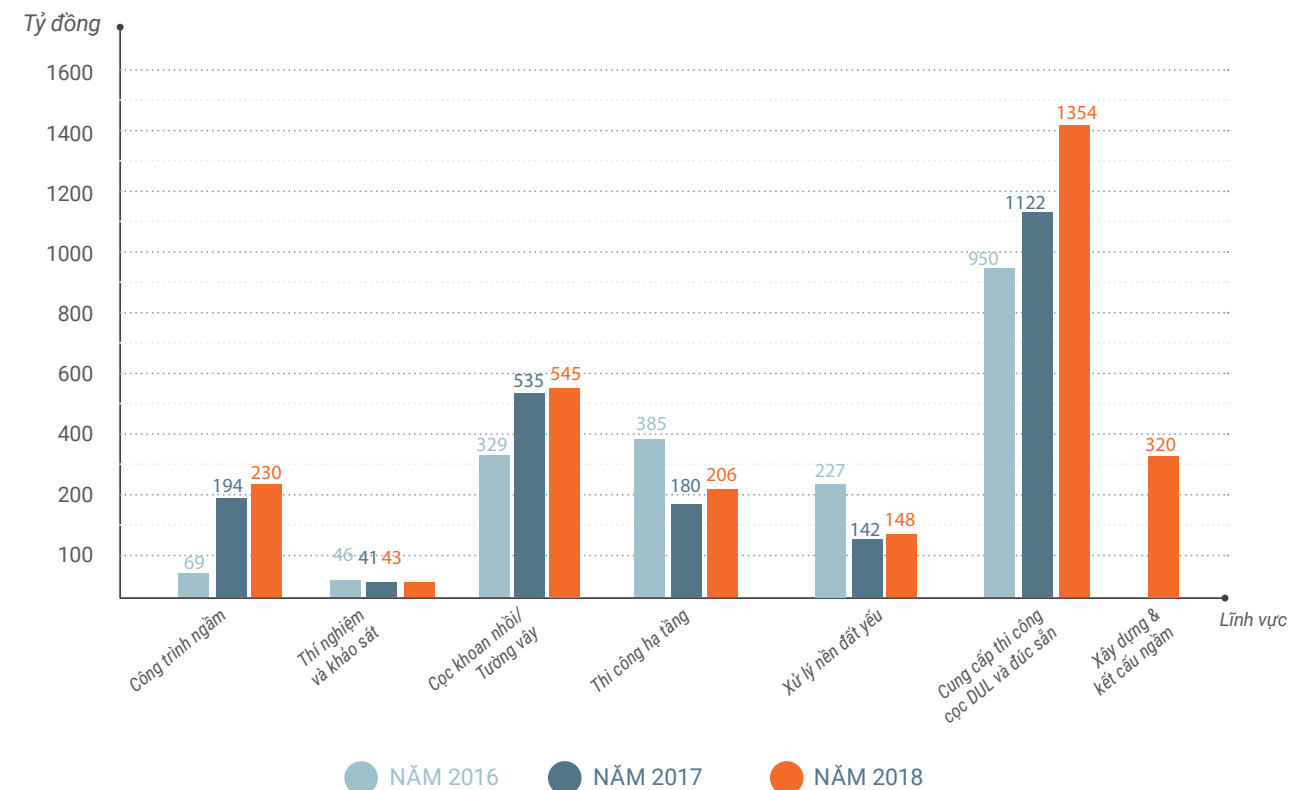
1.1. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

» ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH CHUNG ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH CHUNG

Năm 2018 là năm chứng kiến sự tăng trưởng mạnh về cả doanh thu và lợi nhuận so với 2017. Doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn đạt 2.846 tỷ, tăng 23% so với năm 2017 (2.320 tỷ) hoàn thành 81% KH (3.500 tỷ). Lợi nhuận sau thuế đạt 249 tỷ, tăng 40% so với năm 2017, hoàn thành 92% kế hoạch (270 tỷ).

Trong bối cảnh thị trường xây dựng đã qua thời kỳ tăng trưởng, ngành xây dựng hiện tại đang ở giai đoạn tái cấu trúc và đi xuống trong chu kỳ kinh tế thứ 6 sau đổi mới năm 1986. FECON vẫn tiếp tục giữ vững và phát huy uy tín về năng lực và chất lượng thúc đẩy các mảng kinh doanh cốt lõi tiếp tục tăng trưởng. Ngoài ra, công ty bắt đầu tham gia vào nhiều lĩnh vực mới như Xây dựng kết cấu ngầm, đầu tư năng lượng, xử lý rác thải... Lĩnh vực xây dựng kết cấu ngầm là lĩnh vực mới có mức đóng góp doanh thu tương đối khả quan, vượt qua cả những lĩnh vực đã triển khai từ trước đó. Mức đóng góp có thể tiếp tục tăng thêm trong năm 2019 với nhiều cơ hội tiềm năng mà công ty đang theo đuổi.

Bảng cơ cấu doanh thu năm 2016, 2017 và 2018



► Doanh thu tăng trưởng 23% đạt 81% kế hoạch, lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 40%, hoàn thành 92% kế hoạch

Năm 2018, FECON tiếp tục được các đối tác trong và ngoài nước, trong đó có những đối tác lớn như VinGroup, Tập đoàn Nam Cường, Hòa Phát, POSCO, Doosan, Hoàng Thành... tin tưởng giao cho các Dự án có quy mô lớn trên địa bàn cả nước. Các Dự án nổi bật nhất có thể kể đến: Dự án Hòa Phát Dung Quất (800 tỷ); Dự án Điện mặt trời Hồng Phong 1 (74 tỷ); Dự án lọc hóa dầu Long Sơn (260 tỷ); Dự án Nhiệt điện Nghi Sơn 2 (316 tỷ); Dự án Lotte Mall (hiện tại khoảng 80 tỷ)...

Mảng xây dựng cũng bắt đầu ghi nhận doanh thu với một số Dự án quy mô vừa, điển hình như Gói thầu móng - hạ tầng Dự án Transimex Hưng Yên – Logistic Thăng Long trị giá 65 tỷ. Việc thành lập thêm các 01 Ban xây dựng Công nghiệp và 02 Ban xây dựng đô thị sẽ là tiền đề để lĩnh vực này có thêm đóng góp về doanh thu cho Công ty trong năm 2019.

Dự án Điện mặt trời Vĩnh Hảo 6 do FECON tham gia làm chủ đầu tư đem lại doanh số thi công khoảng 55 tỷ. Các Dự án điện mặt trời khác như Hồng Phong 1 (80 tỷ), Sơn Mỹ (20 tỷ) v.v... dự kiến cũng sẽ đem lại doanh số đáng kể và bền vững trong giai đoạn tiếp theo.

Các Dự án đều được thực hiện bảo vệ kế hoạch chi phí trước Ban lãnh đạo Công ty, đảm bảo kiểm soát tốt chi phí và lợi nhuận. Trên cơ sở Hội đồng giá hiện nay, năm 2019, Công ty sẽ thành lập Hội đồng quản lý dự án để nâng cao hơn nữa hiệu quả của các Dự án mà FECON tham gia.

Tăng trưởng tốt về lợi nhuận của năm 2018 là thành quả của việc điều chỉnh định hướng kinh doanh theo hướng giảm dần sự phụ thuộc vào thị trường kinh doanh truyền thống vốn đã và đang bị cạnh tranh khốc liệt. Lợi nhuận đến từ các mảng kinh doanh mới như năng lượng, xây dựng hạ tầng công nghiệp, hạ tầng đô thị là rất tiềm năng và dự kiến có thể sẽ đóng góp đáng kể vào lợi nhuận của Tập đoàn trong giai đoạn tiếp theo.

► Cơ cấu tài sản

Tổng tài sản tiếp tục tăng trưởng mạnh 23% so với năm 2018 đạt 4.723 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn tăng trưởng 28% và tài sản dài hạn tăng 9%.

• Các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho tăng theo sự tăng trưởng của quy mô doanh thu, sản lượng. Khoản phải thu ngắn hạn tăng chủ yếu do các dự án trọng điểm lớn như Hòa Phát, Vinfast và các dự án lớn khác với giá trị nghiệm thu trên 500 tỷ được thi công và ghi nhận doanh

“ Tổng tài sản tiếp tục tăng trưởng mạnh 23% so với năm 2018 đạt 4.723 tỷ đồng, ”

thu trong quý IV/2018, ngoài ra một số dự án mới thi công như Hồng Phong 1, Vĩnh hảo 6, Yên Xá chưa nghiệm thu làm tăng giá trị hàng tồn kho.

• Tài sản dài hạn của công ty giảm do trong năm 2018 Công ty thực hiện thoái vốn thành công cổ phần tại Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6 và Viện nền móng công trình ngầm FECON.

► Cơ cấu nợ phải trả:

• Nợ phải trả đến thời điểm 31/12/2018 là 2.789 tỷ đồng, tăng 14% so với đầu năm, chiếm 59% Tổng nguồn vốn nguyên nhân chủ yếu là do:

(1) Quy mô nợ ngắn hạn tăng 21% trong đó Phải trả người bán và Chi phí phải trả tăng cao do huy động nguồn lực lớn để đem giá trị thi công các công trình lớn thực hiện vào thời điểm cuối năm;

(2) Nợ dài hạn giảm 5% do việc thanh toán trước hạn khoản Trái phiếu và việc chuyển đổi Trái phiếu chuyển đổi của các Trái chủ.

• Tình hình thanh khoản của FECON ở mức khá an toàn khi các chỉ số thanh khoản nhanh và hiện hành lần lượt đạt 1,44 và 1,68 lần, luôn giữ mức ổn định và an toàn qua các năm.

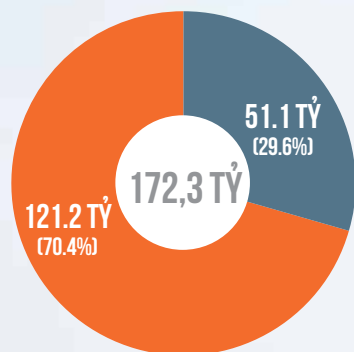
• Trong năm 2018, FECON không phát sinh thêm nợ xấu, nợ quá hạn, được các tổ chức tín dụng, đối tác đánh giá ở mức tín nhiệm cao và duy trì một trạng thái tài chính lành mạnh, ổn định và bền vững trong dài hạn.

► Tình hình thực hiện đầu tư.

Hội đồng quản trị Công ty đã tập trung nguồn lực nội tại để đẩy mạnh các hoạt động đầu tư, tạo nền tảng và động lực tăng trưởng trong dài hạn cho doanh nghiệp.

Bảng tình hình đầu tư ròng năm 2018 (tỷ đồng)

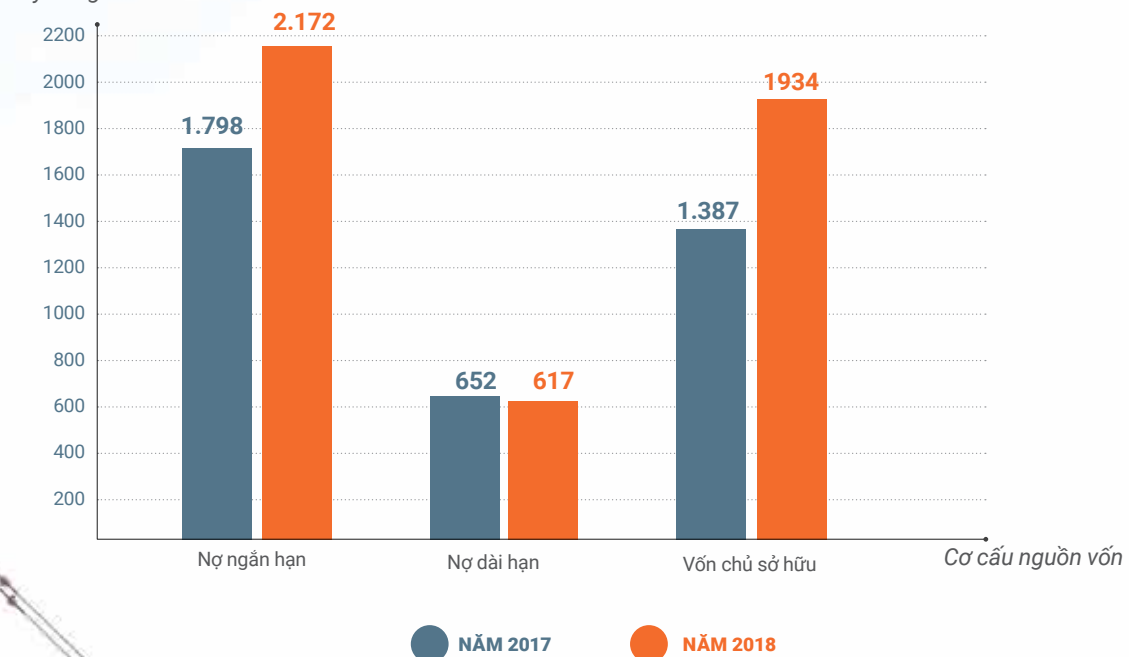
STT	Chỉ tiêu chính	2018
1	Đầu tư vào công ty con, liên kết, công ty dự án	121,2
2	Đầu tư vào tài sản	51,1
	Tổng cộng	172,3



● Đầu tư vào công ty con, liên kết, công ty dự án

● Đầu tư vào tài sản

tỷ đồng



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

» ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm 2018, kinh tế Việt Nam đã khép lại với 1 con số tăng trưởng ấn tượng khi chỉ số GDP tăng 7,8% - mức cao nhất trong 10 năm qua kể từ cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2008, lạm phát giảm xuống còn 3,5%. Môi trường kinh doanh đã được cải thiện đáng kể từ những nỗ lực của Chính phủ nhằm tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do được ký kết, tăng cường cải cách thể chế, thủ tục hành chính nhằm cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển cả khu vực kinh tế tư nhân & Nhà nước. Theo đà tăng trưởng đó, dự báo kinh tế Việt Nam sẽ vẫn tiếp tục tăng trưởng mạnh trong năm 2019 bằng những động lực tăng trưởng mới. Hai điểm sáng lớn của nền kinh tế Việt Nam là ổn định kinh tế vĩ mô và việc tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đã làm giảm đi những tác động không thuận lợi từ thị trường quốc tế do chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc và bất ổn kinh tế Châu Âu gây ra.

Đối với ngành xây dựng, năm 2019 vẫn dự đoán sẽ tăng trưởng khoảng 7,23% do nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng ở Việt Nam rất lớn, chủ yếu do tăng trưởng kinh tế cao và xu hướng đô thị hóa tạo áp lực lên hệ thống hạ tầng hiện tại. Đặc biệt, dự báo mảng xây dựng công nghiệp sẽ có mức tăng trưởng cao nhất do Việt Nam có tiềm năng trở thành trung tâm công nghiệp mới tại Đông Nam Á.

Nắm bắt tình hình chung đó và tận dụng những lợi thế riêng của mình, FECON đã duy trì tốt các hoạt động kinh doanh trong năm qua, giúp đảm bảo lợi ích của cổ đông và người lao động Công ty. Trong năm 2018, Ban lãnh đạo Công ty đã tập trung chỉ đạo bám sát các nhiệm vụ trọng tâm đề ra, kiểm soát chi tiêu, tăng cường công tác tìm kiếm đấu thầu dự án mới theo đúng định hướng chiến lược đã được đề ra. Các công trình thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng và an toàn lao động. Thương hiệu FECON tiếp tục được chủ đầu tư đánh giá cao, giữ vững và nâng cao uy tín nhà thầu hàng đầu Việt Nam về nền móng công trình và thi công hạ tầng đã góp phần từng bước hiện thực hóa chiến lược phát triển trở thành doanh nghiệp hạ tầng hàng đầu vào năm 2020.

» HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ

> 1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

+ a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức danh	Chuyên trách	Điều hành	Độc lập	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu FCN nắm giữ (%)
1	Phạm Việt Khoa	Chủ tịch	X			6,23
2	Hà Thế Phương	Phó Chủ tịch	X			1,53
3	Trần Trọng Thắng	Phó Chủ tịch thường trực	X			1,15
4	Phạm Quốc Hùng	Ủy viên		X		0,43
5	Hà Thế Lộng	Ủy viên			X	0,46
6	Hà Cửu Long	Ủy viên			X	0,95
7	Phùng Tiến Trung	Ủy viên			X	0,33
8	Nguyễn Quang Hải	Ủy viên			X	0,27
9	Takano Satoshi	Ủy viên			X	0

+ b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

• Thường trực Hội đồng quản trị gồm các thành viên sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Phạm Việt Khoa	Chủ tịch HĐQT
2	Hà Thế Phương	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Trần Trọng Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực

• Người phụ trách vấn đề nhân sự và lương thưởng:

Ông Hà Cửu Long - Ủy viên HĐQT độc lập,

+ c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ theo đúng chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty. Hội đồng quản trị duy trì họp định kỳ hàng quý và họp đột xuất để đánh giá tình hình công việc cũng như để chỉ đạo, giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trong năm, Hội đồng quản trị đã tổ chức 05 cuộc họp thường kỳ/bất thường và ban hành nhiều Nghị quyết thông qua nhiều chủ trương quan trọng đối với hoạt động và định hướng phát triển của Công ty, nội dung chính như sau:

Thời gian	Nội dung và kết quả
	<p>Phê duyệt Kế hoạch SXKD các đơn vị thành viên FECON năm 2018</p> <p>Phê duyệt Kế hoạch SXKD của Công ty CP FECON năm 2018</p> <p>Phê duyệt kế hoạch Tổ chức ĐHCĐ thường niên 2018</p> <p>Thông qua phương án nhân sự lãnh đạo, quản lý cho các đơn vị thành viên</p> <p>Bổ nhiệm ông Nguyễn Song Thanh giữ vị trí Giám đốc Viện Nền móng & CT ngầm</p> <p>Thay đổi chức danh của Bà Trần Thị Ái Vân: từ Giám đốc thành Phó Giám đốc Viện nền móng & CT ngầm</p> <p>Điều chuyển & bổ nhiệm bà Nguyễn Mai Trang giữ vị trí Phó Giám đốc Viện nền móng & CT ngầm</p> <p>Bổ nhiệm bà Bùi Thị Vân Thanh giữ vị trí Chánh Văn phòng Công ty cổ phần FECON</p> <p>Nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty CP Xử lý nền và xây dựng FECON</p> <p>Chuyển đổi loại hình Công ty: Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng FECON chuyển đổi thành Công ty cổ phần năng lượng FECON</p> <p>Thành lập doanh nghiệp và cử người đại diện phần vốn góp Công ty cổ phần năng lượng Vĩnh Hào 6</p> <p>Ủy quyền đại diện quản lý vốn góp tại Công ty CP năng lượng FECON</p> <p>Ủy quyền đại diện quản lý vốn góp của Công ty CP năng lượng Vĩnh Hào</p> <p>Ủy quyền đại diện quản lý phần vốn góp tại Công ty CP FECON S&C</p> <p>Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP 2018)</p> <p>Thông qua Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP 2018) và Danh sách người lao động được tham gia chương trình ESOP 2018</p> <p>Phân phối số lượng cổ phiếu còn dư do CBCNV không đăng ký mua hết trong đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty (ESOP 2018)</p> <p>Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận số 92/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 29/12/2017</p> <p>Phân phối số lượng cổ phiếu còn dư do cổ đông không đăng ký mua hết trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận số 92/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 29/12/2017</p> <p>Thông qua hồ sơ Đăng ký bổ sung & Niêm yết bổ sung chứng khoán</p> <p>Phê duyệt phương án vay vốn theo Hợp đồng hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng –VPB Hội sở</p> <p>Phê duyệt phương án Vay vốn, bảo lãnh, mở thư tín dụng, chiết khấu tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh Thăng Long</p> <p>Tăng vốn điều lệ và thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp</p> <p>Thành lập Hội đồng đánh giá chung khảo sáng kiến cải tiến năm 2017</p> <p>Ban hành Quy định tổ chức công việc và quản trị đội ngũ quản lý dự án</p> <p>Thành lập Hội đồng đánh giá hiệu quả công việc năm 2017</p> <p>Miễn nhiệm chức vụ Giám đốc trung tâm thiết bị của Nguyễn Đức Điện</p> <p>Sáp nhập Phòng Quản lý Thiết bị vào Trung tâm thiết bị</p> <p>Sáp nhập Phòng Tài chính và Ban chiến lược kế hoạch thành Phòng Tài chính - Kế hoạch</p> <p>Sáp nhập Đội thi công số 3 vào Ban Dự án 1</p> <p>Sáp nhập Đội thi công số 4 vào Ban Dự án 2</p> <p>Thành lập và Bổ nhiệm Trưởng Ban Dự án 8</p> <p>Thành lập Ban Dự án Xây dựng Công nghiệp</p> <p>Bổ nhiệm Phó tổng giám đốc Nguyễn Quốc Bảo</p> <p>Bổ nhiệm Trưởng Phòng Cung ứng</p> <p>Bổ nhiệm Quyền giám đốc Trung tâm thiết bị Đặng Xuân Tình</p> <p>Bổ nhiệm ông Trần Phương giữ vị trí Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch</p> <p>Bổ nhiệm Giám đốc Kỹ thuật Nguyễn Văn Hưng</p> <p>Bổ nhiệm ông Nguyễn Đức Hưng làm Trưởng phòng An toàn lao động</p> <p>Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng con dấu</p>
Quý I/2018	
Quý II/2018	<p>Thành lập Ban tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2018</p> <p>Thành lập Ban đánh giá, thanh lý tài sản cố định của Công ty</p> <p>Lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán CPA VIỆT NAM là đơn vị kiểm toán năm 2018 của FECON</p> <p>Tăng vốn điều lệ và thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp</p> <p>Hỗ trợ kinh phí xây dựng Hội trường của Trường THPT Ý Yên</p> <p>Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty năm 2018 (ESOP 2018)</p> <p>Nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty cổ phần hạ tầng FECON</p> <p>Tái cấu trúc một số khoản đầu tư</p> <p>Tăng vốn góp vào FECON S&C và chuyển giao quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của cổ đông chiến lược tại TEDI cho FECON S&C</p> <p>Góp bổ sung vốn đầu tư vào Dự án Điện mặt trời Vĩnh Hào 6</p> <p>Nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty CP khoáng sản FECON Hải Đăng</p> <p>Chuyển nhượng cổ phần Công ty CP FECON Miltec thuộc sở hữu của FECON cho Công ty FECON S&C</p> <p>Mua cổ phần Công ty CP Hạ tầng FECON</p> <p>Thay đổi người đại diện vốn và kiểm soát vốn tại Công ty CP FECON South</p> <p>Thay đổi người đại diện vốn và kiểm soát vốn tại Công ty CP nông nghiệp hữu cơ Đông Khê</p> <p>Cử người đại diện vốn tại Công ty CP khoáng sản FECON Hải Đăng</p> <p>Miễn nhiệm vị trí Trưởng ban Dự án 4 đối với ông Nguyễn Văn Hưng</p> <p>Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Hưng giữ chức vụ Giám đốc Dự án phụ trách mảng tường vây & cọc khoan nhồi</p> <p>Bảo lãnh nghĩa vụ của Công ty cổ phần Địa kỹ thuật tiên tiến Raito-FECON theo Hợp đồng vay ký với Ngân hàng Sumimoto Mitsui – Chi nhánh Hà Nội</p> <p>Phương án vay vốn tại Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam</p> <p>Vay vốn và dùng tài sản để đảm bảo tiền vay tại Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Thăng Long</p> <p>Thực hiện các công việc liên quan đến tài sản đảm bảo tạm thời tại Ngân hàng TNCP ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Hoàn Kiếm</p> <p>Vay vốn tại Ngân hàng TM Phát triển TP.Hồ Chí Minh (HD Bank)</p>
Quý III/2018	<p>Lựa chọn KPMG là Đơn vị tư vấn chiến lược 2019-2024</p> <p>Ban hành Quy chế hoạt động NCKH & PT Công nghệ</p> <p>Miễn nhiệm vị trí Giám đốc Nhân sự đối với bà Đỗ Thị Quỳnh</p> <p>Bổ nhiệm ông Vũ Phi Trường làm Giám đốc Trung Tâm Nguồn Nhân Lực</p> <p>Bổ nhiệm ông Trương Văn Bình làm Trưởng Ban Pháp Chế Thư Ký</p> <p>Miễn nhiệm vị trí Kế toán trưởng đối với ông Trương Tuấn Tú</p> <p>Bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Nghiên làm Kế toán trưởng kể từ ngày 26/09/2018</p> <p>Thông qua việc cấp Bảo lãnh và sử dụng tài sản đảm bảo tại VRB</p> <p>Thông qua phương án tăng vốn góp vào công ty CP công trình ngầm FECON (FCU)</p> <p>Thông qua phương án tăng vốn góp vào công ty CP FECON South</p> <p>Nhận chuyển nhượng 250.000 cổ phần tại Công ty cổ phần hạ tầng FECON (FCI)</p> <p>Chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần khoáng sản FECON (FCM)</p> <p>Thông qua việc thực hiện phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2017 và thực hiện thanh toán cổ tức năm 2017</p> <p>Sửa đổi nội dung nghị quyết số 44/2018/NQ-HĐQT.FECON ngày 21/09/2018 về việc thực hiện thanh toán cổ tức năm 2017</p> <p>Chuyển nhượng 200.000 cổ phần Công ty CP Hạ tầng FECON</p> <p>Cử Cán bộ đi công tác tại Hàn Quốc</p> <p>Cử cán bộ đi công tác tại Indonesia</p>
Quý IV/2018	<p>Thành lập Công ty CP thiết bị FECON & cử người đại diện vốn góp</p> <p>Thông qua việc chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần năng lượng Vĩnh Hào 6 cho Nhà đầu tư</p> <p>Ủy quyền đại diện quản lý vốn góp tại Công ty CP khoáng sản FECON (FCM)</p> <p>Bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Lan Anh làm Trưởng Phòng Nhân Sự</p> <p>Miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc đối với ông Trần Trọng Thắng</p> <p>Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Thanh làm Tổng giám đốc kể từ ngày 08/11/2018</p> <p>Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>Bảo lãnh nghĩa vụ của FECON South tại VIB TP. Hồ Chí Minh</p> <p>Thông qua hồ sơ đăng ký bổ sung và niêm yết chứng khoán</p> <p>Hỗ trợ kinh phí Hoạt động năm học 2018-2019 của Trường THPT Ý Yên</p> <p>Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền phê duyệt</p> <p>Cử cán bộ đi công tác tại Hàn Quốc</p> <p>Cử cán bộ đi công tác tại Trung Quốc</p>

+ d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành đều tham dự đầy đủ các buổi họp của Hội đồng quản trị và đóng góp nhiều ý kiến khách quan, thiết thực trong công tác quản trị Công ty cũng như việc ra quyết định của Hội đồng quản trị. Cụ thể các đóng góp của các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành như sau:

- **Về chiến lược:** Đóng góp tích cực vào việc xây dựng chiến lược của Công ty.
- **Về kiểm soát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:** Các thành viên đã xem xét kỹ lưỡng các kế hoạch và kết quả hoạt động của Ban Giám đốc trong việc đạt được những mục đích, mục tiêu đề ra và tích cực giám sát việc báo cáo kết quả hoạt động.
- **Về kiểm soát rủi ro:** Các thành viên giúp kiểm tra để đảm bảo các thông tin tài chính được công bố là chính xác. Đồng thời góp phần làm vững mạnh việc kiểm soát tài chính cùng hệ thống quản trị rủi ro trong Công ty.
- **Về nhân sự:** Các thành viên đã giúp xác định mức thù lao phù hợp dành cho các thành viên Hội đồng quản trị điều hành, có vai trò tích cực trong việc quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao.

+ e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

e.1/ Thường trực Hội đồng quản trị

Thường trực Hội đồng quản trị được thành lập theo Nghị quyết số 31B/2014/NQ-HĐQT. FECON của Hội đồng quản trị ngày 25 tháng 9 năm 2014, là cơ quan được Hội đồng quản trị giao nhiệm vụ để giải quyết và phê duyệt kịp thời một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về các hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được ủy quyền. Thường trực HĐQT sau khi được thành lập triển khai công việc hiệu quả, phối hợp với Ban điều hành đáp ứng được kịp thời yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

e.2/ Người phụ trách về nhân sự và lương thưởng

Hội đồng quản trị cử 01 ủy viên Hội đồng quản trị độc lập (ông Hà Cửu Long) phụ trách về vấn đề nhân sự và lương thưởng. Cùng với các thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành khác, năm 2018, người phụ trách về nhân sự và lương thưởng đã hoạt động tích cực và có các đóng góp sau vào hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị:

Góp ý về chính sách lương, thưởng do Hội đồng quản trị đưa ra;

Góp ý đối với nội dung đề xuất về định mức lương, thưởng đối với cán bộ quản lý;

Định kỳ đánh giá giá trị mô và cơ cấu lương, thưởng của từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác;

Kịp thời đưa ra các khuyến nghị và đề xuất thay đổi cần thiết có liên quan.

+ f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty đã có chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty là 07 thành viên, bao gồm: ông Phạm Việt Khoa, ông Hà Thế Phương, ông Trần Trọng Thắng, ông Hà Thế Lộ, ông Phạm Quốc Hùng, ông Nguyễn Quang Hải, ông Hà Cửu Long.

Ngoài ra, trong năm 2018, các thành viên Hội đồng quản trị và cán bộ quản lý khác của Công ty cũng được tham gia các khóa đào tạo nội bộ thường kỳ liên quan đến kỹ năng quản lý và hoạt động của Công ty. Các hoạt động này không chỉ cung cấp những kỹ năng mới, nâng cao tính chuyên nghiệp mà còn giúp nâng cao nhận thức về các giá trị nền tảng của công việc giúp việc quản trị Công ty hiệu quả hơn.

▶ 2.2. BAN KIỂM SOÁT

+ a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát cụ thể như sau

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	CHUYÊN TRÁCH	KHÔNG CHUYÊN TRÁCH	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU FCN NĂM GIỮ (%)	SỞ HỮU CHỨNG KHOÁN KHÁC CỦA CÔNG TY
1	Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng Ban	X		0,03	0
2	Nguyễn Chí Công	Thành viên		X	0,83	0
3	Bùi Thanh Tùng	Thành viên		X	0,25	0

+ b. Hoạt động của Ban kiểm soát

Hoạt động của Ban kiểm soát Công ty được trình bày chi tiết ở Phần [1.2] Báo cáo của Ban kiểm soát

▶ 2.3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

+ a. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	THÙ LAO (VNĐ/THÁNG) ⁽¹⁾		SỐ THÁNG ÁP DỤNG (THÁNG) ⁽²⁾	TỔNG THÙ LAO NĂM 2018 (VNĐ)
			THÀNH VIÊN CHUYÊN TRÁCH	THÀNH VIÊN KHÔNG CHUYÊN TRÁCH		
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ						
1	Phạm Việt Khoa	Chủ tịch	150.000.000	-	12	1.800.000.000
2	Hà Thế Phương	Phó Chủ tịch	90.000.000	-	12	1.080.000.000
3	Trần Trọng Thắng ⁽³⁾	Phó Chủ tịch thường trực	-	22.500.000	6	675.000.000
		Phó Chủ tịch thường trực	90.000.000	-	6	
4	Phạm Quốc Hùng	Ủy viên	-	22.500.000	12	270.000.000

5	Hà Thế Lộ	Ủy viên	-	22.500.000	12	270.000.000
6	Hà Cửu Long	Ủy viên	-	22.500.000	12	270.000.000
7	Phùng Tiến Trung	Ủy viên	-	22.500.000	12	270.000.000
8	Nguyễn Quang Hải	Ủy viên	-	22.500.000	12	270.000.000
9	Takano Satoshi	Ủy viên	-	22.500.000	12	270.000.000
Tổng cộng (I)						5.175.000.000
BAN KIỂM SOÁT						
1	Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng Ban	90.000.000	-	12	1.080.000.000
2	Nguyễn Chí Công	Thành viên	-	22.500.000	12	270.000.000
3	Bùi Thanh Tùng	Thành viên	-	22.500.000	12	270.000.000
Tổng cộng (II)						1.620.000.000
TỔNG CỘNG (I) và (II)						6.795.000.000

Thời điểm chi trả thù lao cho các thành viên tuân theo quy định nội bộ của Công ty.

Ngoài chế độ thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như trên, các thành viên còn dự kiến được nhận tiền thưởng lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ căn cứ vào kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Bên cạnh đó, các chế độ đãi ngộ khác cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát như: chế độ sử dụng xe ô tô, sử dụng trang thiết bị tin học, chế độ bảo hiểm, chế độ công tác phí... được thực hiện theo các chế độ chi phí, đãi ngộ theo quy định nội bộ của Công ty và quy định của pháp luật.

+ b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu (CP)	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu (CP)	Tỷ lệ (%)	
1	Phạm Quốc Hùng	Người nội bộ	920.681	1,025	408.125	0,433	Bán cổ phiếu
2	Hà Thế Lộ	Người nội bộ	518.809	0,577	431.107	0,457	Bán cổ phiếu
3	Trần Trọng Thắng	Người nội bộ	1.281.850	1,427	1.088.692	1,154	Bán cổ phiếu
4	Nguyễn Văn Thanh	Người nội bộ	248.230	0,276	264.096	0,280	Mua cổ phiếu
5	Hà Thế Phương	Người nội bộ	1.089.722	1,213	1.443.279	1,530	Mua cổ phiếu
6	Phạm Việt Khoa	Người nội bộ	6.096.636	6,940	5.876.467	6,229	Bán cổ phiếu

+ c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

▶ 2.4. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (Theo danh sách cổ đông chốt ngày 31/03/2019)

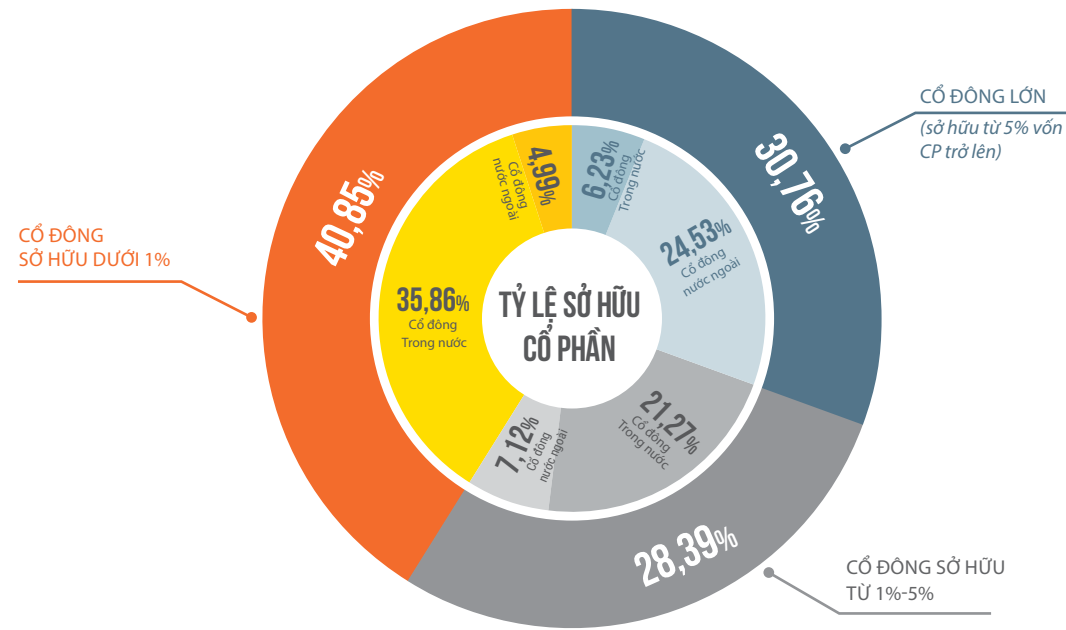
+ a. Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 94.344.562 cổ phần phổ thông.
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 94.344.562 cổ phần phổ thông.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 94.344.562 cổ phần.

+ b. Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/03/2019

*. Tỷ lệ sở hữu cổ phần

STT	Đối tượng	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng cộng	Tỷ lệ % VDL
		Số lượng Cổ đông	Số CP	Tỷ lệ % VDL	Số lượng Cổ đông	Số CP	Tỷ lệ sở hữu		
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0	0	0	0	0	
2	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)	1	5.876.467	6,23	2	23.144.063	24,53	29.020.530	30,76
3	Cổ đông sở hữu từ 1%-5%	9	20.071.056	21,27	3	6.714.293	7,12	26.785.349	28,39
4	Cổ đông sở hữu dưới 1%	3.765	33.829.785	35,86	91	4.708.898	4,99	38.538.683	40,85
5	Cổ đông khác	0	0	0	0	0	0	0	0,00
TỔNG CỘNG		3.775	59.777.308	63,36	96	34.567.254	36,64	94.344.562	100



» 3. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY NĂM 2018

Năm 2018, Ban điều hành đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định của Điều lệ tổ chức hoạt động của FECON và pháp luật hiện hành. Hội đồng quản trị thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát công tác điều hành của Ban điều hành thông qua các hồ sơ trình theo quy chế, báo cáo định kỳ, đột xuất và báo cáo trực tiếp tại các buổi họp.

Tổng Giám đốc và các Giám đốc chức năng thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có sự phân công phân nhiệm rõ ràng, duy trì tổ chức các buổi họp giao ban hàng tuần, hàng tháng để có sự chỉ đạo kịp thời, hiệu quả. Ban điều hành thực hiện đúng mục tiêu chiến lược đề ra, tập trung vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, phát huy thế mạnh về năng lực thi công, quản lý dự án. Ngoài ra Ban điều hành đã có quyết định linh hoạt trong kinh doanh, kịp thời nắm bắt cơ hội để vượt qua khó khăn của thị trường, điển hình là việc tiếp cận, phát triển và nâng tỷ trọng doanh thu tại thị trường phía Nam. Với mối quan hệ và kinh nghiệm thi công, hy vọng thị trường này sẽ tiếp tục giúp doanh thu của FECON tăng trưởng mạnh trong các năm tới.

Trong năm 2018, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông được triển khai theo đúng kế hoạch. Thực hiện tương đối tốt các chỉ tiêu về kế hoạch kinh doanh, các mặt hoạt động của Công ty được cải tiến hướng tới ngày một chuyên nghiệp hơn. Để đạt được hiệu quả trên là do có sự phối hợp tốt giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong công việc chỉ đạo và điều hành đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, bàn bạc và quyết định công việc công khai minh bạch, tuân thủ đúng quy định của pháp luật và hệ thống văn bản quản lý công ty. Cụ thể là:

• Các chỉ tiêu tài chính

Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2018 đạt 4.723 tỷ đồng, tăng 23% so với năm 2017. Doanh thu hợp nhất và lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Cổ đông công ty mẹ tăng trưởng lần lượt ở mức 23% và 40% so với năm 2017, đạt 81% kỳ vọng doanh thu và 92% kỳ vọng lợi nhuận của Đại Hội đồng cổ đông đề ra từ đầu năm. Hội đồng quản trị đánh giá đây là kết quả kinh doanh đáng khích lệ so với mặt bằng chung của các công ty cùng lĩnh vực, tuy nhiên Ban điều hành cần phải nỗ lực hơn nữa trong phát triển các dự án kinh doanh, quản lý chi phí hiệu quả và thu hồi vốn kịp thời.

• Phát triển khách hàng

Trước sự cạnh tranh gay gắt của các đối thủ, FECON không những giữ vững được mối quan hệ với các khách hàng cũ, nhiều công trình được Chủ đầu tư tín nhiệm giao thi công giai đoạn tiếp theo mà còn phát triển thêm khách hàng mới, thi công hàng loạt dự án lớn như: Metro Line 1 Hồ Chí Minh, Metro Line 3 Hà Nội, Dự án Nhà máy sản xuất Thép Hòa Phát, Dự án Hóa dầu Long Sơn, Dự án Nhà máy Nhiệt điện Nghi Sơn 2 v.v... Đây có thể được xem là một sự nỗ lực vượt bậc của Ban lãnh đạo FECON trong chiến lược đầu thầu cũng như tìm kiếm, phát triển kinh doanh và quản lý khách hàng.

• Tăng cường công tác quản lý tài chính và quản trị rủi ro

Tổ thu hồi công nợ và Ban quản lý chi phí & dòng tiền do Giám đốc tài chính trực tiếp đứng đầu đã tích cực trong công tác thu hồi công nợ, hạn chế phát sinh công nợ khó đòi, tối ưu hóa chi phí và thúc đẩy dòng tiền từ các dự án v.v... Công ty áp dụng mạnh các biện pháp tiết giảm chi phí, Giám đốc dự án, Ban điều hành công trường và bộ phận Cung ứng phối hợp để kiểm soát chi phí, chọn đơn vị thầu phụ/cung cấp đảm bảo năng lực, chất lượng với chi phí tối ưu. Góp phần tăng hiệu quả kinh doanh của Công ty. Trong năm 2018 Công ty cũng xem xét cơ cấu lại những khoản mục đầu tư, bán một số khoản đầu tư vào Công ty liên kết, hạn chế nguồn vốn đầu tư dàn trải.

• Cơ cấu bộ máy tổ chức

Xác định xây dựng hệ thống quản lý phù hợp là nền tảng vững chắc để tăng tốc phát triển, công ty luôn chú trọng việc cải tiến hệ thống quản lý, hoàn thiện bộ máy tổ chức. Công ty đã phân quyền rõ hơn cho từng vị trí lãnh đạo trong công tác phát triển kinh doanh và quản lý dự án để đảm bảo doanh thu, lợi nhuận tăng trưởng bền vững; bắt kịp với những thay đổi trên thị trường, tạo tiền đề phát triển mạnh mẽ hơn trong thời gian tới.

• Công bố thông tin và đảm bảo tính minh bạch

Chấp hành đầy đủ các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Ủy Ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và pháp luật hiện hành. Duy trì các hoạt động quan hệ nhà đầu tư, đảm bảo xử lý kịp thời các thông tin từ cổ đông và nhà đầu tư. Tuy nhiên nhiệm vụ này cần được làm tốt hơn nữa trong thời gian tới.

+ c. Cơ cấu cổ đông

STT	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU (CP)	TỶ LỆ (%)
1	Cổ phiếu Quỹ	0	0	0
2	Cổ đông trong nước	3.775	59.777.308	63,36
2.1	Tổ chức	37	3.445.889	3,65
2.2	Cá nhân	3.738	56.331.419	59,71
3	Cổ đông nước ngoài	96	34.567.254	36,64
3.1	Tổ chức	23	33.422.714	35,43
3.2	Cá nhân	73	1.144.540	1,21
	Tổng	3.871	94.344.562	100,00

* Danh sách cổ đông lớn

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG CP (CP)	TỶ LỆ (%)
1	Phạm Việt Khoa	P524-CT4 - ĐT, Mỹ Đình - Mễ Trì - Mỹ Đình - Từ Liêm - Hà Nội	5.876.467	6,23
2	GEOHARBOUR HOLDING CO., LTD	Suite 309, Capital, City Building, Independence Avenue Victoria, Mahé, Republic of Seychelles	5.052.178	5,36
3	PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	C/O PYN FUND, MANAGEMENT LTD, PL 139 00101, HELSINKI, FINLAND	18.091.885	19,18
	Tổng cộng		29.020.530	30,76

+ d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

+ e) Các chứng khoán khác

Ngoài cổ phần phổ thông, Công ty hiện đang lưu hành trái phiếu chuyển đổi (Mệnh giá: 1.000.000 VNĐ/01 trái phiếu) với thông tin như sau:

Số dư tại 01/01/2018	327.500 trái phiếu
Phát hành thêm	0
Chuyển đổi	0
Số dư tại 31/12/2018	327.500 trái phiếu



1.2.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ HOẠT ĐỘNG 2018 & TỔNG KẾT NHIỆM KỲ 2014-2018

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát (BKS) được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần FECON, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS, BKS nhất trí thông qua báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2018 với các nội dung cụ thể như sau:

» KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG & TÀI CHÍNH NĂM 2018

Năm 2018, môi trường kinh doanh của FECON vẫn còn nhiều khó khăn do tác động chưa tích cực từ các yếu tố bên ngoài. Song dưới sự chỉ đạo sát sao của HĐQT cùng với sự quyết tâm và đồng thuận của Ban điều hành Công ty, các chỉ tiêu kinh doanh đều có sự tăng trưởng so với năm 2017, góp phần đưa FECON tiến gần đến chiến lược trở thành Tập đoàn hàng đầu về xây dựng và phát triển hạ tầng tại Việt Nam vào năm 2025.

Chi tiết thẩm định lại các Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần FECON đã được lập và kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM như sau:

- BKS thống nhất với các báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM;
- Các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty, phù hợp với Chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018:

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ TẠI NGÀY 31/12/2018
1	Tổng tài sản	4.723
2	Vốn chủ sở hữu	1.934
3	Kết quả kinh doanh năm 2018	
-	Doanh thu thuần	2.846
-	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	306
-	Lợi nhuận sau thuế TNDN	249
-	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	246
-	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)-đồng/cp	2.957

Như vậy trong bối cảnh chung của thị trường hiện nay, việc duy trì và tăng trưởng các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận so với năm 2017 cũng là một thành tích đáng khích lệ của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên trong toàn hệ thống FECON.

» HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2014 -2018

1. Nhân sự của Ban kiểm soát

Số lượng thành viên BKS nhiệm kỳ 2014 - 2018 bao gồm 03 thành viên như sau:

- Ông Phùng Tiến Trung – Trưởng ban (được ĐHĐCĐ bầu ngày 15/03/2014 và thông qua miễn nhiệm ngày 24/04/2015 theo đơn từ nhiệm để ứng cử vào HĐQT);
- Bà Phạm Thị Hồng Nhung – Trưởng ban, chế độ làm việc Chuyên trách (được ĐHĐCĐ bầu ngày 24/04/2015 bổ sung thay ông Phùng Tiến Trung);
- Ông Bùi Thanh Tùng – Thành viên;
- và Ông Nguyễn Chí Công – Thành viên.

2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát

Trong suốt nhiệm kỳ hoạt động, BKS đã lập kế hoạch công tác, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, tổ chức các cuộc họp định kỳ theo đúng quy định. Các cuộc họp HĐQT đều có sự tham gia đầy đủ của các kiểm soát viên. Ngoài ra, Ban điều hành cũng mời Trưởng ban kiểm soát tham dự các cuộc họp giao ban định kỳ của Công ty.

Bên cạnh các phiên họp chính thức, BKS thường xuyên trao đổi, đánh giá các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty để đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh doanh.

3. Giám sát tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ và tình hình tài chính

Các Nghị quyết được thông qua bởi ĐHĐCĐ thường niên trong nhiệm kỳ đã được thực hiện và triển khai đầy đủ, bao gồm việc phát hành trái phiếu chuyển đổi, phát hành cổ phiếu ESOP, tăng vốn điều lệ, đổi tên Công ty, phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức, chi trả thù lao HĐQT, BKS, sửa đổi điều lệ phù hợp với Luật doanh nghiệp hiện hành và hoạt động của Công ty.

» a. Kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty giai đoạn 2014 - 2018

Năm	Doanh thu thuần (tỷ đồng)			Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)			Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ/CP)
	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành KH	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành KH	
2014	1.500	1.354	90%	148	135	91%	2.803
2015	1.800	1.661	92%	168	155	92%	3.036
2016	2.600	2.108	81%	173	176	102%	3.132
2017	2.800	2.320	83%	200	178	89%	2.968
2018	3.500	2.846	81%	272	249	92%	2.957

Giai đoạn 2014 - 2018, tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân đạt 20%/năm. Trong đó doanh thu năm 2018 đạt 2.846 tỷ, tăng gấp 2,1 lần so với năm 2014.

Trung bình cả giai đoạn, chỉ tiêu LNST chỉ hoàn thành 93% kế hoạch song LNST có mức tăng trưởng ấn tượng bình quân 17%/năm, bám khá sát tốc độ tăng trưởng doanh thu.

Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu duy trì ổn định, tính bình quân cả giai đoạn đạt khoảng 3.000 đồng/CP. Đặt trong bối cảnh nhu cầu nguồn vốn tăng mạnh trong các năm qua thì giá trị này cho thấy thành tích không hề nhỏ và đáng ghi nhận của Công ty.

► b. Thực hiện chi trả cổ tức

Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức qua các năm như sau:

- Năm 2014: cổ tức được chi trả bằng tiền mặt là 10% tính trên vốn điều lệ;
- Năm 2015: cổ tức được chi trả bằng tiền mặt là 10% tính trên vốn điều lệ;
- Năm 2016: cổ tức được chi trả bằng tiền mặt là 10% tính trên vốn điều lệ;

Năm 2017: cổ tức được chi trả là 10% tính trên vốn điều lệ, trong đó 5% bằng tiền mặt và 5% bằng cổ phiếu;

• Năm 2018: HĐQT dự kiến đề xuất chi trả là 10% tính trên vốn điều lệ, trong đó 5% bằng tiền mặt và 5% bằng cổ phiếu.

► c. Thực hiện chi trả thù lao HĐQT và BKS:

Công ty đã hạch toán và chi trả thù lao HĐQT và BKS đúng theo Nghị quyết ĐHCĐ hàng năm và quy định hiện hành.

► d. Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập:

Theo Nghị quyết hàng năm của ĐHCĐ, BKS cùng HĐQT đã chọn Công ty kiểm toán độc lập theo danh sách dựa trên các tiêu chuẩn về chuyên môn, tính chuyên nghiệp, nguồn lực và chi phí.

4. Giám sát đối với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành

Trong nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng định hướng, có hiệu quả các nghị quyết của ĐHCĐ. Từng thành viên HĐQT, tiểu ban giúp việc của HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy chế hoạt động của HĐQT và phân công của Chủ tịch HĐQT: nghiên cứu, thảo luận, tham gia ý kiến, biểu quyết có chất lượng, trách nhiệm đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT tuân thủ các quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty.

HĐQT đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp theo phiên toàn thể và tổ chức xin ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền. HĐQT đã ban hành các chỉ thị, nghị quyết theo thẩm quyền để định hướng, chỉ đạo, đảm bảo tình hình hoạt động của toàn hệ thống thông suốt theo đúng chiến lược, kế hoạch đã đề ra.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành tiếp tục được thực hiện theo các quy chế đã ban hành và quy định phân cấp ủy quyền của HĐQT cho Ban điều hành. Nhìn chung, giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã có sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời, thống nhất để có các chỉ đạo định hướng cũng như giải quyết kịp thời, hiệu quả các vấn đề lớn phát sinh của Công ty.

Qua soát xét, BKS chưa phát hiện ra trường hợp nào vi phạm các quy định trong quản lý, điều hành đối với Thành viên HĐQT, BKH và các cán bộ quản lý đối với các quy định liên quan tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, đặc biệt là các quy định về trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi. Ban kiểm soát cũng thống nhất với báo cáo kết quả giám sát Ban điều hành của HĐQT.

5. Kết quả đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty và các cổ đông

Giai đoạn 2014-2018, BKS đã được cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty cho mục đích kiểm soát theo quy định. Các thành viên BKS được tham gia các khóa học, hội thảo nghiệp vụ nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn.

Thông qua việc phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Điều hành trong quá trình thực hiện các chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp trong hoạt động giám sát, kiểm toán của Công ty; BKS nắm bắt thông tin và kịp thời đưa ra các đề xuất, kiến nghị với HĐQT, Ban Điều hành trong công tác quản lý, điều hành.

Đối với cổ đông: Trong nhiệm kỳ, BKS không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ sở hữu và thời gian nắm giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO

Hệ thống Quản trị rủi ro của FECON luôn đảm bảo sự thống nhất biện chứng giữa 03 (ba) chức năng: Kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro. Trong đó, quản lý rủi ro là yếu tố cốt lõi để lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hướng vào các vấn đề trọng yếu. Các phát hiện sau mỗi đợt kiểm toán nội bộ là cơ sở để hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ cũng như công tác quản lý rủi ro, đặc biệt là những điểm cần cải tiến.

Xác định được vai trò của quản trị rủi ro, Công ty đã dự thảo, ban hành Sổ tay và Chính sách quản trị rủi ro nhằm kiểm soát Nhóm danh mục rủi ro quan trọng một cách hiệu quả.



RỦI RO CHIẾN LƯỢC

FECON quản lý hiệu quả rủi ro chiến lược trong từng giai đoạn: hoạch định, thực hiện và đánh giá chiến lược. Trong năm, công ty đã hình thành nhóm xây dựng chiến lược cấp Công ty, bao gồm hầu hết các vị trí Lãnh đạo và Quản lý chủ chốt, đồng thời thuê đơn vị KPMG tư vấn về chiến lược FECON giai đoạn 2019- 2024. Từ đó, các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch hành động hàng năm toàn Tập đoàn luôn được xây dựng gắn kết với các mục tiêu chiến lược. Chiến lược sẽ thường xuyên được rà soát, đánh giá và điều chỉnh định kỳ thích ứng với các thay đổi của môi trường kinh doanh.

RỦI RO DANH TIẾNG

Quản lý rủi ro danh tiếng của Công ty gắn liền với quản trị khủng hoảng truyền thông. Do vậy, trước hết Công ty luôn nỗ lực không ngừng nhằm đáp ứng tốt hơn kỳ vọng của các bên liên quan từ đó hạn chế phát sinh các thông tin bất lợi về chất lượng và uy tín của doanh nghiệp. Trong năm, Công ty đã áp dụng bộ quy chế truyền thông, sổ tay hướng dẫn nhằm ứng phó đầy đủ nhất với các kịch bản khủng hoảng truyền thông có thể xảy ra đối với doanh nghiệp. Công ty cũng luôn theo dõi kịp thời các thông tin truyền thông tiêu cực thông qua các công cụ tự động và xử lý khủng hoảng truyền thông phù hợp. Do đó, rủi ro này trong các năm qua luôn được kiểm soát tốt.



RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Quản lý rủi ro hoạt động ở FECON gắn liền với quản lý rủi ro hoạt động của dự án, luôn là vấn đề được Công ty ưu tiên quan tâm. Năm 2018, FECON đã ban hành Cẩm nang quản trị rủi ro quản lý dự án từ khâu lập kế hoạch quản lý, bảo vệ phương án, triển khai và kiểm soát liên tục các rủi ro có thể phát sinh trong suốt vòng đời dự án. Trong đó, việc lập kế hoạch quản trị rủi ro cùng lúc với kế hoạch triển khai dự án là yêu cầu bắt buộc đối với các Ban điều hành dự án của FECON.

Theo Cẩm nang này, tất cả các Ban điều hành dự án phải nhận diện được danh sách các nguy cơ và rủi ro; ước lượng tần suất, mức độ ảnh hưởng của các rủi ro này; kết hợp với các chốt kiểm soát hiện đang áp dụng để đánh giá mức độ nghiêm trọng của các rủi ro đối với dự án đang trực tiếp quản lý.

TOP10 các rủi ro có mức độ nghiêm trọng cao nhất đối với từng dự án được Ban điều hành lựa chọn để lập kế hoạch quản lý rủi ro, đề xuất biện pháp ứng phó và ước tính chi phí. Ban điều hành có trách nhiệm triển khai và kiểm soát rủi ro trên cơ sở kế hoạch quản lý rủi ro đã được phê duyệt nhằm nâng cao tỉ lệ thành công của các mục tiêu quản lý dự án của FECON.



RỦI RO TÀI CHÍNH

Việc vận hành FECON theo mô hình Nhóm các Công ty Tập đoàn đặt ra nhiều thách thức cho Ban lãnh đạo trong công tác quản lý rủi ro tài chính toàn hệ thống. Các rủi ro tài chính được nhận diện, bao gồm:

Rủi ro tín dụng

Chủ yếu đối với FECON là việc khách hàng không đáp ứng được nghĩa vụ công nợ theo hợp đồng. Để ứng phó với rủi ro này, các phòng ban Công ty bao gồm Phòng Kinh tế đấu thầu, Ban dự án, Phòng Tài chính tăng cường tập trung vào công tác

(i) Đánh giá mức độ tin cậy, năng lực tài chính của chủ đầu tư/khách hàng trước khi ký hợp đồng, từ đó đưa ra các chính sách về thanh toán hợp lý cho từng dự án;

(ii) Đẩy nhanh công tác nghiệm thu, xuất hóa đơn, theo dõi và thu hồi công nợ. Ngoài ra, FECON cũng mạnh dạn áp dụng chế tài dừng hợp đồng (*thông qua điều khoản trong hợp đồng được ký kết*) đối với các khách hàng chậm nghiệm thu và thanh toán.

Rủi ro thanh khoản

Năm 2018, các chỉ số tài chính về hệ số thanh toán của FECON đều được đảm bảo, không có bất kỳ sự cố nào về thanh khoản phát sinh. FECON tiếp tục nâng cao vai trò của Phòng Tài chính với sự hỗ trợ của Ban Quản lý chi phí và Dòng tiền trong việc xây dựng chiến lược, kế hoạch tài chính định kỳ, dự báo dòng tiền và các phương án dự phòng nguồn vốn. Điều này đảm bảo rằng dòng tiền của FECON luôn đáp ứng được nhu cầu kinh doanh và đầu tư của Công ty.

Rủi ro thị trường

Các thay đổi về lãi suất/lãi vay sẽ ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận thuần của Công ty. Do đó, FECON tập trung vào quản lý biến động này bằng việc mở rộng quan hệ tín dụng với các tổ chức tài chính đảm bảo tính đa dạng cũng như tăng cường việc đàm phán lãi suất, phí phát hành với từng tổ chức tài chính. FECON có kế hoạch tiếp tục mở rộng việc huy động vốn tại các Ngân hàng của Nhật nhằm đạt được chi phí vốn thấp, đặc biệt khi có cơ đồng chiến lược Nhật tham gia góp vốn vào FECON.

RỦI RO PHÁP LÝ

FECON là công ty niêm yết và đại chúng quy mô lớn, do đó các rủi ro phát sinh trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, các nghĩa vụ với cổ đông, khách hàng luôn được chú trọng quản lý và giám sát. Công tác pháp chế trong mọi mặt hoạt động của Công ty do bộ phận Pháp chế chịu trách nhiệm. Ngoài công tác tham mưu và tư vấn, Ban Pháp chế kết hợp cùng Câu lạc bộ pháp lý FECON tổ chức đào tạo kiến thức pháp lý định kỳ, cập nhật các quy định mới của pháp luật có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh tới các cán bộ nhân viên có liên quan. Từ đó, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, các quy định nội bộ để hạn chế các thiệt hại của rủi ro pháp lý.





Báo cáo PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

"Ngay từ khi mới thành lập đến nay và mãi mãi về sau, phương châm của FECON là ích nước lợi nhà. Mọi hoạt động đều hướng đến mục tiêu lâu dài là sự phát triển bền vững của đất nước"
- **Chủ tịch Phạm Việt Khoa.**

Luôn xác định làm những điều tử tế, học hỏi để hoàn thiện mình, từ đó đóng góp được nhiều hơn cho xã hội là cách làm mà FECON lựa chọn. Nói như chủ tịch Phạm Việt Khoa, FECON không làm ăn chớp giạt. Năm 2018, FECON tiếp tục khẳng định sứ mệnh của mình trong chiến lược kinh doanh bằng việc đầu tư vào hạ tầng năng lượng sạch với sự ra đời của Nhà máy điện Mặt trời Vĩnh Hảo 6, khởi động Hội nghị quốc tế về Địa kỹ thuật GEOTEC 2019 cùng nhiều hoạt động phát triển xây dựng một FECON vững mạnh về văn hóa, trách nhiệm cao với cộng đồng...

ĐỒNG HÀNH ĐỂ ĐI XA HƠN

Với kỳ vọng đóng góp cho sự phát triển bền vững hệ thống kết cấu hạ tầng của Việt Nam, FECON đang từng bước tăng tỷ lệ nội địa hóa trong các dự án hạ tầng có yêu cầu kỹ thuật cao mà từ trước tới nay đa phần dành cho các nhà thầu nước ngoài thực hiện. Chủ tịch Phạm Việt Khoa đã từng khẳng định: "FECON muốn có chất lượng, công nghệ hàng đầu và một cam kết hợp tác lâu dài - điều mà doanh nghiệp Nhật Bản đã có". Đó cũng chính là lý do FECON đã, đang và sẽ lựa chọn Nhật Bản làm đối tác chiến lược hàng đầu để tiếp thu và học hỏi những kinh nghiệm thực tế từ họ.

“
**FECON muốn
có chất lượng,
công nghệ
hàng đầu và một
cam kết hợp tác
lâu dài.**”

Năm 2018 đánh dấu cột mốc thành công vượt trội của FECON trong sự hợp tác với các đối tác Nhật. Điển hình là dự án Tuyến đường sắt đô thị 1 – TPCM đoạn Bến Thành - Suối Tiên khi FECON trở thành nhà thầu Việt Nam đầu tiên vận hành robot đào hầm TBM dưới sự hướng dẫn của các chuyên gia Nhật Bản, do liên danh nhà thầu Shimizu - Maeda làm tổng thầu.

Ngày 4/4/2019, tại Hà Nội, Công ty CP FECON và Tập đoàn Raito Kogyo (Nhật Bản) đã công bố hợp tác chiến lược toàn diện. Theo hợp đồng này, bên cạnh việc đầu tư để sở hữu 19% vốn điều lệ công ty FECON mẹ (FCN) và 36% vốn điều lệ Công ty công trình ngầm FECON (FCU), Raito cũng tăng cường phát triển mảng công trình ngầm và xử lý nền bằng công nghệ tiên tiến. Có thể nói đây là bước đi chiến lược và quan trọng của công ty liên quan đến mảng công trình ngầm đô thị, xử lý nền đất, phòng chống sạt lở các công trình đi qua khu vực miền núi, các công trình hạ tầng ven sông ven biển đang có nhiều nguy cơ sạt lở do biến đổi khí hậu. Với uy tín đã được khẳng định, nội lực vững vàng cùng với mạng lưới đối tác kinh doanh hùng hậu sẽ giúp FECON khẳng định khả năng phát triển mạnh mẽ và bền vững của mình trong thời gian tới.

KINH DOANH THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

Năm 2018, FECON tiếp tục hiện thực hóa định hướng kinh doanh bền vững bằng các ghi thêm bước tiến mới trong chiến lược mở rộng đầu tư vào hạ tầng năng lượng khi Nhà máy điện mặt trời Vĩnh Hảo 6 hoàn thiện các thủ tục hành chính để thi công. EVN đã chấp thuận mua điện của Vĩnh Hảo 6 với giá 2.086 đồng/kWh, áp dụng 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại. Nhà máy điện mặt trời Vĩnh Hảo 6 dự kiến sẽ đi vào hoạt động, hòa lưới điện trước 30/06/2019. Với tổng vốn đầu tư dự kiến 1.361 tỷ đồng, công suất thiết kế 50 MWp, sản lượng điện dự kiến 83 triệu kWh/năm, Vĩnh Hảo 6 sẽ mang lại lợi nhuận lâu dài và bền vững cho công ty.

Tháng 11.2018, FECON tiếp tục chính thức khởi động cho GEOTEC 2019 với chủ đề "Địa kỹ thuật cho sự phát triển hạ tầng bền vững" với 6 nội dung thảo luận là Móng sâu; Hầm và công trình ngầm; Gia cố nền đất; Mô hình số và Quan trắc địa kỹ thuật; Trượt lở và Xói mòn; Kỹ thuật nền móng bờ biển. Những nội dung này đều liên quan đến việc phát triển và ứng dụng khoa học địa kỹ thuật cho sự phát triển bền vững... Đây sẽ là lần thứ 4 liên tiếp FECON đứng ra tổ chức Hội nghị Khoa học có tầm cỡ quốc tế này với mong muốn được kết nối các nhà khoa học trên toàn thế giới trong lĩnh vực Khoa học Địa kỹ thuật để tìm ra giải pháp mới cho những vấn đề về địa chất mà Việt Nam phải đối mặt.



Song song với việc chuẩn bị cho Hội nghị GEOTEC 2019, các hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào mỗi chu trình sản xuất, kinh doanh thông qua phong trào cải tiến – sáng kiến cũng được phát huy. Năm 2018, FECON ghi nhận có 29 đề tài sáng kiến cải tiến được đăng ký, trong đó có 15 đề tài được trao giải và một số đề tài đã được đưa vào sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao chất lượng và đảm bảo an toàn lao động. Đặc biệt hai kỳ Hội nghị Công nghệ xây dựng FECON được tổ chức đã giúp các kỹ sư FECON có thêm một diễn đàn mới để chia sẻ những kinh nghiệm, hiểu biết, sáng kiến, cải tiến của mình trong công tác thi công. Các công nghệ mới mà FECON áp dụng thông qua hội nghị đã kịp thời được chia sẻ như thi công cọc khoan nhồi full-casing, thi công khoan hạ cọc trong đất xi măng, giải pháp giảm độ lệch cọc ép khi thi công trong khu vực có nền đất yếu... đã được đem ra mổ xẻ tại các hội nghị với nhiều ý kiến thiết thực, có giá trị.

Bên cạnh những cải tiến phục vụ việc thi công, ở khối văn phòng, năm 2018 đánh dấu một bước chuyển mình trong việc tiếp cận và ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản trị doanh nghiệp. Hệ thống văn phòng điện tử E-office được đưa vào vận hành nhằm hiện thực hóa mục tiêu xây dựng một ứng dụng số hóa toàn bộ hệ thống tài liệu trong công ty, dung lượng lưu trữ lớn, đảm bảo bảo mật, phân quyền chặt chẽ và chia sẻ linh hoạt, thuận tiện,

“
**Lựa chọn
ỨNG DỤNG
KHOA HỌC
CÔNG
NGHỆ làm
SỨ MỆNH
của doanh
nghiệp**”

an toàn. Cùng với E-office, không gian làm việc số (Digital Workplace) với Office 365 cũng đã chính thức đưa vào sử dụng vào cuối năm 2018. Chương trình bao gồm các ứng dụng như Office online, Email Exchange online, OneDrive, Sharepoint, Yammer, Teams, Skype for business, Forms.... sẽ là công cụ hữu hiệu giúp FECON khai thác kiến thức và sức mạnh trí tuệ của tập thể, cho phép mọi người trong tổ chức cùng chia sẻ những ý tưởng, cộng tác hiệu quả, giúp người FECON thêm hiểu nhau và gắn bó hơn với công ty.

Phát triển nguồn nhân lực tiên tiến với một nền văn hóa doanh nghiệp nhân văn đặc sắc

Nằm trong chương trình hợp tác giữa Học viện công nghệ Châu Á (AIT, Thái Lan) và FECON được ký kết vào năm 2011, Chương trình “Thạc sĩ địa kỹ thuật và quản lý” đã có 7 năm để chuẩn bị cho mục tiêu đào tạo 30 thạc sĩ Địa kỹ thuật chuyên nghiệp. Năm 2018 đã đánh dấu sự hoàn thành mục tiêu chiến lược đặt ra. Khóa 4 cũng là khóa đào tạo thạc sĩ cuối cùng nằm trong chương trình hợp tác. Theo báo cáo Đánh giá hiệu quả chương trình đào tạo cho thấy, 100% học viên sau khi tham gia khóa học đã có sự trưởng thành rõ rệt về khả năng ngoại ngữ, năng lực làm việc, đặc biệt tạo được sự kết nối chuyên môn với các giáo sư trong và ngoài nước, trong số đó có 72% học viên hiện đang giữ những vị trí chủ chốt tại các bộ phận. Điều này một lần nữa khẳng định định hướng phát triển do Ban lãnh đạo đề ra là hoàn toàn đúng đắn và đã có những kết quả đáng ghi nhận. Lực lượng này sẽ đóng vai trò quan trọng trong hành trình phát triển của FECON.

“ Văn hoá doanh nghiệp là niềm tự hào của nhân viên và niềm tin của cộng đồng ”



Ngoài chương trình đào tạo chuyên sâu dành cho những kỹ sư Địa kỹ thuật, FECON tiếp tục triển khai mạnh mẽ chương trình “Phát triển lực lượng quản lý dự án” (PMP), tập trung phát triển và đào tạo đội ngũ quản lý dự án một cách chuyên nghiệp và thống nhất. Được khởi động từ năm 2017, đến năm 2018 chương trình đã hoàn thiện và soát đánh giá toàn bộ đội ngũ Quản lý dự án tại FECON, các chương trình đào tạo, phát triển đã được triển khai theo đúng lộ trình: chương trình đào tạo nền tảng kiến thức chung về quản lý dự án PMI, tích cực đào tạo trên công việc, giao quyền, trao cơ hội cho những nhân sự tiềm năng với mục tiêu xây dựng đội ngũ kế cận qua từng năm.

Tiếp nối những kết quả bước đầu của PMP, để quản lý dự án thực sự trở thành hoạt động chuyên nghiệp, chất lượng, an toàn, năm 2018, FECON khởi động kế hoạch sát hạch phân cấp bậc thợ công nhân, là sự kết hợp các quy định phân hạng của nhà nước và những tiêu chuẩn riêng của FECON nhằm xây dựng, đào tạo và phát triển lực lượng công nhân kỹ thuật cao, ý thức kỷ luật xuất sắc và tâm huyết với nghề.

Xác định lãnh đạo, quản lý là lực lượng nòng cốt, đi đầu trong xây dựng và thực thi chiến lược, vận hành hiệu quả và phát triển đội ngũ bền vững, FECON đã xây dựng lộ trình đào tạo cụ thể dựa trên kết quả khảo sát năng lực và khung năng lực nhằm trang bị những kiến thức về quản trị và các kỹ năng quản lý chuyên nghiệp. Năm 2018 với hàng loạt các chương trình đào tạo trọng điểm, ưu tiên nâng cao năng lực về giải quyết vấn đề, lãnh đạo tạo đột phá, quản trị rủi ro, nghi thức ngoại giao...đội ngũ lãnh đạo, quản lý được kỳ vọng sẽ đem đến những kết quả bứt phá trên nền tảng tri thức bền vững của doanh nghiệp.

Năm 2018 cũng ghi nhận bước tiến mới trong việc hợp tác giữa FECON với các trường đại học thông qua việc sẵn sàng đón chào các giảng viên đại học đến làm việc tại FECON. Tại đây, các giảng viên sẽ có cơ hội được trải nghiệm thực tế thông qua công việc cụ thể tại các dự án của Công ty. Ngược lại, đội ngũ này cũng giúp các nhân sự FECON nắm vững hơn nền tảng lý thuyết và kiến thức chuyên môn, là những nhân sự tiềm năng cho đội ngũ giảng viên nội bộ của Công ty.



Song song với các chương trình đào tạo, chương trình xây dựng văn hóa doanh nghiệp tiếp tục được phát huy để trở thành là chất keo gắn kết toàn thể CBNV và nền tảng cho sự phát triển doanh nghiệp bền vững. Năm 2018, FECON tiếp tục xây dựng văn hóa mang bản sắc riêng bằng việc thực hiện các hành vi thiết thực theo 5 giá trị cốt lõi và tính tự giác kỷ luật cao. Điểm nhấn trong số đó là chương trình “FECON 14 năm – Hòa ý chí, vững niềm tin”, Tour công trường 2018, khởi động chương trình “Tôi yêu FECON”, chuỗi hoạt động Chạy cho tuổi 15...; đã lan tỏa tinh thần Đồng tâm Nhất trí, đam mê quyết liệt, cùng nhau xây dựng FECON mạnh về chuyên môn, đẹp về văn hóa tới toàn bộ CBCNV. Đồng thời giúp đẩy mạnh các hoạt động kết nối toàn hệ thống để tối ưu hóa nguồn lực, nâng cao nhận thức chung về tâm thế, sứ mệnh của mỗi tập thể và cá nhân đối với sự phát triển của Công ty.



PHẦN
04 ▶

NHỮNG MỤC TIÊU MỚI

70.

10 hành động chiến lược
năm 2019



» 10 HÀNH ĐỘNG CHIẾN LƯỢC NĂM 2019

Thực hiện kế hoạch doanh thu lợi nhuận 2019 với doanh thu hợp nhất 4.200 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất của cổ đông công ty mẹ 338 tỷ đồng, Ban điều hành xác định các kế hoạch hành động cụ thể như sau:

► 1. Phát triển kinh doanh, mở rộng lĩnh vực kinh doanh, định hướng tổng thầu

- Tối ưu hóa nguồn lực để tối đa hóa các cơ hội trúng thầu tại các dự án lớn;
- Xây dựng và nâng cao năng lực cạnh tranh để mở rộng vị thế ở vai trò tổng thầu và các lĩnh vực xây dựng hạ tầng;
- Xây dựng mối quan hệ mật thiết với các Chủ đầu tư tư nhân để mang lại nguồn việc tốt hơn cho Công ty;
- Đảm bảo vị thế dẫn đầu ở lĩnh vực thi công nền móng truyền thống, tiên phong trong lĩnh vực ngầm;
- Dịch chuyển tỷ trọng doanh thu đến từ các mảng xây dựng công nghiệp, xây dựng đô thị, hạ tầng thủy lợi với vai trò làm tổng thầu.

► 2. Đầu tư dự án

- Tập trung hợp tác đầu tư với các đối tác trong và ngoài nước cho các dự án có hiệu quả cao thuộc các lĩnh vực: hạ tầng giao thông, hạ tầng năng lượng sạch, xử lý chất thải rắn và chống ngập, chống xói lở và phát triển đô thị;
- Kết nối các đối tác tài chính, đối tác đầu tư để triển khai hoặc thoái vốn dự án thành công;
- Tập trung triển khai xây dựng, lắp đặt thành công Dự án điện mặt trời Vĩnh Hảo 6 theo kế hoạch; Nghiên cứu Vĩnh Hảo 6 giai đoạn 2;
- Phát triển 01 dự án điện gió thành công với đối tác trong năm 2019;
- Cùng FCI triển khai một số dự án phát triển đô thị tại các thành phố lớn.

► 3. Tái cấu trúc quản trị Công ty theo xu hướng quản lý tập trung và định hướng làm tổng thầu

- Thành lập các Công ty thi công cọc khoan và kết cấu ngầm, Công ty thi công cọc dự ứng lực nhằm chuyển dần nguồn lực trực tiếp và các công việc mang tính chuyên môn sâu về các Công ty thành viên.
- Các Ban dự án tại Công ty mẹ sẽ ưu tiên tập trung quản lý các dự án cấp 1, cấp đặc biệt của toàn Tập đoàn.

“
**Xây dựng và
NÂNG CAO
NĂNG LỰC
CẠNH TRANH
để mở rộng vị
thế ở VAI TRÒ
TỔNG THẦU và
các LĨNH VỰC
XÂY DỰNG HẠ
TẦNG**
”

- Tái cấu trúc Tập đoàn theo mô hình tập trung hơn, đặc biệt là các chức năng chính như: tài chính, cung ứng, nhân sự, truyền thông v.v...
- Thiết lập quy chuẩn quản lý dự án, quy trình phối hợp giữa các Ban dự án với hệ thống quản lý chức năng để thúc đẩy công tác quản lý dự án chuyên nghiệp và hiệu quả;
- Đầu tư thành lập công ty chuyên biệt và quản lý thiết bị xác định các KPI cụ thể để tăng hiệu suất sử dụng và khai thác thiết bị.

► 4. Quản lý chi phí & dòng tiền hiệu quả

- Đẩy nhanh tiến độ đàm phán với các nhà đầu tư chiến lược để hoàn thành việc phát hành cổ phiếu muợn nhất trong tháng 9/2019;
- Hỗ trợ các đơn vị thành viên giảm mạnh chi phí hoạt động & chi phí dự án;
- Tăng cường năng lực đàm phán cung ứng và phát triển mạng lưới nhà cung cấp trung thành;
- Đảm bảo cân đối dòng tiền toàn hệ thống trên cơ sở quản lý dòng tiền chặt chẽ theo dự án;
- Quản lý chi phí và Dòng tiền hiệu quả tại từng tự án bao gồm kiểm soát chặt chẽ chi phí theo ngân sách, thúc đẩy thu hồi công nợ từ khi ký hợp đồng đến khi thu hồi xong và đóng dự án;
- Quản lý định biên và chi phí các ban quản lý dự án theo KPIs và định biên đã phê duyệt;
- Quản lý chi phí chặt chẽ theo ngân sách toàn công ty;
- Tối ưu hóa năng lực cung ứng giảm chi phí thông qua hoạt động quản lý cung ứng tập trung, E – bidding, quản lý kho tập trung; tổ chức Hội nghị nhà cung cấp FECON trong năm 2019;
- Đảm bảo tính thanh khoản của hệ thống trên cơ sở ưu tiên nguồn trả nợ ngân hàng và dòng tiền triển khai dự án; đồng thời thực hiện các kênh huy động vốn dài hạn để phục vụ đầu tư.

► 5. Quản trị hệ thống hiệu quả, xây dựng chiến lược 2019-2024 và quản lý triển khai thực chất

- Xây dựng và công bố chiến lược phát triển Tập đoàn FECON giai đoạn 2019 - 2024;
- Triển khai chiến lược đã phê duyệt theo định hướng tổng thầu;
- Tăng cường đào tạo, hướng dẫn áp dụng hệ thống quy chế, quy định;
- Thường xuyên theo dõi và đánh giá việc thực hiện KPIs trên toàn hệ thống;
- Nâng cao năng lực lãnh đạo quản lý đáp ứng sự phát triển của Tập đoàn;
- Tinh gọn đội ngũ gián tiếp tại các công ty thành viên;
- Đẩy mạnh áp dụng công cụ, công nghệ thông tin vào các công tác quản trị và vận hành;
- Tăng cường hoạt động giám sát, đánh giá nội bộ hoạt động của các công ty thành viên, đặc biệt là các công ty mới thành lập.

► 6. Nâng cao năng lực toàn diện của đội ngũ lãnh đạo quản lý

- Hoàn thiện năng lực lãnh đạo, quản lý theo khung năng lực thông qua các chương trình đào tạo;
- Quy hoạch lại đội ngũ nhân sự chủ chốt toàn Tập đoàn, xây dựng lộ trình công danh, đào tạo phát triển đội ngũ nhân tài, đảm bảo lực lượng kế thừa.

► 7. Phát triển đội ngũ quản lý dự án

- Thiết lập hệ thống văn bản quy định, quy trình trong quản lý dự án, đặc biệt với lĩnh vực xây dựng công nghiệp, xây dựng đô thị;
- Tăng cường tính tuân thủ của các quy trình phối hợp giữa các Ban dự án với hệ thống quản lý chức năng để thúc đẩy công tác quản lý dự án chuyên nghiệp và hiệu quả;
- Tuyển dụng PM/SM ở các nhóm lĩnh vực mới;
- Thực hiện kế hoạch đào tạo và luân chuyển nội bộ;
- Thành lập Hội đồng Quản lý dự án trên cơ sở Hội đồng giá hiện tại;
- Đảm bảo tăng cường lực lượng PM, SM theo đúng mục tiêu chương trình phát triển lực lượng quản lý dự án (PMP);
- Mở rộng các diễn đàn trao đổi về kinh nghiệm quản lý dự án để chia sẻ kiến thức trong phạm vi toàn Tập đoàn;
- Nghiên cứu thành lập Hội đồng Quản lý dự án trên cơ sở Hội đồng giá để nâng cao hơn nữa chất lượng quản lý dự án.

► 8. Hoạt động phát triển công nghệ

- Nghiên cứu lựa chọn công nghệ để đầu tư các mảng Công trình ngầm & đô thị, Hạ tầng giao thông, Chống ngập & đường thủy, Công trình công nghiệp, Năng lượng tái tạo và Xử lý chất thải rắn phát điện;
- Đẩy mạnh các phong trào cải tiến liên tục và ứng dụng công nghệ vào thiết kế, thi công;
- Đẩy mạnh hoạt động mạng lưới kỹ sư R&D;
- Kết nối các đối tác công nghệ để nhận được công nghệ tối ưu với chi phí hợp lý;
- Tổ chức thành công Hội nghị GEOTEC HANOI 2019.

“
Hoàn thiện
năng lực **LÃNH
ĐẠO, QUẢN
LÝ** theo khung
năng lực thông
qua **CÁC
CHƯƠNG
TRÌNH ĐÀO
TAO**
”



► 9. Hoạt động truyền thông, thương hiệu

- Thực hiện các chương trình truyền thông nhằm đưa nhận diện đầy đủ hơn về các sản phẩm dịch vụ, thương hiệu & văn hóa FECON đến khách hàng và đối tác;
- Tổ chức các chương trình truyền thông nội bộ gắn kết các giá trị cốt lõi công ty đến từng CBCNV, giúp CBCNV toàn hệ thống hoàn thiện bản thân theo 5 giá trị cốt lõi và tin tưởng vào sự phát triển bền vững của FECON.
- Tổ chức truyền thông qua các hoạt động khoa học công nghệ, hội thảo, triển lãm trong nước và nước ngoài, tích cực tham gia các tổ chức hiệp hội nghề nghiệp để mở rộng quan hệ.
- Tổ chức các hoạt động xã hội (CSR) thiết thực và có chiều sâu.
- Tổ chức thành công Lễ Kỷ niệm 15 năm thành lập FECON.

► 10. Xây dựng văn hóa công ty

- Tiếp tục xây dựng văn hóa FECON mang bản sắc riêng, tạo giá trị gắn kết bằng thực hiện các hành vi thiết thực theo 5 giá trị cốt lõi và tinh tự giác kỷ luật cao.
- Đẩy mạnh các hoạt động kết nối nội bộ toàn hệ thống để tối ưu hóa nguồn lực đồng thời nâng cao nhận thức chung của toàn thể CBCNV về tâm thế, sứ mệnh của mỗi tập thể và cá nhân đối với sự phát triển của Công ty.

**PHẦN
05 ▶**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

76.

Báo cáo của
Ban Tổng giám đốc

79.

Báo cáo kiểm toán độc lập

80.

Bảng cân đối
kế toán hợp nhất

82.

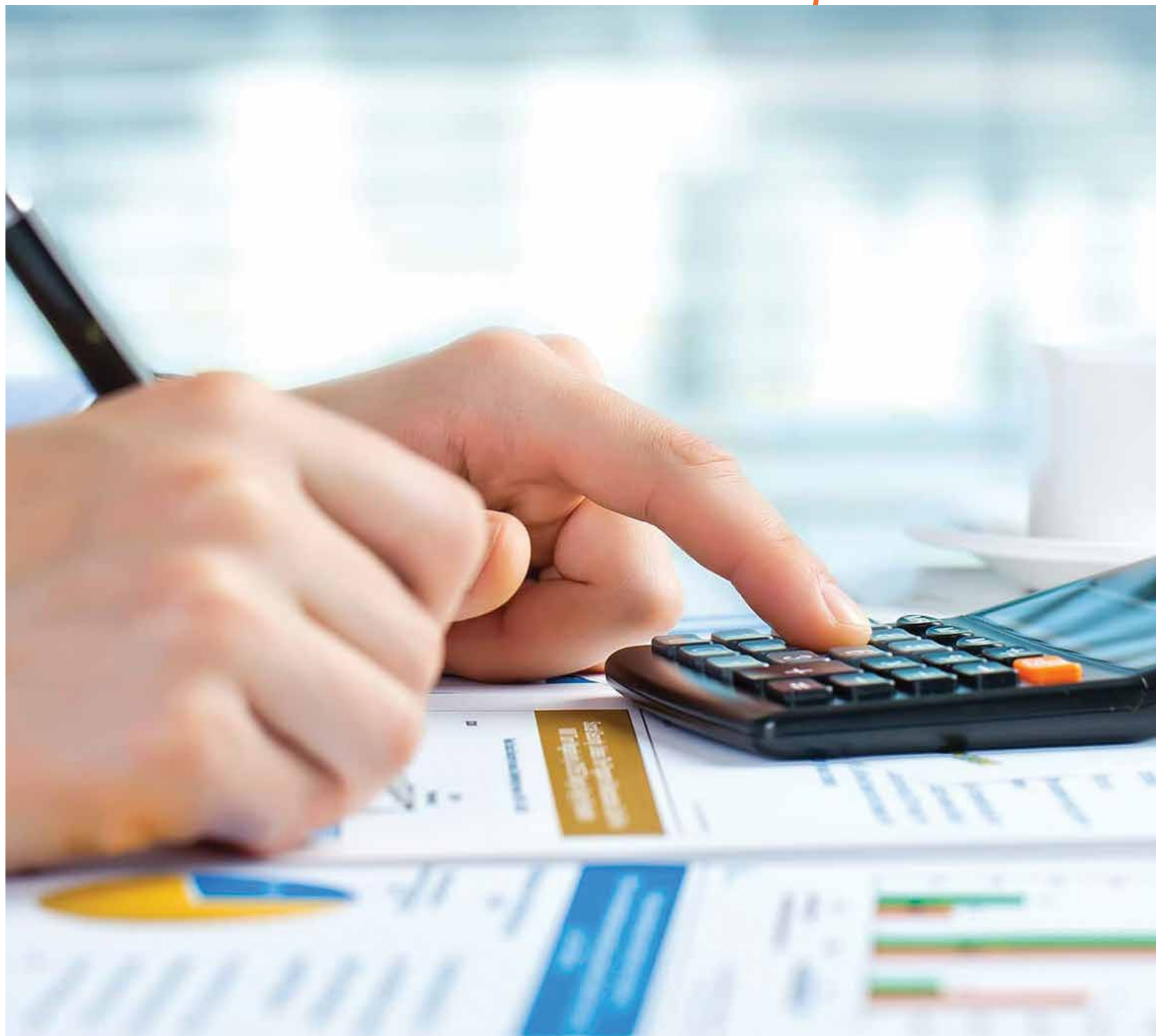
Báo cáo kết quả hoạt động
kinh doanh hợp nhất

83.

Báo cáo lưu chuyển
tiền tệ hợp nhất

84.

Thuyết minh báo cáo
Tài chính hợp nhất



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần FECON (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 8 ngày 17 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp là 0101502599, lần thứ 20 ngày 06 tháng 05 năm 2016 về việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON thành Công ty Cổ phần FECON và về thay đổi lần thứ 28 ngày 12/12/2018 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ: 943.445.620.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm bốn mươi ba tỷ, bốn trăm bốn mươi lăm triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng)

Trụ sở chính: Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty niêm yết cổ phiếu lần đầu tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 98/2012/QĐ-SGDHCM ngày 18/7/2012 của Sở. Mã cổ phiếu: FCN.

Các Công ty con được hợp nhất gồm:

Các Công ty con của Công ty Cổ phần FECON là Công ty CP Xử lý nền và Xây dựng FECON, Công ty Cổ phần FECON Miltec, Trường PTTH Ý Yên, Công ty Cổ phần Hạ tầng FECON, Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON, Công ty Cổ phần FECON SOUTH, Công ty CP Năng Lượng FECON, Công ty CP Nông nghiệp hữu cơ Đông Khê, FECON RAINBOW FOUNDATION CONSTRUCTION CO LTD, Công ty cổ phần Khoáng sản Hải Đăng.

Công ty CP Xử lý nền và Xây dựng FECON (Trước đây là Công ty TNHH xử lý nền đất yếu FECON Shanghai Harbour) hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 011022000246 ngày 25 tháng 09 năm 2009 của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp. Công ty cổ phần FECON nắm giữ 87% vốn thực góp. Hợp nhất Công ty con của Công ty Cổ phần Xử lý nền và Xây dựng FECON là Công ty cổ phần Fecon Miltec.

Trường PTTH Ý Yên chuyển đổi từ Trường phổ thông dân lập (thành lập theo Quyết định số 995/1998/QĐ-UB ngày 28 tháng 07 năm 1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định) thành Trường Trung học phổ thông tư thực theo Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định. Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần FECON.

Công ty Cổ phần Hạ tầng FECON tiền thân là Công ty Cổ phần FECON Holdings, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106393689 ngày 18/12/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và lần thứ 3 ngày 01/12/2014 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật. Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 47,44% vốn thực góp trực tiếp và sở hữu gián tiếp qua Công ty Công ty CP Năng Lượng FECON là 37,07% vốn góp thực tế. Hợp nhất Công ty con của Công ty Cổ phần Hạ tầng FECON là Công ty TNHH MTV Thi công đường bộ FCI.

Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON, được hoạt động theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 011032002731 do UBND Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2014. Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 76,4% vốn thực góp.

Công ty CP Nông nghiệp hữu cơ Đông Khê (trước đây Công ty CP Nông nghiệp thông minh FECON), được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107254215 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/12/2015 Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 78,95% vốn thực góp.

Các Công ty con được hợp nhất gồm:

Công ty Cổ phần FECON South được hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0313876483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23/06/2016. Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 95,27% vốn thực góp.

Công ty CP Năng Lượng FECON (trước đây Công ty TNHH đầu tư hạ tầng FECON) được hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107641750 ngày 22/11/2016, Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 99,99% vốn thực góp.

FECON RAINBOW FOUNDATION CONSTRUCTION CO LTD được thành lập và hoạt động tại Myanmar, Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 74,69% vốn thực góp.

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 2801128982 ngày 11 tháng 01 năm 2008; đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và lần thứ bảy (07) ngày 18 tháng 6 năm 2018 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Vốn điều lệ của Công ty là: 90.000.000.000 đồng (Chín mươi tỷ đồng). Công ty Cổ phần FECON nắm giữ 64% vốn thực góp.

Vốn điều lệ
943.445.620.000
đồng

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

> Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Việt Khoa	Chủ tịch	Ông Phạm Quốc Hùng	Ủy viên
Ông Hà Thế Phương	P. Chủ tịch	Ông Nguyễn Quang Hải	Ủy viên
Ông Trần Trọng Thắng	P. Chủ tịch thường trực	Ông Hà Cửu Long	Ủy viên
Ông Hà Thế Lộng	Ủy viên	Ông Takano Satoshi	Ủy viên
Ông Phùng tiến trung	Ủy viên		

> Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

Ông Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 8/11/2018)
Ông Trần Trọng Thắng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 8/11/2018)
Ông Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc điều hành (Miễn nhiệm ngày 8/11/2018)
Ông Nguyễn Quốc Bảo	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 31/01/2018)
Ông Phạm Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Luyện	Phó Tổng Giám đốc
Ông Muôn Văn Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tạ Công Thanh Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Hanh	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện phát sinh như thuyết minh 6.2 - Thuyết minh Báo cáo tài chính, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính hợp nhất và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình

hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán; Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc.



NGUYỄN VĂN THANH
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**

**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần FECON**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần FECON, được lập ngày 10/4/2019, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

► Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

► Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

► Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



ĐINH VĂN THẮNG

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 03/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2019

NGUYỄN NGỌC KHÁNH

Kiểm toán viên


Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2999-2019-137-1

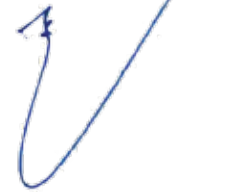
BẢNG CÂN ĐỐI
KẾ TOÁN HỢP NHẤT


	MS	TM	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.650.758.200.462	2.856.715.512.613
I. Tiên và các khoản tương đương tiền	110	5.1	192.527.689.473	233.542.428.764
1. Tiên	111		106.977.186.607	191.385.028.764
2. Các khoản tương đương tiền	112		85.550.502.866	42.157.400.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		751.912.307	861.405.717
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		751.912.307	861.405.717
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.771.455.087.578	2.014.396.688.835
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	2.140.009.913.089	1.734.152.085.642
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		120.536.947.855	97.186.336.398
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		4.677.166.667	8.385.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	508.313.405.078	177.636.424.638
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(2.082.345.111)	(2.963.157.843)
IV. Hàng tồn kho	140		520.741.298.768	421.548.856.341
1. Hàng tồn kho	141	5.5	520.741.298.768	421.548.856.341
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		165.282.212.336	186.366.132.956
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	4.063.060.917	6.056.506.725
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.179.259.022	10.992.289.491
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	151.075.548	53.605.490
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		151.888.816.849	169.263.731.250
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.072.493.655.881	981.138.274.908
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		41.659.323.993	44.094.406.306
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	41.659.323.993	44.094.406.306
II. Tài sản cố định	220		746.987.224.559	645.893.583.357
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	460.347.952.731	390.554.894.485
- Nguyên giá	222		740.578.839.643	664.685.680.591
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(280.230.886.912)	(274.130.786.106)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.8	154.653.911.308	182.667.295.927
- Nguyên giá	225		203.104.124.266	233.949.333.384
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(48.450.212.958)	(51.282.037.457)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	131.985.360.520	72.671.392.945
- Nguyên giá	228		150.790.413.807	82.155.208.908
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.805.053.287)	(9.483.815.963)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		65.146.984.845	43.955.617.634
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	65.146.984.845	43.955.617.634
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	182.375.573.509	205.183.908.089
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		84.495.000.000	205.183.908.089
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		97.880.573.509	-


VI. Tài sản dài hạn khác	260		36.324.548.975	42.010.759.522
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	35.499.834.233	41.914.359.522
2. Lợi thế thương mại	269		824.714.742	96.400.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		4.723.251.856.343	3.837.853.787.521
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		2.789.037.693.122	2.450.788.049.229
I. Nợ ngắn hạn	310		2.172.173.024.332	1.798.321.381.959
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	803.043.575.940	635.196.762.912
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		119.141.766.943	65.332.965.922
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	84.946.719.676	73.992.568.154
4. Phải trả người lao động	314		9.670.912.821	8.369.642.990
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	501.541.709.261	439.760.041.717
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	3.710.713.650
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	100.255.236.535	38.104.118.128
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	547.711.952.510	530.193.231.477
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		5.861.150.646	3.661.337.009
II. NỢ DÀI HẠN	330		616.864.668.790	652.466.667.270
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	25.511.515.565
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		213.449.730	266.835.294
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	331.591.028.016	342.621.230.403
4. Trái phiếu chuyển đổi	339	5.17	279.187.288.497	279.187.288.497
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		5.872.902.547	4.879.797.511
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		1.934.214.163.221	1.387.065.738.292
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.18	1.934.214.163.221	1.387.065.738.292
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		943.445.620.000	543.529.160.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		943.445.620.000	543.529.160.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		285.737.869.395	120.738.363.821
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		48.312.711.503	48.312.711.503
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		219.518.888.438	177.111.033.102
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		429.244.164	128.906.463
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		306.839.463.123	266.643.321.450
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		60.602.389.484	110.457.412.598
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		246.237.073.639	156.185.908.852
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		129.930.366.598	230.602.241.953
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		4.723.251.856.343	3.837.853.787.521

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2019

Người lập:  PHAN VƯƠNG CƯỜNG

Kế toán trưởng:  NGUYỄN THỊ NGHIÊM

Tổng Giám đốc:  NGUYỄN VĂN THANH



BÁO CÁO KẾT QUẢ

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

STT	CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	2.846.284.569.828	2.320.194.137.013
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		738.798.857	2.197.000
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		2.845.545.770.971	2.320.191.940.013
4.	Giá vốn hàng bán	11	5.20	2.417.982.333.909	1.983.032.378.058
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		427.563.437.062	337.159.561.955
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	333.760.173.263	330.315.927.582
7.	Chi phí tài chính	22	5.22	347.417.595.990	322.307.193.352
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>91.154.672.479</i>	<i>90.641.294.699</i>
8.	Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		-	12.546.726.317
9.	Chi phí bán hàng	25	5.23	13.306.299.541	8.891.853.652
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.23	129.359.192.171	131.040.050.921
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		271.240.522.623	217.783.117.929
	{30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}				
12.	Thu nhập khác	31	5.24	56.721.837.551	6.910.042.292
13.	Chi phí khác	32	5.24	21.680.371.846	2.931.786.625
14.	Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.24	35.041.465.705	3.978.255.667
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		306.281.988.328	221.761.373.596
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	55.019.824.727	42.638.283.186
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		2.562.792.228	1.569.687.192
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		248.699.371.373	177.553.403.218
19.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		246.237.073.639	166.513.824.472
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.462.297.734	11.039.578.746
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.26	2.957	2.968

Người lập

PHAN VƯƠNG CƯỜNG

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ NGHIÊM

Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN THANH

BÁO CÁO

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

STT	CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		306.281.988.328	221.761.373.596
2. Điều chỉnh cho các khoản					
	· Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		73.746.872.664	66.468.238.438
	· Các khoản dự phòng	03		(880.812.732)	(786.901.308)
	· Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		2.247.230.970	3.016.855.699
	· Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(96.040.388.998)	(105.858.369.192)
	· Chi phí lãi vay	06		91.154.672.479	90.641.294.699
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		376.509.562.711	275.242.491.932
	· Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(584.150.635.760)	(636.730.893.057)
	· Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(99.192.442.427)	(101.562.466.005)
	· Tăng, giảm các khoản phải trả	11		288.257.502.867	496.529.745.776
	· Tăng, giảm chi phí trả trước	12		8.407.971.097	(13.374.729.361)
	· Tiền lãi vay đã trả	14		(90.832.568.029)	(90.641.294.699)
	· Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(51.223.614.480)	(20.616.258.771)
	· Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		14.486.324.060	38.213.773.286
	· Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(19.502.840.003)	(4.987.855.883)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(157.240.739.964)	(57.927.486.782)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(231.791.940.216)	(138.717.389.044)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		28.265.508.808	3.900.396.061
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.387.166.667)	(550.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		114.605.717	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(307.828.981.250)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		102.582.374.940	254.330.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		49.772.068.948	16.019.660.603
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(364.273.529.720)	134.982.667.620
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		519.999.505.574	-
3.	Tiền thu từ cho vay	33		1.393.698.598.795	1.318.358.079.499
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.329.584.150.841)	(1.313.018.992.682)
5.	Tiền chi trả nợ gốc thuế tài chính	35		(57.625.929.308)	(51.670.467.985)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(44.936.456.000)	(49.499.422.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		481.551.568.220	(95.830.803.168)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(39.962.701.464)	(18.775.622.330)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		233.542.428.764	252.211.387.118
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.052.037.827)	106.663.976
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		192.527.689.473	233.542.428.764

Người lập

PHAN VƯƠNG CƯỜNG

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ NGHIÊM

Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần FECON (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 8 ngày 17 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp là 0101502599, lần thứ 20 ngày 06 tháng 05 năm 2016 về việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON thành Công ty Cổ phần FECON và thay đổi lần thứ 28 ngày 12/12/2018 về việc tăng vốn điều lệ.

• **Vốn điều lệ:** 943.445.620.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm bốn mươi ba tỷ, bốn trăm bốn mươi lăm triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

• **Số lao động bình quân trong năm 2018: 1.860 người**

Công ty niêm yết cổ phiếu lần đầu tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 98/2012/QĐ-SGDHCM ngày 18/7/2012 của Sở. Mã cổ phiếu: FCN.

• **Trụ sở chính:** Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi;
- Thi công hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và đô thị;
- Thí nghiệm khả năng chịu tải nền móng công trình bằng phương pháp nén tải trọng tĩnh và thí nghiệm tải trọng động biến dạng lớn (PDA);
- Thí nghiệm kiểm tra nguyên dạng và tính đồng nhất của cọc móng và các cấu kiện bê tông cốt thép bằng phương pháp siêu âm (SONIC) và phương pháp va đập biến dạng nhỏ (PIT);
- Khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa hình, khảo sát địa chất thủy văn công trình;
- Thực hiện các thí nghiệm địa kỹ thuật phục vụ khảo sát thiết kế, quản lý chất lượng và quan trắc trong thi công nền móng và công trình ngầm (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi.

Số lao động
bình quân trong
năm 2018:
1.860 người

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có các công ty con, công ty liên kết như sau:

	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết
Đầu tư vào Công ty con		
Công ty CP Xử lý nền và Xây dựng FECON (trước đây Công ty CP Xử lý nền Fecon Shanghai Harbour)	87%	87%
Trường THPT Ý Yên	67,74%	67,74%
Công ty Cổ phần Hạ tầng FECON	47,44%	84,52%
Công ty CP Công trình ngầm FECON	76,40%	76,40%
Công ty Cổ phần FECON SOUTH	95,27%	95,27%
Công ty CP Năng Lượng FECON (trước đây Công ty TNHH đầu tư hạ tầng FECON)	99,99%	99,99%
Công ty CP Nông nghiệp hữu cơ Đông Khê (trước đây Công ty CP nông nghiệp thông minh FECON)	78,95%	78,95%
FECON RAINBOW FOUNDATION CONSTRUCTION CO LTD	74,69%	74,69%
Công ty cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng	64%	64%
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		
Công ty cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6	40%	40%
Công ty Cổ phần địa kỹ thuật tiên tiến Raito - FECON	49%	49%

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

➤ Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần FECON, Các Công ty con của Công ty Cổ phần FECON là Công ty CP Xử lý nền và Xây dựng FECON, Công ty Cổ phần FECON Miltec, Trường THPT Ý Yên, Công ty Cổ phần Hạ tầng FECON, Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON, Công ty Cổ phần FECON SOUTH, Công ty CP Năng Lượng FECON, Công ty CP Nông nghiệp hữu cơ Đông Khê, FECON RAINBOW FOUNDATION CONSTRUCTION CO LTD, Công ty cổ phần Khoáng sản Hải Đăng.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2018.

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2018.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức

kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Nguyên tắc kế toán Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính hợp nhất.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013.

Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình Quyền sử dụng đất thuê bao gồm: Giá trị quyền sử dụng đất tại văn phòng Tháp C.E.O, lô HH2-1, Đô thị mới Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội, trong 48 năm của Công ty và phần mềm máy tính.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bảng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 10

Giá trị Quyền sử dụng đất thuê được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê là 48 năm. Phần mềm máy tính được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 3 năm. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, khấu hao được thể hiện theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc kế toán thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Công ty ghi nhận giá trị tài sản cho thuê tài chính là khoản phải thu bằng giá trị đầu tư thuần trong hợp đồng thuê tài chính. Doanh thu từ thuê tài chính được phân bổ vào các kỳ kế toán nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên tổng số dư đầu tư thuần cho thuê tài chính. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất

kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.
- Trích trước chi phí các công trình khi đã có nghiệm thu khối lượng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành.

Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo lãi suất thực tế từng hợp đồng và ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- + Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- + Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa;) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- + Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính;
- + Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

• Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

• Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là thi công xây lắp và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam theo đó không có Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt	53.507.131.801	65.682.018.706
Tiền gửi ngân hàng	53.470.054.806	125.703.010.058
Các khoản tương đương tiền	85.550.502.866	42.157.400.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng</i>	<i>85.550.502.866</i>	<i>42.157.400.000</i>
Tổng	192.527.689.473	233.542.428.764

5.2. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	2.140.009.913.089	1.734.152.085.642
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban dự án Nhiệt điện Long Phú	72.889.755.169	206.048.046.356
Công ty Posco E&C-Thủ chính Gói thầu A2 thuộc DA Hóa dầu Long Sơn	145.331.464.016	-
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	123.019.677.823	190.267.042.654
Công ty TNHH Công nghiệp nặng Doosan Việt Nam	208.049.937.494	-
Công ty CP Địa ốc Đại Quang Minh	14.641.149.220	26.996.955.392
Công ty TNHH phát triển Nam Hội An	-	45.769.851.680
Phải thu các đối tượng khác	1.576.077.929.367	1.265.070.189.560
Tổng	2.140.009.913.089	1.734.152.085.642

5.3. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khác	508.313.405.078	-	177.636.424.638	-
Công ty Cổ phần Japan Expressway International	4.410.000.000	-	4.410.000.000	-
Công ty Cổ phần Central Nippon Expressway	1.890.000.000	-	1.890.000.000	-
Công ty CP Khoáng sản FECON Hải Đăng	-	-	2.285.493.662	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Thương mại Hà Việt	4.415.833.610	-	4.415.833.610	-
ACWA Power Vietnam Renewables Pte. Ltd.	156.977.731.250	-	-	-
Phải thu khác	30.401.897.337	-	13.292.517.213	-
Tạm ứng	297.118.187.595	-	144.253.297.401	-
Ký cược, ký quỹ	13.099.755.286	-	7.089.282.752	-
Phải thu dài hạn khác	41.659.323.993	-	44.094.406.306	-
Các khoản phải thu khác	167.995.280	-	250.000	-
Ký quỹ ký cược dài hạn	41.491.328.713	-	44.094.156.306	-
Tổng	549.972.729.071	-	221.730.830.944	-

5.4. Nợ xấu

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	3.377.792.849	1.295.447.738	4.258.605.580	1.295.447.737
<i>Trong đó:</i>	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Công ty CP Đầu tư XD Vinaconex -PVC				396.738.747
Công ty XD Công trình Giao thông 892				269.661.360
Công ty TNHH MTV 508				843.590.300
Công ty CP Phúc Lộc				177.226.521
Công ty CP Đầu tư xây lắp dầu khí IMICO				312.017.266
Công ty CP Sông Đà Hoàng Long				454.004.029
Các đối tượng khác				924.554.626
Tổng				3.377.792.849

5.5. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	275.147.863	-	18.333.900	-
Nguyên liệu, vật liệu	26.214.097.083	-	25.253.264.518	-
Công cụ, dụng cụ	1.226.191.658	-	2.308.704.870	-
Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang	469.825.522.351	-	385.370.578.219	-
Thành phẩm	9.390.856.129	-	5.893.190.243	-
Hàng hóa	13.334.296.044	-	2.695.219.138	-
Hàng gửi bán	475.187.640	-	9.565.453	-
Tổng	520.741.298.768	-	421.548.856.341	-

5.6. Chi phí trả trước

	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
Ngắn hạn	4.063.060.917	6.056.506.725
Công cụ, dụng cụ, thiết bị	1.479.209.048	1.339.522.634
Chi phí bảo hiểm	371.989.196	579.425.225
Chi phí thuê văn phòng	393.597.480	124.091.550
Tiền thuê đất, thuê máy	-	3.988.356.750
Chi phí sửa chữa	252.882.208	-
Chi phí khác	1.565.382.985	25.110.566
Dài hạn	35.499.834.233	41.914.359.522
Công cụ, dụng cụ, thiết bị	17.981.251.401	29.116.325.788
Chi phí đền bù, GPMB đường vận tải	2.364.289.750	-
Chi phí sửa chữa	3.681.006.777	5.919.631.613
Tiền thuê văn phòng, thuê tài sản	4.331.768.762	4.447.282.598
Chi phí phần mềm	409.759.789	85.766.833
Phí bảo hiểm	492.984.383	961.241.863
Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	115.558.466
Phí cung cấp dịch vụ bảo lãnh phát hành trái phiếu	2.317.061.541	1.019.736.919
Chi phí khác	3.921.711.830	248.815.442
Tổng	39.562.895.150	47.970.866.247

5.7 Tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Đơn vị tính: VND	
						Tổng	Tổng
Số dư tại 01/01/2018	16.491.983.364	592.948.594.999	31.274.983.902	1.934.715.486	22.035.402.840	664.685.680.591	664.685.680.591
Tăng trong năm	37.766.556.307	145.378.691.796	15.906.442.502	1.096.673.603	24.861.248.220	225.009.612.428	225.009.612.428
Mua trong năm	-	66.981.410.899	6.947.599.054	530.905.909	24.679.942.036	99.139.857.898	99.139.857.898
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	48.927.099.193	-	-	-	48.927.099.193	48.927.099.193
Đầu tư XDCB hoàn thành	448.490.000	-	-	-	-	448.490.000	448.490.000
Tặng hợp nhất	37.318.066.307	29.470.181.704	8.958.843.448	565.767.694	181.306.184	76.494.165.337	76.494.165.337
Giảm trong năm	12.294.816.235	131.074.759.411	4.112.755.684	179.576.591	1.454.545.455	149.116.453.376	149.116.453.376
Thanh lý, nhượng bán	-	61.347.667.861	4.112.755.684	31.000.000	1.454.545.455	66.945.969.000	66.945.969.000
Giảm khác	25.808.000	24.061.682.486	-	-	-	24.087.490.486	24.087.490.486
Điều chỉnh tài sản không còn hiện hữu	12.269.008.235	-	-	-	-	12.269.008.235	12.269.008.235
Giảm do hợp nhất	-	45.665.409.064	-	148.576.591	-	45.813.985.655	45.813.985.655
Số dư tại 31/12/2018	41.963.723.436	607.252.527.384	43.068.670.720	2.851.812.498	45.442.105.605	740.578.839.643	740.578.839.643
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư tại 01/01/2018	6.715.541.985	239.259.570.632	19.286.335.808	895.713.425	7.973.624.256	274.130.786.106	274.130.786.106
Tăng trong năm	5.705.837.764	64.016.378.513	5.012.657.966	507.829.826	4.471.253.566	79.713.957.634	79.713.957.634
Khấu hao trong năm	1.851.191.671	42.089.534.942	3.414.355.022	328.498.995	4.415.794.792	52.099.375.421	52.099.375.421
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	17.998.291.758	-	-	-	17.998.291.758	17.998.291.758
Tặng hợp nhất	3.854.646.093	3.928.551.813	1.598.302.944	179.330.831	55.458.774	9.616.290.455	9.616.290.455
Giảm trong năm	1.229.799.377	69.835.208.709	2.109.605.116	21.059.366	418.184.260	73.613.856.828	73.613.856.828
Thanh lý, nhượng bán	-	46.484.875.864	2.109.605.116	31.849	418.184.260	49.012.697.089	49.012.697.089
Giảm khác	-	20.500.076.012	-	-	-	20.500.076.012	20.500.076.012
Điều chỉnh tài sản không còn hiện hữu	1.229.799.377	-	-	-	-	1.229.799.377	1.229.799.377
Giảm do hợp nhất	-	2.850.256.833	-	21.027.517	-	2.871.284.350	2.871.284.350
Số dư tại 31/12/2018	11.191.580.372	233.440.740.436	22.189.388.658	1.382.483.885	12.026.693.562	280.230.886.912	280.230.886.912
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại 01/01/2018	9.776.441.379	353.689.024.367	11.988.648.094	1.039.002.061	14.061.778.584	390.554.894.485	390.554.894.485
Tại 31/12/2018	30.772.143.064	373.811.786.948	20.879.282.063	1.469.328.614	33.415.412.043	460.347.952.731	460.347.952.731

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố các khoản vay: 156.047.370.631
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 68.328.583.988

5.8 Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2018	233.949.333.384	233.949.333.384
Tăng trong năm	18.081.890.075	18.081.890.075
Mua trong năm	18.081.890.075	18.081.890.075
Giảm trong năm	48.927.099.193	48.927.099.193
Mua lại tài sản thuê tài chính	48.927.099.193	48.927.099.193
Số dư tại 31/12/2018	203.104.124.266	203.104.124.266
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2018	51.282.037.457	51.282.037.457
Tăng trong năm	15.166.467.259	15.166.467.259
Khấu hao trong năm	15.166.467.259	15.166.467.259
Giảm trong năm	17.998.291.758	17.998.291.758
Mua lại tài sản thuê tài chính	17.998.291.758	17.998.291.758
Số dư tại 31/12/2018	48.450.212.958	48.450.212.958
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2018	182.667.295.927	182.667.295.927
Tại 31/12/2018	154.653.911.308	154.653.911.308

5.9 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền khai thác mỏ	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2018	79.994.124.119	-	1.235.967.532	925.117.257	82.155.208.908
Tăng trong năm	29.629.635.003	13.195.889.771	25.809.680.125	-	68.635.204.899
Mua trong năm	23.613.527.273	-	25.809.680.125	-	49.423.207.398
Tặng do hợp nhất kinh doanh	6.016.107.730	13.195.889.771	-	-	19.211.997.501
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	109.623.759.122	13.195.889.771	27.045.647.657	925.117.257	150.790.413.807
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2018	8.475.728.686	-	655.578.840	352.508.437	9.483.815.963
Tăng trong năm	2.804.802.762	3.459.923.904	3.010.284.666	46.225.992	9.321.237.324
Khấu hao trong năm	2.481.955.770	942.563.556	3.010.284.666	46.225.992	6.481.029.984
Tặng do hợp nhất kinh doanh	322.846.992	2.517.360.348	-	-	2.840.207.340
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	11.280.531.448	3.459.923.904	3.665.863.506	398.734.429	18.805.053.287
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2018	71.518.395.433	-	580.388.692	572.608.820	72.671.392.945
Tại 31/12/2018	98.343.227.674	9.735.965.867	23.379.784.151	526.382.828	131.985.360.520

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí xây dựng - Trường THPT Ý Yên	-	159.525.000
Chi phí xây dựng Nhà xưởng Lương Sơn - Hòa Bình	15.680.150.891	-
Chi phí xây dựng phần mềm quản lý SAP	-	24.917.631.125
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	11.969.246.220	18.878.461.509
Dự án đường mở giai đoạn 3	9.582.043.000	-
Dự án đường nội bộ mở	9.141.019.032	-
Dự án mở đường và san lấp bãi chứa	690.647.657	-
Dự án lắp đặt dây chuyển 2	3.963.740.308	-
Hệ thống băng tải	3.052.375.000	-
Mua sắm tài sản cố định	9.790.648.654	-
Sửa chữa, cải tạo văn phòng điều hành trạm trộn	1.277.114.083	-
Tổng	65.146.984.845	43.955.617.634

5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ		31/12/2018		01/01/2018	
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi số	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi số	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con	-	-	-	-	-	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết			84.495.000.000	205.183.908.089		
Công ty CP Khoáng sản FECON			-	205.183.908.089		
Công ty CP địa kỹ thuật tiên tiến Raito - FECON	49%	49%	24.500.000.000	-		
Công ty cổ phần Năng lượng Vĩnh Hào 6	40%	40%	59.995.000.000	-		
Đầu tư vào đơn vị khác			97.880.573.509	-		
Công ty cổ phần Khoáng sản FECON	10,95%	10,95%	45.201.592.259	-		
Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCP	9,35%	9,35%	14.868.981.250	-		
Hợp tác kinh doanh, đầu tư với các cá nhân			37.810.000.000	-		
Tổng			182.375.573.509	(*) 205.183.908.089	(*)	(*)

(*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5.12 Phải trả người bán

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	803.043.575.940	803.043.575.940	635.196.762.912	635.196.762.912
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	161.529.488.758	161.529.488.758	175.954.960.301	175.954.960.301
GEOHARBOUR Limited	36.876.978.577	36.876.978.577	39.824.877.831	39.824.877.831
Shanghai Harbour Soft Soil Treatment ...Co., Ltd	-	-	32.310.694.500	32.310.694.500
Các đối tượng khác	604.637.108.605	604.637.108.605	387.106.230.280	387.106.230.280
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	803.043.575.940	803.043.575.940	635.196.762.912	635.196.762.912

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2018
Phải nộp	73.992.568.154	272.356.511.040	261.402.359.518	84.946.719.676
Thuế giá trị gia tăng	30.446.817.283	193.841.183.383	193.395.347.014	30.892.653.652
• Phát sinh trong năm	30.446.817.283	193.841.183.383	192.858.206.673	31.429.793.993
• Giảm do Hợp nhất			537.140.341	(537.140.341)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	40.959.293.758	55.110.318.773	51.223.614.480	44.845.998.051
• Phát sinh trong năm	40.959.293.758	55.019.824.727	50.300.357.021	45.678.761.464
• Phạt chậm nộp thuế	-	90.494.046	90.494.046	-
• Giảm do Hợp nhất			832.763.413	(832.763.413)
Thuế thu nhập cá nhân	2.586.457.113	13.164.366.843	13.259.602.741	2.491.221.215
• Phát sinh trong năm	2.586.457.113	13.164.366.843	12.983.902.530	2.766.921.426
• Giảm do Hợp nhất			275.700.211	(275.700.211)
Thuế tài nguyên	-	1.330.917.000	1.219.352.033	111.564.967
• Phát sinh trong năm		1.287.267.384	1.219.352.033	67.915.351
• Tăng do Hợp nhất		43.649.616	-	43.649.616
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	123.645.994	-	123.645.994
• Phát sinh trong năm	-	(34.674.882)	-	-
• Tăng do Hợp nhất	-	158.320.876	-	-
Thuế nhà thầu nước ngoài phải nộp	-	756.130.131	756.130.131	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	8.029.948.916	1.548.313.119	6.481.635.797
• Phát sinh trong năm	-	1.311.352.012	1.548.313.119	(236.961.107)
• Tăng do Hợp nhất	-	6.718.596.904	-	6.718.596.904
	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2018
Phải thu	53.605.490	1.684.196.678	1.781.666.736	151.075.548
Thuế XNK	53.605.490	905.681.228	940.259.717	88.183.979
Thuế giá trị hàng nhập khẩu		778.515.450	841.407.019	62.891.569
Tổng	53.605.490	1.684.196.678	1.781.666.736	151.075.548

5.14. Chi phí phải trả

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn	501.541.709.261	439.760.041.717
Lãi vay phải trả	322.104.450	-
Trích trước chi phí các công trình	501.219.604.811	439.760.041.717
Tổng	501.541.709.261	439.760.041.717

5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn	100.255.236.535	38.104.118.128
Tài sản thiếu chờ xử lý	121.600	-
Kinh phí công đoàn	653.616.216	624.567.113
Bảo hiểm xã hội	358.130.509	260.972.174
Bảo hiểm y tế	113.778.680	48.004.788
Bảo hiểm thất nghiệp	50.934.186	19.241.961
Phải trả phải nộp khác	99.078.655.344	37.151.332.092
<i>Công ty CP đầu tư XD và thương mại Quốc tế</i>	<i>6.018.147.489</i>	<i>3.500.367.400</i>
<i>Shanghai Harbour soft soil treatment engineering C</i>		<i>17.295.713.109</i>
<i>Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1</i>	<i>-</i>	<i>500.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Geoharbour Holding</i>	<i>37.095.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Công ty cổ phần khoáng sản Fecon</i>	<i>5.462.271.836</i>	<i>-</i>
<i>Viện nền móng và công trình Ngầm Fecon</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Trần Văn Nam</i>	<i>8.736.259.995</i>	<i>-</i>
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>41.766.976.024</i>	<i>15.855.251.583</i>
Dài hạn	-	-
Tổng	100.255.236.535	38.104.118.128

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

A. VAY	TRONG NĂM		Số có khả năng trả nợ
	31/12/2018	01/01/2018	
Vay ngắn hạn	547.711.952.510	1.239.432.914.308	530.193.231.477
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CNTP HCM	7.527.989.555	27.689.788.728	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Đô	148.407.724.927	389.477.907.843	233.620.132.800
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Bến Thành	-	1.321.184.306	-
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội - Chi nhánh Sở Giao Dịch 1	150.207.657.325	333.772.110.253	135.762.978.105
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thăng Long	27.155.741.326	187.447.227.605	51.665.257.229
Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - CN Hà Nội	64.010.727.560	103.085.967.650	24.795.212.463
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	13.247.403.840	57.330.194.192	18.241.623.639
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	5.877.597.214	31.147.640.807	5.759.638.914
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - CN Mỹ Đình	1.900.988.651	-	2.853.081.983
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Láng Hòa Lạc	14.525.232.347	36.470.887.383	789.067.959
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm	53.716.470.553	68.420.956.294	28.552.275.224
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	5.364.615.177	11.864.615.177	2.452.990.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam-CN HCM	-	8.243.429.975	25.700.973.161
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	45.504.598.029	48.977.344.886	-
NH TMCP Nông nghiệp & PT Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ	2.609.494.600	2.609.494.600	-
Vay các cá nhân	10.285.711.406	10.285.711.406	-
Tăng hợp nhất vay cá nhân	(2.630.000.000)	715.000.000	3.345.000.000

	31/12/2018		TRONG NĂM			01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay dài hạn	260.151.420.600	260.151.420.600	95.617.310.374	89.870.376.935	254.404.487.161	254.404.487.161	
Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - CN Hà Nội	13.752.000.000	13.752.000.000	15.126.000.000	1.374.000.000	-	-	
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Láng Hòa Lạc	2.105.400.000	2.105.400.000	2.178.000.000	72.600.000	-	-	
Ngân Hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở Giao Dịch 1	87.237.112.604	87.237.112.604	72.679.881.481	17.081.727.786	31.638.958.909	31.638.958.909	
SHOWA LEASING „LTD	-	-	-	8.059.800.000	8.059.800.000	8.059.800.000	
Vay Công ty Shanghai Harbour Brunei	44.009.705.032	44.009.705.032	-	-	44.009.705.032	44.009.705.032	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN	2.878.893.077	2.878.893.077	-	251.886.923	3.130.780.000	3.130.780.000	
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - CN Mỹ Đình	7.526.024.358	7.526.024.358	3.500.000.000	1.572.222.226	5.598.246.584	5.598.246.584	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín	3.015.835.529	3.015.835.529	213.428.893	1.311.540.000	4.113.946.636	4.113.946.636	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	476.450.000	476.450.000	-	146.600.000	623.050.000	623.050.000	
Trái phiếu thường							
Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam	-	-	1.920.000.000	60.000.000.000	58.080.000.000	58.080.000.000	
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	99.150.000.000	99.150.000.000	-	-	99.150.000.000	99.150.000.000	
Thuế tài chính	71.439.607.416	71.439.607.416	41.129.653.080	57.906.788.906	88.216.743.242	88.216.743.242	
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	15.003.860.701	15.003.860.701	2.113.568.000	8.327.070.314	21.217.363.015	21.217.363.015	
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV - Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam	18.394.000.000	18.394.000.000	-	18.420.000.000	36.814.000.000	36.814.000.000	
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	38.041.746.715	38.041.746.715	39.016.085.080	31.159.718.592	30.185.380.227	30.185.380.227	
Tổng	879.302.980.526	879.302.980.526	1.393.698.598.795	1.387.210.080.149	872.814.461.880	872.814.461.880	

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/132625/HĐTDHM ngày 28/07/2017 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô. Hạn mức cấp tín dụng : 900.000.000.000 VND.

+ **Cho vay ngắn hạn:** 400.000.000.000 VND

+ **Bảo lãnh:** 500.000.000.000 VND

+ **Mục đích vay:** Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng. Lãi suất: được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Biện pháp bảo đảm : các Hợp đồng cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, ký quỹ được giao kết trước, cùng hoặc sau ngày 28/07/2017 mà điều khoản về Phạm vi bảo đảm của các Hợp đồng bảo đảm bao gồm Hợp đồng này.

(2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/132625/HĐTDHM ngày 30/06/2016 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô. Hạn mức cấp tín dụng : 650.000.000.000 VND.

+ **Cho vay ngắn hạn:** 300.00.000.000 VND

+ **Bảo lãnh:** 350.000.000.000 VND

+ **Mục đích vay:** Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức : đến hết ngày 30/06/2017. Lãi suất : Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp bảo đảm : Thế chấp máy móc thiết bị, quyền thuê văn phòng và các tài sản khác cam kết đáp ứng tỷ lệ tài sản bảo đảm theo quy định của BIDV tại mọi thời điểm.

(3) Hợp đồng tín dụng số 001/2014/HĐTD-HM/PVB-CNTB với Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Thái Bình

▶ Hạn mức:

+ **Cho vay ngắn hạn:** 50.000.000.000 VND

+ **Bảo lãnh:** 50.000.000.000 VND

+ **Mục đích:** Bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh

+ **Lãi suất:** Biến đổi

Thời hạn cho vay: Tối đa 9 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay và được ghi cụ thể cho từng Khế ước nhận nợ

Biện pháp bảo đảm: Các khoản phải thu đã hình thành của bên được cấp tín dụng, trong đó ưu tiên nhận một trong các khoản phải thu đã hình thành của các công trình FECON thi công trong ngành Dầu khí (như dự án Long Phú I, Nhiệt điện Thái Bình, Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn...) và ký thỏa thuận quản lý nguồn thu đã hình thành này.

Khoản vay với ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển BIDV - Chi nhánh Đông Đô theo hợp đồng tín dụng số 02/2015/6863256/HĐTD ngày 29/10/2015. Tổng số tiền vay VND tối đa tương đương 195,338,90 USD quy đổi tại thời điểm giải ngân. Mục đích vay: Đầu tư tài sản là Máy bơm cường độ cao High Pressure pump, nhãn hiệu SOILMEC 7t-505J để nâng cao năng lực máy móc thiết bị công. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay theo lãi suất quy định từng thời điểm của ngân hàng. Tài sản thế chấp khoản vay chính là tài sản được hình thành trên khoản vay và khoản vay theo Hợp đồng số 01/2016/6863256 ngày 04 tháng 2/2016; sửa đổi bổ sung ngày 15/02/2016 với NH TMCP Đầu tư và phát triển VN chi nhánh Đông Đô để mua máy móc thiết bị với thời hạn vay 36 tháng, lãi vay 10%/năm áp dụng đến ngày 01/7/2016, điều chỉnh 6 tháng/ lần.

Hợp đồng cho vay số: 28/2017/HĐTD/PHG ngày 20 tháng 01 năm 2017. Số tiền vay là 733.000.000 đồng. Mục đích vay vốn để thanh toán tiền mua ô tô phục vụ mục đích đi lại nội bộ của doanh nghiệp theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 0117/07/HĐKT/VH ký ngày 09/01/2017 giữa Công ty Cổ phần công trình ngầm Fecon và Công ty TNHH ô tô Việt Hùng. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất theo từng văn bản nhận nợ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ hợp đồng vay vốn này.

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức, đính kèm hợp đồng tín dụng số 02/CV-0072/SME/16LD ngày 28/04/2017. Số tiền vay là 8 tỷ đồng, thời hạn vay đến hết ngày 31/03/2018, lãi suất theo thông báo lãi suất cho vay đồng Việt Nam theo từng giấy nhận nợ.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Mỹ Đình theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 3206.16.011.2444277. TD, với các điều khoản như sau:

+ **Số tiền vay tối đa:** 13.445.000.000 đồng.

+ **Mục đích vay:** Đầu tư máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất bê tông nhựa nóng.;

+ **Thời hạn rút vốn:** Tối đa đến ngày 30/1/2017; Thời gian vay: từ ngày 22/1/2017 đến 22/1/2019 (03 năm).

+ **Các hình thức bảo đảm tiền vay:** Trạm cân điện tử 80 tấn, 01 bộ trạm trộn bê tông nhựa nóng hoàn chỉnh; 1 máy xúc lật bánh lốp ZL50CN.

Khoản vay Công ty TNHH Shanghai Harbour Brunei theo Hợp đồng số 01/HĐ/FCSSH-SHBR ngày 01/6/2011 và Phụ lục hợp đồng số 01/HĐ/FCSSH-SHBR ngày 02 tháng 5 năm 2012; thời hạn hợp đồng tối đa 72 tháng, lãi suất vay 0%. Mục đích vay vốn để bổ sung vốn mua nguyên vật liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Số dư nợ vay gốc nguyên tệ tại ngày 31/12/2018 là: 1.935.768,86 USD và phát sinh tăng trong năm là do công tác đánh giá lại theo tỷ giá của ngày cuối năm.

5.17 Trái phiếu phát hành

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018			01/01/2018		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
Trái phiếu						
a. Trái phiếu phát hành						
- Phát hành theo mệnh giá	279.187.288.497			279.187.288.497		
+ Trái phiếu chuyển đổi giữa Công ty và Công ty Japan South East Asia Growth Fund L.p) (1)	279.187.288.497	6%	3 năm	279.187.288.497	6%	3 năm
Tổng	279.187.288.497			279.187.288.497		

Hợp đồng Trái phiếu chuyển đổi giữa Japan South East Asia Growth Fund L.P. và Công ty Cổ phần FECON ngày 24 tháng 05 năm 2014.

Số lượng: 195.585 Trái phiếu; Mệnh giá: 1.000.000 VND/TP; Tổng mệnh giá: 195.585.000.000 VND; Lãi suất: 6,0%/năm; Thời hạn 3 năm.

Hợp đồng đặt mua trái phiếu số 01/2015/HĐTP/VCBS-FCN giữa Công ty Cổ phần FECON và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 09/06/2015

Số lượng: 100.000 TP
Mệnh giá: 1000.000 VND/TP
Tổng mệnh giá: 100.000.000.000 VND

Mục đích sử dụng số tiền thu được: Đầu tư mua máy móc thiết bị; Đầu tư liên kết hợp tác với các đối tác cùng ngành; Góp vốn thành lập doanh nghiệp chuyên sâu về công trình ngầm; Bổ sung vốn lưu động.

Lãi suất: 6,0%/năm
Thời hạn: 3 năm

5.18 Vốn chủ sở hữu
A. Chi tiết tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn đổi trái phiếu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích ổ động không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2017	477.228.540.000	53.938.983.821	67.947.587.537	113.199.476.401	-	258.390.719.175	263.658.873.135	1.234.364.180.069
Tăng vốn	66.300.620.000	66.799.380.000	-	-	-	-	-	133.100.000.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	166.513.824.472	-	166.513.824.472
Tạm trích quỹ khen thưởng năm 2017	-	-	-	-	-	(10.327.915.620)	-	(10.327.915.620)
Trích lập các quỹ	-	-	-	63.911.556.701	128.906.463	(65.506.253.850)	-	(1.465.790.686)
Chia trả cổ tức	-	-	-	-	(49.499.422.000)	(49.499.422.000)	-	(49.499.422.000)
Giảm khác	-	-	(19.634.876.034)	-	(32.819.966.872)	(33.056.631.182)	-	(85.511.474.088)
Chi chuyển gia đảo tạo năm 2015	-	-	-	-	(202.680.000)	(202.680.000)	-	(202.680.000)
Tăng khác	-	-	-	-	95.016.145	95.016.145	-	95.016.145
Số dư tại 31/12/2017	543.529.160.000	120.738.363.821	48.312.711.503	177.111.033.102	128.906.463	266.643.321.450	230.602.241.953	1.387.065.738.292
Số dư tại 01/01/2018	543.529.160.000	120.738.363.821	48.312.711.503	177.111.033.102	128.906.463	266.643.321.450	230.602.241.953	1.387.065.738.292
Tăng vốn	355.000.000.000	164.999.505.574	-	-	-	-	-	519.999.505.574
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	246.237.073.639	-	246.237.073.639
Chia trả cổ tức bằng cổ phiếu	44.916.460.000	-	-	-	-	(44.916.460.000)	-	-
Chia trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	(44.936.456.000)	-	(44.936.456.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	20.611.560.187	300.337.701	(20.611.560.187)	-	300.337.701
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017	-	-	-	-	-	(2.629.209.418)	-	(2.629.209.418)
Thù lao HĐQT thành viên không chuyên trách	-	-	-	-	-	(2.480.000.000)	-	(2.480.000.000)
Trích thưởng HĐQT&BKS năm 2017	-	-	-	-	-	(1.676.689.265)	-	(1.676.689.265)
Tăng/giảm khác	-	-	-	-	-	(179.902.595)	-	(179.902.595)
Tăng/Giảm trong năm	-	-	-	21.796.295.149	-	(88.610.654.501)	(100.671.875.355)	(167.486.234.707)
Số dư tại 31/12/2018	943.445.620.000	285.737.869.395	48.312.711.503	219.518.888.438	429.244.164	306.859.463.123	129.930.366.598	1.934.214.163.221

B. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	543.529.160.000	477.228.540.000
Vốn góp tăng trong năm	399.916.460.000	66.300.620.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	943.445.620.000	543.529.160.000
Cổ tức	89.852.916.000	49.499.422.000
Trích lập quỹ	23.240.769.605	75.834.169.470

C. Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	94.344.562	5.435.292
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	94.344.562	5.435.292
Cổ phiếu phổ thông	94.344.562	5.435.292
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	94.344.562	5.435.292
Cổ phiếu phổ thông	94.344.562	5.435.292
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng hóa	372.044.559.321	117.787.338.686
Doanh thu xây lắp	2.468.724.979.314	2.152.439.832.598
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.515.031.193	49.966.965.729
Tổng	2.846.284.569.828	2.320.194.137.013

5.20. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn hàng bán	336.461.969.903	112.353.917.458
Giá vốn của hoạt động xây lắp	2.077.348.146.948	1.829.963.022.586
Giá vốn của dịch vụ	4.172.217.058	40.715.438.014
Tổng	2.417.982.333.909	1.983.032.378.058

5.21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.277.675.140	4.591.164.542
Doanh thu bán khoản đầu tư	311.119.324.940	316.495.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	12.017.732	71.948.938
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.122.270.451	1.629.714.102
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.228.885.000	7.528.100.000
Tổng	333.760.173.263	330.315.927.582

5.22. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí lãi vay	91.154.672.479	90.641.294.699
Giá vốn thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	247.737.122.491	226.400.074.986
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.259.248.702	3.088.804.637
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.967.941.208	1.573.722.057
Chi phí tài chính khác	298.611.110	603.296.973
Tổng	347.417.595.990	322.307.193.352

5.23. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí bán hàng	13.306.299.541	8.891.853.652
Chi phí nhân viên	8.058.063.778	6.572.024.068
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	125.228.472	813.636
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	138.438.135	34.369.619
Chi phí khấu hao TSCĐ	29.434.068	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.632.040.815	2.060.708.961
Chi phí bằng tiền khác	323.094.273	223.937.368
Chi phí quản lý	129.359.192.171	131.040.050.921
Chi phí nhân viên quản lý	74.012.104.560	74.920.407.475
Chi phí vật liệu quản lý	1.217.665.132	1.446.732.542
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.398.835.076	4.509.165.124
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.069.665.934	3.627.925.478
Thuế phí và lệ phí	5.423.285.981	5.387.759.018
Chi phí dự phòng	-	786.901.308
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.173.292.923	25.032.401.706
Chi phí bằng tiền khác	13.064.342.565	15.328.758.270
Tổng	142.665.491.712	139.931.904.573

5.24. Thu nhập khác /Chi phí khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản, vật tư	28.265.508.808	3.900.396.061
Thu bảo hiểm, bảo lãnh	-	1.749.729.242
Xử lý Kiểm kê	127.249.392	-
Thu nhập từ việc mua rẻ công ty con	25.690.487.445	-
Thu từ hội nghị Geotech	-	272.939.137
Các khoản khác	2.638.591.906	986.977.852
Tổng	56.721.837.551	6.910.042.292
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	17.113.882.399	256.216.425
Xử lý kiểm kê	150.064.434	-
Phạt vi phạm hợp đồng	1.181.597.083	-
Chi phí nộp phát thuế và phạt vi phạm hành chính	1.333.615.276	294.451.792
Chi phí khác	1.901.212.654	2.381.118.408
Tổng	21.680.371.846	2.931.786.625
Lợi nhuận khác	35.041.465.705	3.978.255.667

5.25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	55.019.824.727	42.638.283.186
Tổng	55.019.824.727	42.638.283.186

5.26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	248.699.371.373	177.553.403.218
Lợi ích của cổ đông thiểu số	2.462.297.734	11.039.578.746
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (Trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	12.957.125.038
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông công ty Mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	246.237.073.639	153.556.699.434
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	83.267.527	51.734.563
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.957	2.968

5.27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.573.364.125.110	1.625.333.279.992
Chi phí nhân công	213.879.635.295	240.818.220.294
Chi phí khấu hao tài sản cố định	73.746.872.664	66.468.238.438
Chi phí dự phòng	880.812.732	786.901.308
Chi phí dịch vụ mua ngoài	552.677.571.206	594.914.074.599
Chi phí khác bằng tiền	122.923.699.923	60.816.806.127
Tổng	2.537.472.716.930	2.589.137.520.758

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

A. Số dư với các bên liên quan

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu			
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON	Công ty liên kết	-	109.804.995
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	Công ty đầu tư khác	1.430.045.760	-
Người mua ứng tiền trước			
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	Công ty đầu tư khác	-	27.863.645.225
Phải trả người bán			
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	Công ty đầu tư khác	161.529.488.758	175.954.960.301
Trả trước cho người bán			
Công ty Cổ phần Khoáng sản Fecon	Công ty đầu tư khác	2.885.916.000	24.472.477.816

B. Giao dịch với các bên liên quan

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ	NĂM 2018 VND	NĂM 2017 VND
Các giao dịch bán hàng			
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	Công ty đầu tư khác	141.415.484.647	105.567.377.305
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON	Công ty liên kết	4.318.252.116	374.001.341
Các giao dịch mua hàng			
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	Công ty đầu tư khác	532.028.093.803	498.778.587.481

6.2 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Sự kiện phát sinh thứ nhất: Sau thời điểm kết thúc kỳ kế toán 31/12/2018, Công ty có thành lập Công ty cổ phần thi công cọc FECON số 1 (Công ty cổ phần FECON nắm giữ 98,889% vốn điều lệ, Vốn điều lệ 18 tỷ), Công ty cổ phần Cọc khoan và Kết cấu ngầm FECON (Công ty cổ phần FECON nắm giữ 99,889% vốn điều lệ, Vốn điều lệ 18 tỷ); Công ty TNHH Xây dựng FECON Trung Chính Myanmar (Công ty cổ phần FECON sở hữu 100% vốn điều lệ, Vốn điều lệ 9,3 tỷ tương đương 400.000 USD).

Sự kiện phát sinh thứ hai: Ngày 14/3/2019, Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần FECON Nghị quyết thông qua phương án phát hành trái phiếu của Công ty cổ phần FECON: Loại trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản đảm bảo; Phương thức phát hành trái phiếu: Phát hành riêng lẻ thông qua Đại lý phát hành; Khối lượng phát hành: Tối đa 100 tỷ; Mệnh giá 1.000.000 đồng/Trái phiếu; Kỳ hạn 24 tháng; Tài sản đảm bảo: 3.000.000 cổ phiếu niêm yết Công ty cổ phần FECON, 4.100.000 cổ phiếu Công ty cổ phần Khoáng sản FECON; Lãi suất: Lãi suất tiền gửi bằng đồng VND đối với cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của các Ngân hàng Vietcombank; BIDV, Agribank + biên độ 3,5%/năm.

Sự kiện phát sinh thứ ba: Ngày 12/3/2019, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần FECON nghị quyết thông qua Phương án tăng vốn góp vào Công ty cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6, số vốn góp tăng thêm là 76,5 tỷ, sau khi góp vốn tỷ lệ sở hữu chiếm 30% vốn điều lệ.

6.3 Báo cáo bộ phận

Hiện nay, hoạt động chính của Công ty là xây dựng, hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác do bộ phận hoạt động sản xuất kinh doanh chính kết hợp thực hiện, không có bộ phận bán hàng và cán bộ chuyên trách, riêng biệt. Vì vậy, Công ty không có Báo cáo bộ phận.

6.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán.

Người lập

PHAN VƯƠNG CƯỜNG

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ NGHIÊM

Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN THANH



Thấu hiểu lòng đất, Chinh phục tầm Cao

A. Tầng 15 tháp CEO, lô HH2-1, KĐT Mỹ Trì Hạ,
Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

T. (+84) 24 62690481
F. (+84) 24 62690484

E. info@fecon.com.vn
www.fecon.com.vn